

Chủ đề 1 :

THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Liên hợp quốc

1.1 Hoàn cảnh lịch sử

Vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến quan trọng:

- + Ưu thế trên chiến trường thuộc về phe Đồng minh chống phát xít .
→ Các nước nhận thấy cần hợp tác để tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, kết thúc chiến tranh.
- + Việc tổ chức lại thế giới sau chiến tranh càng trở nên cấp bách.
→ Yêu cầu xác lập một tổ chức quốc tế để duy trì hòa bình và trật tự thế giới.
- Việc thành lập tổ chức để duy trì hòa bình thế giới phù hợp với khát vọng hòa bình của nhân loại.

1.2 Quá trình hình thành

- 1941: Các nước đồng minh ký bản tuyên bố cùng hợp tác.
- 1942: Đại diện Mỹ, Anh, Liên Xô, Trung Quốc và 22 nước Đồng minh họp tại Oa-sinh-tơn (Mĩ), kí Tuyên bố Liên hợp quốc, cam kết cùng chống phát xít, thành lập một tổ chức quốc tế để giữ gìn hòa bình thế giới sau chiến tranh.
- 1943: Hội nghị Tê-hê-ran, nguyên thủ 3 nước Liên Xô, Mĩ, Anh khẳng định quyết tâm thành lập Liên hợp quốc.
- 2/1945: Tại hội nghị I-an-ta, nguyên thủ 3 nước Liên Xô, Mĩ, Anh thống nhất thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
- 4-6/1945: Đại diện 50 quốc gia họp tại San Francisco (Mĩ) thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.
- 24/10/1945: Hiến chương được các nước thành viên phê chuẩn, Liên hợp quốc chính thức thành lập với 51 nước thành viên.

1.3 Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động

- Mục tiêu:

- Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.
- Phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.
- Tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước.
- Là trung tâm điều hoà hoạt động của các quốc gia vì mục tiêu chung.

- Nguyên tắc hoạt động được thể hiện đầy đủ trong Hiến chương Liên hợp quốc:

- Bình đẳng chủ quyền của tất cả các quốc gia thành viên.
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị quốc gia.
- Từ bỏ đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.
- Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp.
- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

1.4 Vai trò

- Duy trì hòa bình, an ninh quốc tế:

- Ngăn chặn xung đột; làm trung gian hoà giải xung đột; triển khai các hoạt động giữ gìn hòa bình; góp phần ngăn chặn không để xảy ra chiến tranh thế giới từ 1945 đến nay.
- Xây dựng được hệ thống công ước quốc tế: giải trừ quân bị, chống chạy đua vũ trang hạn chế vũ khí hạt nhân... → tạo khuôn khổ cho việc ngăn chặn phổ biến vũ khí hủy diệt.
- Có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình phi thực dân hóa, thủ tiêu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân; chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc.

→ Góp phần làm gia tăng số lượng thành viên của Liên hợp quốc hiện nay là 193 nước.

- Thúc đẩy phát triển:

- Tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy hợp tác quốc tế về kinh tế, tài chính, thương mại khoa học - kỹ thuật thông qua các chương trình, quỹ trực thuộc, các tổ chức chuyên môn và các tổ chức liên chính phủ.
- Có nhiều chương trình hỗ trợ các nước về vốn, tri thức, kỹ thuật, cán bộ,... để phát triển kinh tế.

- Bảo đảm quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội:

- Thúc đẩy việc xây dựng và ký kết những văn bản, điều ước quốc tế nhằm bảo đảm quyền cơ bản của con người (đặc biệt là quyền đối với phụ nữ), xây dựng một thế giới an toàn, tạo cơ hội phát triển cho mọi người.
- Đề ra mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ nhằm xóa đói nghèo, thúc đẩy giáo dục, bình đẳng giới, phòng chống HIV/AIDS, bảo vệ môi trường...

2. Trật tự thế giới trong chiến tranh lạnh

2.1 Sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

-Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách đặt ra:

- Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.
- Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
- Phân chia quyền lợi giữa các nước thắng trận.

- Từ ngày 4 đến ngày 11-2-1945, Liên Xô - Mỹ - Anh họp tại I-an-ta (Liên Xô):

- Thống nhất mục tiêu chung: tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.
- Thành lập tổ chức Liên hiệp quốc để duy trì hòa bình.
- Thỏa thuận về việc phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa các nước lớn, chủ yếu là giữa Liên Xô và Mỹ ở châu Âu, châu Á.

Nước	Nội dung thỏa thuận	
	Tại Châu Âu	Tại Châu Á
Liên Xô	Đóng quân ở Đông Đức , Đông Béc-lin , Đông Âu	Khôi phục lại những quyền lợi mà nước Nga bị mất : trả lại cho Liên Xô miền Nam đảo Xa-kha-lin , Liên Xô chiếm bốn đảo thuộc quần đảo Curin ... Đây là điều kiện để Liên Xô tham gia chống Nhật
	Vùng Đông Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô	Tại Trung Quốc : Liên Xô được + Thuê cảng Lữ Thuận làm căn cứ hải quân + Trả lại tuyến đường sắt Xi-bi-ri-a Trường Xuân + Cùng Trung Quốc khai thác tuyến đường sắt Hoa Đông và Nam Mãn Châu -Tại Triều Tiên : Liên Xô kiểm soát phía Bắc vĩ tuyến 38
Mỹ và các nước phương Tây	Mỹ , Anh , Pháp đóng quân ở Tây Đức , Tây Béc-lin , Tây Âu	-Tại Nhật Bản : Mỹ chiếm đóng -Tại Triều Tiên : Mỹ kiểm soát phía nam vĩ tuyến 38 -Phần còn lại của châu Á (Đông Nam Á ; Tây Á ; ...) thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước phương Tây

- Những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng những thỏa thuận sau đó giữa ba cường quốc tại Hội nghị Pốt - xđam Những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng những thỏa thuận sau đó giữa ba cường quốc tại Hội nghị Pốt - xđam (7-1945) đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới - “Trật tự thế giới hai cực I-an-ta”.
- Trật tự thế giới hai cực I-an-ta hình thành đã chia thế giới thành hai cực đối lập: cực Liên Xô và cực Mỹ.

2.2 Sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

- Đặc điểm:

- Thời gian tồn tại: từ năm 1945 đến năm 1991.
- Chi phối toàn bộ đời sống chính trị thế giới trong nửa sau thế kỉ XX.
- Gắn liền với sự hình thành hai hệ thống xã hội đối lập là tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa cùng những diễn biến của cuộc Chiến tranh lạnh giữa hai cực Mỹ - Xô.

- Các giai đoạn

+ *Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX*: Xác lập và phát triển sự đối đầu về tư tưởng, chính trị, kinh tế, quân sự,... giữa Mỹ (tư bản chủ nghĩa) và Liên Xô (và hội chủ nghĩa). Quan hệ quốc tế giữa hai cực trở nên căng thẳng khi Mỹ phát động cuộc Chiến tranh lạnh (1947) nhằm chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu.

- Thiết lập các khối kinh tế đối đầu nhau: Mỹ đề ra “Kế hoạch phục hưng châu Âu” (kế hoạch Mác-san) nhằm viện trợ cho Tây Âu; Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) nhằm hợp tác về kinh tế.
- Thiết lập các khối quân sự đối đầu nhau: Năm 1949, Mỹ và các nước phương Tây thành Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO); năm 1955, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
- Tuy không nổ ra một cuộc chiến tranh trực tiếp, nhưng Mỹ và Liên Xô tăng cường chạy đua vũ trang, thành lập liên minh quân sự ở các khu vực trên thế giới, khiến thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng.
- Các cuộc chiến tranh cục bộ diễn ra ở nhiều nơi, đều có sự tham gia hoặc ủng hộ của hai phe: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, đứng đầu là Mỹ và Liên Xô. Tiêu biểu là chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953), chiến tranh xâm lược Đông Dương của Pháp (1945 - 1954), chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ (1954 - 1975),...

* Ngay trong giai đoạn này, Trật tự I-an-ta bắt đầu bị rạn nứt:

- Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 mở ra bước đột phá đầu tiên, phá vỡ âm mưu khống chế Trung Quốc của Mỹ và những đặc quyền của Liên Xô ở vùng Đông Bắc Trung Quốc.
- Sự lớn mạnh của các nước Tây Âu, Nhật Bản cũng làm suy giảm vị trí và ảnh hưởng của Mỹ trong hệ thống tư bản chủ nghĩa.

+ *Giai đoạn từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991*: Trật tự I-an-ta suy yếu và đi đến sụp đổ

- Đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Chiến tranh lạnh vẫn diễn ra nhưng xu hướng hòa hoãn bắt đầu xuất hiện. Liên Xô và Mỹ đạt được những thỏa thuận bước đầu về hạn chỉ vũ khí chiến lược, hợp tác trong các lĩnh vực khoa học, không gian, y học và bảo vệ môi trường.
- Tháng 12 - 1989, Tổng thống Mỹ Bu-sơ và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M Gooc-ba-chốp tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- 1989-1991: Chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ đã chấm dứt sự tồn tại của Trật

tự hai cực I-an-ta.

2.3 Nguyên nhân sụp đổ của trật tự thế giới hai cực I-an-ta

- Chạy đua vũ trang khiến cả Liên Xô và Mỹ tốn kém, suy yếu.
- Sự vươn lên của các nước trên thế giới; thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc sự ra đời của hàng loạt các quốc gia độc lập.
- Sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới, đặc biệt là sự nổi lên của Nhật Bản và Tây Âu. - Xu thế hoà hoãn, toàn cầu hoá và ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.
- Sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa của các nước Đông Âu và Liên Xô.

2.4 Tác động của sự sụp đổ trật tự thế giới hai cực I-an-ta

- Sự sụp đổ của Trật tự hai cực I-an-ta dẫn đến sự kết thúc Chiến tranh lạnh và sự hình thành một trật tự thế giới mới theo xu thế đa cực.
- Mỹ tiếp tục là siêu cường có sức mạnh vượt trội, nhưng phạm vi ảnh hưởng bị thu hẹp ở nhiều nơi.
- Mở ra chiều hướng và những điều kiện để giải quyết hòa bình trong các vụ tranh chấp, xung đột.
- Tạo điều kiện cho các cường quốc mới nổi có vị trí, vai trò lớn hơn trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là Trung Quốc, Ấn Độ và một số nước lớn ở châu Âu.
- Có tác động đến vấn đề dân tộc, bản sắc cộng đồng, tôn giáo ở nhiều nơi trên thế giới nhất là châu Âu.

3. Trật tự thế giới sau chiến tranh lạnh

3.1. Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh

- Xu thế đa cực (thể hiện rõ từ đầu thế kỉ XXI).
- Xu thế lấy phát triển kinh tế là trung tâm: kinh tế trở thành nhân tố quyết định sức mạnh tổng hợp của từng quốc gia, đồng thời đóng vai trò trung tâm trong quan hệ quốc tế.
- Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế: quan hệ giữa các nước được điều chỉnh theo hướng tăng cường đối thoại, giải quyết bất đồng và mâu thuẫn bằng thương lượng hòa bình, đẩy mạnh hợp tác.
- Xu thế toàn cầu hoá: sự phát triển mạnh mẽ của thương mại quốc tế; sự mở rộng của các công ty xuyên quốc gia; sự ra đời của các tổ chức liên kết thương mại, tài chính quốc tế,...

3.2 Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế

- Khái niệm đa cực:
- Chỉ trạng thái địa - chính trị toàn cầu với nhiều trung tâm quyền lực chi phối.
- Không có một trung tâm quyền lực thống trị mà có nhiều quốc gia, khu vực tạo ra thế cân

bằng về kinh tế, chính trị, quân sự toàn cầu.

- Là trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh.
- Sự hình thành của trật tự thế giới đa cực là một tiến trình lịch sử khách quan với sự nổi lên của các cường quốc, sự gia tăng vai trò của các trung tâm, tổ chức quốc tế, phản ánh tương quan so sánh lực lượng mới trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh.

- Xu thế đa cực:

+ Sau khi trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ, Mỹ trở thành siêu cường, có sức mạnh vượt trội và ra sức thiết lập thế giới đơn cực.

+ Đầu thế kỉ XXI, trật tự thế giới từng bước chuyển sang đa cực:

- Mỹ bị suy giảm sức mạnh tương đối trong tương quan so sánh với các cường quốc khác
- Các trung tâm quyền lực ngày càng vươn lên, khẳng định sức mạnh về kinh tế, quân sự chính trị đối với thế giới: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, EU,...
- Vai trò của các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực ngày càng lớn (nhóm 7 nền kinh tế công nghiệp lớn nhất thế giới (G7), nhóm 20 nền kinh tế lớn thế (G20), nhóm các nước có nền kinh tế mới nổi (BRICS), Diễn đàn hợp tác kinh tế Á - Âu (ASEM), Diễn đàn kinh tế châu Á Thái Bình Dương (APEC),...
- Hoạt động của các công ty xuyên quốc gia có ảnh hưởng ngày càng lớn trong các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế thế giới.
- Nhóm nước đang phát triển có xu hướng tự chủ, tăng cường tầm ảnh hưởng của mình, ủng hộ thế giới đa cực.
- Các quốc gia vừa cạnh tranh vừa hợp tác nhằm vươn lên và khẳng định vị thế của mình.

CÂU HỎI VẬN DỤNG • Tra ID đề _ [433201]

HSA 01 [556322]: Các nguyên thủ tham dự Hội nghị I-an-ta (2-1945) đã thống nhất nội dung nào sau đây?

- A. Phục hồi nền kinh tế các nước châu Âu.
- B. Hỗ trợ Liên Xô phục hồi kinh tế.
- C. Tiêu diệt chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.
- D. Giao cho quân Anh vào Đông Dương.

HSA 02 [5563231]: Một trong những mục đích của tổ chức Liên hợp quốc là

- A. trừng trị phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.
- B. thúc đẩy sự ra đời của xu thế toàn cầu hóa.
- C. duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- D. bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia, dân tộc.

HSA 03 [556324]: Hội nghị I-an-ta (2-1945) diễn ra khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai

- A. đang diễn ra vô cùng ác liệt. C. đã hoàn toàn kết thúc.
- B. bùng nổ và ngày càng lan rộng.
- D. bước vào giai đoạn kết thúc.

HSA 04 [556325]. Theo thỏa thuận giữa các cường quốc Đồng minh tại Hội nghị I-an-ta (2-1945), quân đội nước nào sau đây chiếm đóng Đông Đức, Đông Berlin và các nước Đông Âu.

- A. Anh. B. Liên Xô. C. Mỹ. D. Pháp.

HSA 05 [556326]. Theo thỏa thuận của Hội nghị I-an-ta (2 - 1945), những quốc gia nào trở thành nước trung lập?

- A. Áo và Hà Lan B. Áo và Phần Lan.
C. Phần Lan và Thổ Nhĩ D. Pháp và Phần Lan.

HSA 06 [556327]: Những quyết định của Hội nghị I-an-ta (tháng 2/1945) có tác động như thế nào đối với quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Làm nảy sinh những mâu thuẫn mới giữa các nước đế quốc.
B. Đánh dấu sự xác lập hoàn toàn vai trò thống trị của đế quốc Mỹ.
C. Trở thành khuôn khổ một trật tự thế giới mới - trật tự hai cực I-an-ta.
D. Đánh dấu sự xác lập một trật tự thế giới sau chiến tranh.

HSA 07 [556328]: Hội nghị I-an-ta đã

- A. xác lập xong trật tự thế giới hai cực.
B. vi phạm quyền tự quyết của các dân tộc.
C. duy trì trật tự được thiết lập từ Hội nghị Vécxai.
D. thay đổi cục diện của cuộc chiến tranh.

HSA 08 [556329]: Quốc gia nào sau đây không tham dự Hội nghị I-an-ta (tháng 2-1945)?

- A. Pháp
B. Mỹ.
C. Anh.
D. Liên Xô.

HSA 09 [556330]: Sau Chiến tranh lạnh, quốc gia nào sau đây có tham vọng thiết lập trật tự thế giới đơn cực?

- A. Mỹ
B. Liên Xô.
C. Hàn Quốc.
D. Triều Tiên.

HSA 10 [556331]: Một trong những tác động từ quyết định của Hội nghị I-an-ta tới các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là tạo điều kiện cho

- A. phát xít Nhật mở rộng chiến đóng.
C. Liên Xô tham gia chống Nhật.
B. các nước phương Tây quay trở lại xâm lược.
D. Mỹ thiết lập ảnh hưởng trên toàn khu vực.

HSA 11 [556332]: Nội dung nào không phải là xu thế phát triển của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt (1991)?

- A. Thế giới hòa bình, ổn định, không có xung đột về quân sự giữa các quốc gia.
B. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng đa cực.
C. Quan hệ giữa các nước được điều chỉnh theo chiều hướng đối thoại.
D. Các quốc gia điều chỉnh chiến lược, tập trung vào phát triển kinh tế.

HSA 12 [556333]: Đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới hình thành trong những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. có sự phân chia giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
- B. chỉ có các nước tư bản thắng trận đạt nhiều quyền lợi trong trật tự này.
- C. trật tự thế giới do chủ nghĩa tư bản thao túng.
- D. tất cả các quốc gia đều được thể hiện vai trò như nhau trong trật tự.

HSA 13 [556334]: Việt Nam đã vận dụng nguyên tắc nào của Liên hợp quốc để giải quyết vấn đề Biển Đông?

- A. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.
- B. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- C. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia.
- D. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của các nước.

HSA 14 [556335]: Theo thỏa thuận của Hội nghị I-an-ta (2-1945), quốc gia nào ở châu Á nguyên trạng?

- A. Nepal.
- B. Thái Lan
- C. Mông Cổ
- D. Iran

HSA 15 [556336]: Nội dung nào dưới đây không phải là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Chung sống hòa bình và dựa trên sự nhất trí của tất cả các nước.
- B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.
- C. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- D. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết.

HSA 16 [556337]: Liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mỹ đứng đầu là

- A. NATO.
- B. IMF.
- C. APEC.
- D. UNESCO.

HSA 17 [556338]: Trong hội nghị I-an-ta, các nước tham dự đều thống nhất mục tiêu chung là:

- A. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.
- B. chuyển sang quan hệ hợp tác nhằm duy trì hòa bình thế giới.
- C. xóa bỏ trật tự thế giới theo hệ thống Véc-xai - Oasinhton.
- D. phân chia việc giải giáp quân đội Nhật ở Đông Dương.

HSA 18 [556339]: Quá trình hình thành tổ chức Liên hợp quốc bắt đầu từ thời gian nào?

- A. 1941.
- B. 1942.
- C. 1943.
- D. 1945.

HSA 19 [556340]: Trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đồng minh muốn xác lập một tổ chức quốc tế để

- A. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
- C. duy trì trật tự thế giới sau chiến tranh.
- B. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

D. lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới.

HSA 20 [556341]: Tổ chức Liên hợp quốc chính thức thành lập trong sự kiện nào sau đây?

- A. Hiến chương của Liên hợp quốc được các nước thành viên phê chuẩn.
- B. Hội nghị Xan Phranxixco soạn thảo, thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc.
- C. Nguyên thủ ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh thống nhất thành lập Liên hợp quốc.
- D. Bản tuyên bố Luân Đôn nêu rõ mục đích và nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.

HSA 21 [556342] Tổ chức Liên hợp quốc chủ trương giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng biện pháp

- A. hòa bình
- B. vũ lực.
- C. trực tiếp đưa quân can thiệp
- D. can thiệp nội bộ.

HSA 22 (55693) Nội dung nào sau đây không nằm trong chủ trương của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Tôn trọng công việc nội bộ của các nước
- B. Các quốc gia đều bình đẳng về chủ quyền
- C. Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế
- D. Sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 23 đến 25.

“Liên hợp quốc được thành lập vào lúc Chiến tranh thế giới thứ hai chuẩn bị kết thúc và ngay sau đó là sự bắt đầu cuộc Chiến tranh lạnh giữa hai khối Đông - Tây. Những mâu thuẫn gay gắt giữa hai cường quốc Xô - Mỹ trong chiến tranh lạnh đã ảnh hưởng sâu sắc đến tổ chức quốc tế lớn nhất thế giới này. Bước vào thập niên 60 của thế kỉ XX, từ thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc, hàng loạt nước mới giành được độc lập và trở thành thành viên của Liên hợp quốc”.

(Trần Thị Vinh (cb), *Lịch sử thế giới hiện đại*, tr. 80).

HSA 23 [556344]: Hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc từ năm 1954 đến năm 1991 không chịu tác động bởi yếu tố nào sau đây?

- A. Cuộc Chiến tranh lạnh.
- B. Trật tự hai cực I-an-ta.
- C. Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc.
- D. Sự xuất hiện của chủ nghĩa khủng bố.

HSA 24 [556345]: Từ mục đích và hoạt động thực tiễn của Liên hợp quốc cho thấy

- A. đây là tổ chức hợp tác đa phương toàn cầu lớn nhất.
- B. đây là tổ chức hợp tác quốc tế song phương.
- C. đây là tổ chức hợp tác của những cường quốc lớn.
- D. đây là tổ chức chỉ nhằm duy trì hòa bình an ninh thế giới.

HSA 25 [556346]: Tổ chức Liên hợp quốc có vai trò nào sau đây trong việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế?

- A. Góp phần ngăn chặn không để xảy ra chiến tranh lạnh.
- B. Tạo điều kiện để hòa bình thế giới được duy trì bền vững.
- C. Ngăn chặn tuyệt đối việc các nước thành viên sản xuất vũ khí hạt nhân.

D. Trực tiếp tạo ra quá trình phi thực dân hóa trên phạm vi thế giới.

Chủ đề 2 :

ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Quá trình hình thành và mục đích hoạt động của ASEAN

1.1 Quá trình hình thành

-Bối cảnh:

- Sau khi giành độc lập, các nước Đông Nam Á từng bước xây dựng và phát triển kinh tế → nhu cầu hợp tác khu vực.
- Sự phát triển của xu thế khu vực hóa trên thế giới xuất hiện từ những năm 50, 60 của thế kỉ XX → thúc đẩy quá trình liên kết khu vực.
- Nhiều nước Đông Nam Á muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài, thúc đẩy hợp tác, tương trợ lẫn nhau. → Từ những năm 60 của thế kỉ XX, một số tổ chức khu vực đã ra đời ở Đông Nam Á.

- Quá trình:

- 1959: Hiệp ước hữu nghị và hợp tác kinh tế Đông Nam Á gồm Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin.
- 1961: Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Philippin thỏa thuận thành lập Hiệp hội Đông Nam Á (ASA)
- 1963: Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a thỏa thuận thành lập tổ chức MAPHILINDO
- 1966: Dự thảo về việc thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- 8-8-1967: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với năm nước sáng lập là In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

1.2 Mục đích

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá thông qua hợp tác.
- Thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực thông qua tôn trọng công lí và luật pháp quốc tế,hiến chương Liên hợp quốc.
- Thúc đẩy hợp tác, tích cực giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, xã hội, văn hóa, KHKT, hành chính

2. Hành trình phát triển của ASEAN

2.1 Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10(1999)

- 1967: ASEAN được thành lập (5 nước thành viên).
- 1984: Brunây gia nhập.
- 1995: Việt Nam gia nhập.
- 1997, Lào và Mi-an-ma gia nhập.
- 1999; Campuchia gia nhập.
- Từ 1967 - 1999, 10 nước trong khu vực trở thành thành viên ASEAN đánh dấu bước phát triển trong liên kết khu vực ở Đông Nam Á.

2.2 Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN

- 1967-1976: Thành lập và bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.
 - Hội nghị Ngoại giao ASEAN là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất.
 - Năm 1971, ASEAN ra Tuyên bố Đông Nam Á là khu vực hoà bình, tự do và trung lập.
 - 1976: Hiệp ước Bali được kí kết đánh dấu bước ngoặt của ASEAN.
 - 1976-1999: Quan hệ chính trị ổn định, mở rộng thành viên, từng bước nâng cao vị thế.
 - Sau 1976, hội nghị Thượng đỉnh là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất.
 - ASEAN phát triển từ 5 - 10 nước thành viên.
 - Tham gia giải quyết vấn đề chính trị khu vực như vấn đề Campuchia.
 - 1999-2015: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác nội khối và quốc tế, từng bước chuẩn bị cho sự ra đời của Cộng đồng ASEAN.
 - 2007: Thông qua Hiến chương ASEAN.
- ASEAN chú trọng củng cố sự đoàn kết trong tổ chức, đóng vai trò trung tâm trong quá trình liên kết khu vực Đông Á .
- Từ 2015 - nay:
 - Năm 2015, Cộng đồng ASEAN được thành lập với ba trụ cột (2009): Cộng đồng Chính trị - An ninh; Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội.
 - Tăng cường hợp tác khu vực, nâng cao vị thế trong khu vực và thế giới.

3. Cộng đồng ASEAN

3.1 Ý tưởng, mục tiêu, kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

- Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN:
 - 1967: Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN khởi nguồn từ khi ASEAN được thành lập.
 - 1997: Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN được chính thức khẳng định; thông qua văn kiện mang tên Tầm nhìn ASEAN 2020.
- Mục tiêu:
 - Xây dựng một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng.
 - Hợp tác khu vực về an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội.
- Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN:
 - Trên cơ sở văn bản Tầm nhìn ASEAN 2020, các nước thành viên xây dựng mô hình và cơ sở pháp lý cho Cộng đồng ASEAN thông qua Tuyên bố Bali II (2003) và Hiến chương ASEAN (2007).
 - Xây dựng: Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009 - 2015) và các hoạt động trên ba nội dung: chính trị - an ninh, kinh tế, văn hoá - xã hội.
 - Từ 2009 - 2015, nhiều biện pháp tích cực đã được triển khai nhằm chuẩn bị cho sự xác lập của Cộng đồng ASEAN.
 - Ngày 22-11-2015: Lễ ký kết chính thức Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ về thành lập Cộng đồng ASEAN. Cộng đồng ASEAN có hiệu lực từ ngày 31-12-2015.

3.2 Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN

- Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC):
 - Hợp tác chính trị - an ninh toàn diện nhằm mục tiêu xây dựng một môi trường hoà bình và an ninh Đông Nam Á thông qua hợp tác trong khối ASEAN, kết hợp với đối tác bên ngoài. tấ cơ bản của

ASEAN là đồng thuận, không can thiệp vào công việc nội bộ, không sử dụng vũ

- APSC không tạo ra một khối phòng thủ chung mà dựa trên cơ sở tôn trọng các nguyên lực và đe dọa sử dụng vũ lực, thúc đẩy hòa bình, ổn định và hợp tác khu vực.

- Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC):

- Hợp tác xây dựng ASEAN thành một thị trường và một hệ thống sản xuất thống nhất, xây dựng khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao, năng động, phát triển đồng đều, hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.
- AEC thúc đẩy chính sách cạnh tranh về kinh tế, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, thương mại điện tử... hướng tới sự thịnh vượng chung của các quốc gia thành viên.

- Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN:

+)Xây dựng một ASEAN lấy con người làm trung tâm; có trách nhiệm xã hội nhằm xây dựng tình đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN bằng cách tạo dựng bản sắc chung, xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc, hoà thuận và rộng mở; đề cao nguyên tắc thống nhất trong đa dạng.

+)Nội dung chính của ASCC:

- Phát triển con người
- Phúc lợi và bảo hiểm xã hội
- Đảm bảo các quyền và công bằng xã hội
- Đảm bảo môi trường bền vững
- Tạo dựng bản sắc ASEAN
- Thu hẹp khoảng cách phát triển

3.3 Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

-Tháng 11- 2015: Tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN, thông qua văn kiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 nhằm thúc đẩy hợp tác, gắn kết trong Cộng đồng ASEAN.

-Tháng 11- 2020, Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 diễn ra tại Hà Nội đã thông qua văn kiện Tuyên bố Hà Nội về Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025, hướng tới thúc đẩy hợp tác và hội nhập ngày càng chặt chẽ hơn trên các trụ cột AEC, APSC, ASCC.

Gần một thập kỷ sau khi thành lập, Cộng đồng ASEAN đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

* **Thách thức của Cộng đồng ASEAN:**

- Thách thức an ninh đến từ cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, thay đổi cấu trúc địa - chính trị vùng châu Á - Thái Bình Dương nói riêng và toàn cầu nói chung. (Đây là thách thức lớn nhất.

- Sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo; khoảng cách về phát triển kinh tế giữa các nước.

Nguy cơ chia rẽ của ASEAN về các vấn đề khu vực và quốc tế, đặc biệt là khi ASEAN vận hành dựa trên nguyên tắc đồng thuận.

- Thách thức an ninh phi truyền thống gia tăng, như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh, đe dọa môi trường hoà bình, an ninh, ổn định để phát triển của cộng đồng ASEAN.

*** Triển vọng của Cộng đồng ASEAN:**

- Sự vươn lên của khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương là cơ sở để Cộng đồng ASEAN tiếp tục phát triển với mức độ liên kết ngày càng chặt chẽ và sâu rộng trên cả ba trụ cột.
- Cộng đồng ASEAN đang ngày càng hoàn thiện thể chế, chính sách, cơ chế hợp tác và đạt được nhiều thành tựu về chính trị, kinh tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật,... từng bước gắn kết các quốc gia Đông Nam Á để trở thành khu vực phát triển năng động, thịnh vượng mới của thế giới.
- Vị thế của ASEAN được nâng cao, ASEAN có quan hệ rộng mở với các đối tác bên ngoài; tham gia và đóng vai trò quan trọng tại nhiều diễn đàn lớn trên thế giới.

CÂU HỎI VẬN DỤNG • Tra ID đề – [433202]

HSA 01 [559130]: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tháng 8/1967 không có sự tham gia sáng lập của quốc gia nào sau đây?

- A. Thái Lan.
- B. Campuchia.
- C. Indonesia.
- D. Xingapo

HSA 02 [559131]: Sự kiện nào sau đây đánh dấu sự khởi sắc của tổ chức ASEAN?

- A. Campuchia gia nhập ASEAN (4/1999).
- B. Các nước ASEAN ký Hiệp ước Bali (2/1976).
- C. Hiệp định hòa bình về Campuchia (10/1991).
- D. Việt Nam gia nhập ASEAN (7/1995).

HSA 03 [559132]: Tháng 8 - 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập là biểu hiện rõ nét của xu thế nào sau đây?

- A. Toàn cầu hóa.
- B. Liên kết khu vực.
- C. Hòa hoãn Đông
- D. Đa cực, nhiều trung tâm.

HSA 04 [559133]: Quốc gia nào sau đây gia nhập vào Hiệp hội các Đông Nam Á (ASEAN) vào năm 1995?

- A. Việt Nam.
- B. Malaysia.
- C. Philippin.
- D. Thái Lan.

HSA 05 [559134]: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời không chịu tác động của bối cảnh nào sau đây?

- A. Xu thế hòa hoãn Đông - Tây đang tiếp diễn.
- B. Cuộc Chiến tranh lạnh đang diễn biến phức tạp.
- C. Nhiều nước trong khu vực có nhu cầu hợp tác.
- D. Mỹ đang tiến hành chiến tranh ở Đông Dương.

HSA06 [559135]: Tháng 11/2007, các nước thành viên ASEAN đã ký kết văn kiện nào sau đây

- A. Cam kết hợp tác ASEAN.

- B. Hiến chương ASEAN.
- C. Nguyên tắc hoạt động ASEAN.
- D. Hiến chương Liên hợp quốc.

HSA 07 [559136]: Tháng 8 - 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) thành lập có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Đánh dấu thời kỳ hội nhập của tất cả các nước trong khu vực.
- B. Tăng cường hợp tác toàn diện của tất cả các nước trong khu vực.
- C. Chấm dứt những xung đột, bất đồng đang diễn ra trong khu vực.
- D. Tạo cơ sở cho việc hợp tác giữa các nước trong khu vực.

HSA 08 [559137]: Điều kiện chủ quan nào sau đây đã thúc đẩy sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Xu thế toàn cầu hóa đã xuất hiện.
- B. Các tổ chức khu vực trên thế giới ra đời.
- C. Các nước sáng lập từng bước xây dựng nền kinh tế.
- D. Tình hình chính trị khu vực hòa bình, ổn định.

HSA 09 [559138]: Nội dung nào sau đây **không phải** là mục đích thành lập của tổ chức ASEAN :

- A. Thúc đẩy sự phát triển của kinh tế văn hóa các nước.
- B. Ổn định chính trị khu vực tiến tới thành lập nhà nước chung.
- C. Giúp đỡ lẫn nhau trong lĩnh vực giáo dục, kỹ thuật, hành chính.
- D. Thúc đẩy việc nghiên cứu Đông Nam Á.

HSA 10 [559139]: Trong giai đoạn 1976-1999, tổ chức ASEAN có hoạt động nào sau đây?

- A. Thông qua Hiến chương ASEAN.
- B. Bắt đầu định hình nguyên tắc hoạt động của tổ chức.
- C. Mở rộng kết nạp thành viên thành ASEAN 10.
- D. Xây dựng và phát triển Cộng đồng ASEAN.

HSA 11 [559140]: Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN được khơi nguồn từ thời gian nào ?

- A. 1967.
- B. 1997.
- C. 2009.
- D. 2015.

HSA 12 [559141]: Nội dung nào sau đây là đúng về Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN :

- A. Hợp tác chính trị trong khối ASEAN kết hợp với các đối tác bên ngoài.
- B. Tạo nên khối phòng thủ chung cho khu vực Đông Nam Á.
- C. Phát triển hạ tầng, hướng tới sự thịnh vượng của các nước thành viên.
- D. Xây dựng đoàn kết nội khối ASEAN, lấy con người làm trung tâm.

HSA 13 [559142]: Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN chủ trương xây dựng một ASEAN yếu tố nào là trung tâm?

- A. Kinh tế.
- B. Chính trị.

C. Văn hóa.

D. Con người.

HSA 14 [559143]: Nội dung nào sau đây **không phải** là hoạt động chính của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN?

A. Phát triển con người.

C. Bảo vệ sở hữu trí tuệ.

B. Tạo dựng bản sắc ASEAN.

D. Bảo đảm bền vững môi trường.

HSA 15 [559144]: Các nhà lãnh đạo đã họp để thành lập Cộng đồng ASEAN (2015) tại quốc gia nào?

A. Xingapo.

B. Malaysia.

C. Mianma.

D. Philippin

HSA 16 [559145]: Cơ sở pháp lý của Cộng đồng ASEAN dựa trên

A. Hiến chương ASEAN.

B. Hiệp ước Bali.

C. Tuyên bố Cuala Lămpơ.

D. Tầm nhìn ASEAN 2020.

HSA 17 [559146]: Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là

A. xây dựng một nhà nước chung.

B. xây dựng một chính phủ chung.

C. xây dựng một tổ chức liên chính phủ.

D. xây dựng một đồng tiền chung.

HSA 18 [559147]: Văn bản đầu tiên đề xuất ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN là

A. Hiến chương ASEAN.

B. Hiệp ước Bali.

C. Tuyên bố Cuala Lămpơ.

D. Tầm nhìn ASEAN 2020.

HSA 19 [559148]: Nội dung nào sau đây là thách thức trong nội khối của Cộng đồng ASEAN?

A. Sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị.

B. Sự thay đổi cấu trúc địa - chính trị trên toàn cầu.

C. Sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn.

D. Xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới.

HSA 20 [559149]: Nội dung nào sau đây **không phải** là thách thức phi truyền thống đặt ra cho Cộng đồng ASEAN?

A. Ô nhiễm môi trường.

B. Biến đổi khí hậu.

C. Dịch bệnh.

D. Khoảng cách phát triển kinh tế.

HSA 21 [559150]: Nội dung nào sau đây là triển vọng của Cộng đồng ASEAN trên lĩnh vực

đối ngoại?

- A. Ngày càng hoàn thiện về thể chế, chính sách, cơ chế hợp tác.
- B. Vị thế của ASEAN ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.
- C. ASEAN đóng vai trò quyết định tại nhiều diễn đàn lớn trên thế giới.
- D. Đạt được nhiều thành tựu về kinh tế - giáo dục - khoa học - kĩ thuật.

HSA 22 [559151]: Quốc gia nào sau đây là thành viên thứ 6 của tổ chức ASEAN?

- A. Mianma.
- B. Malaysia.
- C. Brunay.
- D. Lào.

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 23 đến 25.

“Trong những năm 1975-1990, những biến động to lớn bên trong và bên ngoài khu vực đã ảnh hưởng sâu sắc đến những hoạt động và quá trình phát triển của ASEAN. Vượt qua thời kỳ khủng hoảng về vấn đề Campuchia kéo dài suốt thập niên 1980, ASEAN từng bước khẳng định mình và trở thành một tổ chức liên kết kinh tế - chính trị - khu vực có uy tín trên trường quốc tế. Điều đó được thể hiện thông qua hoạt động của ASEAN trên hai bình diện chính: hợp tác an ninh - chính trị và hợp tác kinh tế.

(Lương Ninh, Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh, *Lịch sử Đông Nam Á*, tr.505) |

HSA 23 [559152]: Trong những năm 1975-1990, một trong những yếu tố bên trong tác động đến sự phát triển của tổ chức ASEAN là

- A. chiến tranh lạnh kết thúc.
- B. vấn đề Campuchia từng bước được giải quyết.
- C. xu thế liên kết khu vực phát triển mạnh mẽ.
- D. xu thế toàn cầu hóa xuất hiện.

HSA 24 [559153]: Biểu hiện nào cho thấy trong giai đoạn 1975-1990, tổ chức ASEAN có được thành công trên bình diện hợp tác an ninh - chính trị?

- A. Thiết lập quan hệ chính trị ổn định trong khu vực.
- B. Không xảy ra xung đột giữa các nước trong khu vực.
- C. Mọi mâu thuẫn, bất đồng giữa các nước được xóa bỏ.
- D. Trở thành tổ chức liên minh khu vực lớn nhất thế giới.

HSA 25 [559154]: Nội dung nào sau đây không phải là thành tựu của ASEAN trong giai đoạn 1975-1990?

- A. Thúc đẩy tiến trình tìm kiếm giải pháp cho vấn đề Campuchia.
- B. Xác lập những nguyên tắc căn bản trong quan hệ giữa các nước.
- C. Xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột chính.
- D. Mở rộng thành viên từ ASEAN 5 thành ASEAN 6.

Chủ đề 3 :

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (8/1945 ĐẾN NAY)

I.KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945

1.1 Bối cảnh lịch sử

* Thế giới:

Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

- Đầu tháng 8-1945, quân Đồng minh tấn công quân đội Nhật Bản ở châu Á – Thái Bình Dương. Ngày 6 và ngày 9-8-1945, Mỹ ném bom nguyên tử xuống thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki của Nhật Bản. Cùng thời gian này, Hồng quân Liên Xô tấn công, tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật Bản ở Đông Bắc Trung Quốc.
- Ngày 15-8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
→ Điều kiện khách quan thuận lợi cho Tổng khởi nghĩa đã đến.

* Trong nước:

- Quân Nhật rệu rã.
- Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, dao động đến cực độ.
- Đảng Cộng sản Đông Dương đã có sự chuẩn bị đầy đủ về đường lối và phương pháp đấu
- Lực lượng cách mạng được xây dựng và rèn luyện qua thực tiễn. Ở nhiều địa phương, quần chúng cách mạng đã sẵn sàng đứng lên Tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

* Chủ trương của Đảng:

- Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố Quân lệnh số 1, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trên cả nước.
- Từ ngày 14 đến ngày 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Tuyên Quang):
 - Thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa
 - Quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.
- Từ ngày 16 đến ngày 17-8-1945, Đại hội Quốc dân được triệu tập ở Tân Trào:
 - Tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng.
 - Thông qua 10 chính sách của Việt Minh.

- Cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

1.2 Diễn biến

- 14, 15-8: Khởi nghĩa thắng lợi ở một số xã, huyện thuộc các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh,
- 16-8: Một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên.
- 18-8: Khởi nghĩa thắng lợi ở Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam. Đây là 4 tỉnh giành được chính quyền sớm nhất trong cả nước.
- 19-8: Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội. - 23-8: Khởi nghĩa thắng lợi ở Huế.
- 25-8: Khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn.
→ Khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn đã tác động lớn đến các địa phương khác, đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trên cả nước.
- 28-8: Đồng Nai Thượng, Hà Tiên là hai tỉnh cuối cùng giành chính quyền.
- Chiều ngày 30-8-1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. Chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.
- Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

* **Lưu ý:** Trong Cách mạng tháng Tám, trước áp lực và hoạt động khôn khéo của lực lượng cách mạng, quân Nhật ở Hà Nội và các địa phương phải án binh bất động, không can thiệp vào tiến trình khởi nghĩa. Nhờ đó, khởi nghĩa diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu.

1.3 Nguyên nhân thắng lợi

- Nguyên nhân chủ quan:

- Truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất của nhân dân Việt Nam.
- Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương với đường lối cách mạng đúng đắn trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh Việt Nam.
- Sự chủ động, linh hoạt của các cấp bộ Đảng và Mặt trận Việt Minh trong quá trình chỉ đạo, tổ chức khởi nghĩa.
- Quá trình chuẩn bị và xây dựng lực lượng cho cách mạng giải phóng dân tộc trong 15 năm (từ năm 1930).

- Nguyên nhân khách quan:

Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít đã tạo điều kiện khách quan cho cuộc Tổng khởi nghĩa, đồng thời cổ vũ tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc của các tầng lớp nhân dân.

1.4 Ý nghĩa

-Đối với Việt Nam:

- Mở ra bước ngoặt lớn của dân tộc: đập tan ách cai trị hơn 80 năm của thực dân Pháp ' 5 năm của quân phiệt Nhật; chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ ở Việt Nam.
- Đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.
- Mở đầu kỉ nguyên mới của Việt Nam: kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước; giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.
- Đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành đảng cầm quyền, chuẩn bị điều kiện tiên quyết

cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam.

- Đối với thế giới:

- Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa, góp phần làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc
- Góp phần cổ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng, đồng thời có ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Lào và Cam-pu-chia.

1.5. Bài học kinh nghiệm

- Sự lãnh đạo của Đảng - nhân tố quyết định đối với sự thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

- Phát huy sức mạnh khối đoàn kết toàn dân trong một mặt trận dân tộc thống nhất.

- Xác định thời cơ, tạo và chớp thời cơ.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

2.1 Bối cảnh lịch sử

- Thế giới:

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống.
- Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc và phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ ở các nước tư bản phát triển.
- Tuy vậy, quan hệ quốc tế phức tạp và từng bước chịu sự chi phối của Chiến tranh lạnh và trật tự hai cực lanta.

- Trong nước:

+ Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập, tự do.

+ Nhân dân Việt Nam trở thành người làm chủ đất nước, gắn bó và quyết tâm bảo vệ chế độ mới.

+ Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành đảng cầm quyền.

+ Tuy vậy, cách mạng Việt Nam cũng đứng trước những khó khăn:

- Quân đội các nước đế quốc dưới danh nghĩa Đồng minh kéo vào Việt Nam.
- Các thế lực phản động trong nước ra sức chống phá cách mạng.
- Trên đất nước vẫn còn khoảng 6 vạn quân Nhật chờ giải pháp
- Trong khi đó chính quyền và lực lượng vũ trang cách mạng còn non trẻ. Nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá, những tàn dư của chế độ cũ còn hết sức nặng nề.
- Pháp quyết định thành lập một đạo quân viễn chinh nhằm thực hiện dã tâm xâm lược Việt Nam lần nữa.

→ Tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

2.2 Diễn biến chính

a) Kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ (1945)

* Hành động xâm lược của Pháp:

- Ngày 2-9-1945, khi nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng “Ngày Độc lập”, quân Pháp đã xả súng vào dân chúng.

- Đêm 22 rạng sáng ngày 23-9-1945, quân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban Nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai

*Cuộc kháng chiến của ta:

- Quân dân Sài Gòn Chợ Lớn cùng quân dân Nam Bộ chiến đấu chống quân xâm lược bằng nhiều hình thức như đánh phá kho tàng, chặn nguồn tiếp tế của địch, dựng chướng ngại vật và chiến lũy trên đường phố,...

- Hàng vạn thanh niên gia nhập quân đội, sung vào đội quân “Nam tiến”, cùng nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ kháng chiến.

* Ý nghĩa:

-Giáng đòn đầu tiên vào ý đồ “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp, đẩy quân Pháp vào thế bị động và phải giậm chân tại đây trong nhiều tháng.

- Tạo điều kiện để cả nước chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

b) Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc (1946-1950)

* Hành động của Pháp:

- Từ tháng 11-1946, thực dân Pháp từng bước khiêu khích, tấn công quân sự tại Hải Phòng Lạng Sơn, Đà Nẵng, Hà Nội...

- 18 và 19-12-1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, để cho quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà Nội.

* Chủ trương của Đảng:

- Ngày 18 và 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng tại Vạn Phúc (Hà Nội) quyết định phát động kháng chiến toàn quốc.

- Đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

* Những thắng lợi của ta - từng bước đánh bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp, tiến đến giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ (1946-1950):

-Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 từ tháng 12-1946 đến tháng 2-1947.

- Bước đầu làm phá sản kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp.
- Cuộc chiến đấu của quân dân Thủ đô Hà Nội trong 60 ngày đêm đã giam chân quân Pháp trong gần 2 tháng, tạo điều kiện để các cơ quan của Đảng, Chính phủ rút lui khỏi Hà Nội an toàn

-Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947

- Tháng 10-1947, quân Pháp tấn công lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của Việt Nam.
- Quân dân Việt Nam đã chủ động phản công và giành thắng lợi lớn ở Chợ Mới, Chợ Đồn, Đoan Hùng, Khe Lau,....
- Sau hơn hai tháng, quân Pháp phải rút khỏi Việt Bắc. → Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp, bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc.

- Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950:

+ Hoàn cảnh: Đầu năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta, mở ra điều kiện mới cho cuộc kháng chiến.

+Chủ trương: Tháng 6-1950, Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông biên giới Việt - Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt

Bắc.

+ Kết quả: Sau hơn một tháng, chiến dịch kết thúc thắng lợi. Quân Pháp buộc phải rút khỏi Cao Bằng, Đông Khê, Thất Khê,... lực lượng kháng chiến giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ. Việt Nam giải phóng được một vùng rộng lớn dọc biên giới Việt Trung, chọc thủng hành lang Đông - Tây, làm phá sản kế hoạch Rơ-ve của thực dân Pháp.

c) Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951-1953)

* Hoàn cảnh:

- Cuối năm 1950, được sự ủng hộ và viện trợ của Mỹ, Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đờ Tát- xi-nhi, tập trung lực lượng xây dựng tuyến công sự phòng thủ bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ, tiến hành chiến tranh tổng lực bình định vùng tạm chiếm.

* Các thắng lợi tiêu biểu:

- Chính trị:

+ Tháng 2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp và quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam.

+ Tháng 3-1951, Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào được thành lập.

+ Tháng 3-1951, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt. - Quân sự:

+ Chủ động mở nhiều chiến dịch tiến công và phản công để giữ vững quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ: các chiến dịch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ (1950 - 1951); chiến dịch Hoà Bình (1951 - 1952); chiến dịch Tây Bắc (1952); chiến dịch Thượng Lào (1953),...

- Kinh tế:

+ Năm 1952, cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm được phát động, đã trở thành một phong trào quần chúng sôi nổi, lôi cuốn mọi ngành, mọi giới tham gia.

+ Thủ công nghiệp và công nghiệp cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và một phần nhu cầu về vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng cho bộ đội.

+ Nông nghiệp có bước phát triển mới: năm 1953, vùng tự do và vùng căn cứ du kích từ Liên khu IV trở ra sản xuất được 2,7 triệu tấn thóc; thực hiện 5 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất.

- Văn hóa:

+ Tiếp tục triển khai thực hiện cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất (tiến hành từ năm theo phương châm: phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất.

+ Năm 1952, phong trào Bình dân học vụ giúp 14 triệu người thoát nạn mù chữ; đến 1953 mở được 10 450 lớp học bổ túc văn hoá.

+ Phong trào văn hoá, văn nghệ quần chúng phát triển rộng khắp.

d) Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954)

* Hoàn cảnh:

- Tháng 7-1953, được sự viện trợ của Mỹ, Pháp đề ra kế hoạch Na-va, với ý đồ 1 tháng giành thắng lợi quân sự quyết định để "kết thúc chiến tranh trong danh dự".

* Cuộc tiến công chiến lược đông - xuân 1953 - 1954 - bước đầu làm phá sản kế hoạch Navat - Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra kế hoạch tác chiến trong đông - xuân 1953 -

1954

+ Phương châm: tập trung lực lượng mở các cuộc tiến công lớn vào những hướng quan trọng mà quân Pháp tương đối yếu, buộc địch phải bị động phân tán lực lượng trên những địa bàn xung yếu không thể bỏ.

Mở một loạt chiến dịch tấn công quân Pháp ở Lai Châu, Trung Lào, Thượng Lào, Bắc Tây Nguyên,... đồng thời đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng quân Pháp.

→ Làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va.

* Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) - làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava:

- Hoàn cảnh:

Tháng 11-1953, sau khi phát hiện bộ đội chủ lực của Việt Nam tiến lên Tây Bắc, Na-va quyết định điều quân lên chiếm giữ Điện Biên Phủ, xây dựng nơi đây thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.

-Chủ trương của Đảng:

Đầu tháng 12-1953: quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, nhằm

+ Tiêu diệt lực lượng quân Pháp.

+ Giải phóng Tây Bắc.

+ Tạo điều kiện để giải phóng Thượng Lào, giành thắng lợi quân sự quyết định.

- Diễn biến:

Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra qua 3 đợt, từ ngày 13-3-1954 đến ngày 7-5-1954.

+ Đợt 1: Quân ta tấn công cụm cứ điểm Him Lam và đồi Độc Lập.

+ Đợt 2: Quân ta tấn công các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm; tấn công và kiểm soát sân bay Mường Thanh, hạn chế việc tiếp viện của quân Pháp.

+ Đợt 3: Quân ta đồng loạt tấn công phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Đến 17 giờ 30 phút ngày 7 - 5 tướng Đờ Caxtori cùng toàn bộ Bộ Tham mưu của Pháp đầu hàng.

+ Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Na-va. +Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp.

+ Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi tại Hội nghị Giơ-ne-vơ.

+ Cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh giành độc lập của các thuộc địa Pháp ở châu Phi.

2.3 Nguyên nhân thắng lợi

* *Chủ quan:*

- Đường lối kháng chiến đúng đắn, linh hoạt, sáng tạo.

- Truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết và ý chí kiên cường trong đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam.

-Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước và mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố, mở rộng; lực lượng vũ trang không ngừng lớn mạnh; hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

* *Khách quan:*

- Sự đoàn kết chiến đấu của liên minh nhân dân ba nước Đông Dương.

Sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc và Liên Xô.

Sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân Pháp và nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

2.4 Ý nghĩa lịch sử

* *Với nước ta:*

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ ở Việt Nam.

- Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

* *Với thế giới:*

- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.

- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, góp phần tăng cường sức mạnh của các lực lượng cách mạng thế giới.

3. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)

3.1 Bối cảnh lịch sử

* *Thế giới:*

- Chiến tranh lạnh và cục diện đối đầu Đông - Tây tiếp tục diễn ra ngày càng căng thẳng. Quan hệ giữa các nước lớn có nhiều diễn biến phức tạp.

- Đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh, đẩy mạnh thực hiện chiến lược toàn cầu nhằm làm bá chủ thế giới.

- Phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển mạnh.

- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu đạt được nhiều thành tựu quan trọng góp phần đưa hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh,

* *Trong nước:*

- Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Việt Nam tạm thời bị phân chia làm hai miền:

- + Miền Bắc: được hoàn toàn giải phóng.

- + Miền Nam: Mỹ thay thế Pháp dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, thực hiện chia cắt Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á.

3.2 Các giai đoạn phát triển chính

a) 1954-1960

* *Miền Bắc:*

- 1954-1957: Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

- + Tiếp tục tiến hành 6 đợt giảm tô, 4 đợt cải cách ruộng đất. Khẩu hiệu “người cày có ruộng”, trở thành hiện thực, giai cấp địa chủ phong kiến bị xóa bỏ, giai cấp nông dân được giải phóng và trở thành người làm chủ nông thôn.

- + Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh được triển khai rộng rãi ở nhiều ngành nghề, lĩnh vực (nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải...).

- 1958-1960: Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội.

- + Việc cải tạo quan hệ sản xuất được thực hiện trên các lĩnh vực kinh tế, khâu chính là hợp tác hóa nông nghiệp.

- + Phát triển thành phần kinh tế quốc doanh là nhiệm vụ trọng tâm của công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

→ Làm cho cơ cấu kinh tế - xã hội miền Bắc thay đổi, tạo cơ sở cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã

hội trong giai đoạn tiếp theo, nhằm xây dựng miền Bắc trở thành căn cứ địa cách mạng của cả nước, là hậu phương vững chắc của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

***Miền Nam:**

-1954-1958: Đấu tranh chính trị chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng
+ Đấu tranh chính trị đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ; đòi quyền tự do, dân chủ; chống khủng bố, đàn áp.

+ Từ năm 1957, phong trào chuyển sang kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang -
1959-1960: Phong trào Đồng khởi.

+ 1959: Nghị quyết 15 quyết định sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đổ chính quyền Mỹ- Diệm (dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang

+ Ban đầu nổ ra lẻ tẻ ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận), Trà Bồng (Quảng Ngãi) sau đó lan nhanh thành phong trào trên khắp Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên Trung Trung Bộ, tiêu biểu là ở tỉnh Bến Tre.

-Làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm.

-Đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

-Đưa đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960).

-Thúc đẩy lực lượng vũ trang cách mạng phát triển.

b) 1961-1965

*** Miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và thực hiện nghĩa vụ hậu phương:**

- Kế hoạch 5 năm lần 1:

+ Bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội với trọng tâm là phát triển công nghiệp, nông nghiệp.

+ Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa.

+ Tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh.

+ Cải thiện đời sống nhân dân.

+Củng cố quốc phòng, an ninh.

- Vai trò hậu phương:

+Tăng cường chi viện cho tiền tuyến miền Nam. Trong hai năm (1964 - 1965), số lượng bộ đội bổ sung cho chiến trường miền Nam tăng hơn 2 lần so với 2 năm trước đó.

***Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ:**

- Chiến lược chiến tranh đặc biệt:

+ Là loại hình chiến tranh được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn,

+ Dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mỹ.

+ Dựa vào tranh bị vũ khí và phương tiện kĩ thuật của Mỹ.

+Thực chất của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là dùng người Việt đánh người Việt.

+ Để thực hiện kế hoạch, Mỹ và quân đội Sài Gòn:

+Tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”.

•Mở các cuộc hành quân càn quét lực lượng cách mạng.

- Sử dụng chiến thuật mới là “trục thẳng vận và thiết xa vận”.

- Chiến đấu chống Chiến tranh đặc biệt:

+ Dưới ngọn cờ đoàn kết của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, quân dân miền Nam đã chiến đấu chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, đồng bằng và đô thị), tiến công địch bằng cả ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận) và giành được nhiều thắng lợi quan trọng.

+ Quân sự:

- Chiến thắng Ấp Bắc (1963) mở ra khả năng đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ, bước đầu đánh bại chiến thuật “trục thẳng vận và thiết xa vận”. Từ đây phong trào Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công dấy lên khắp miền Nam.
- Tiếp đó, các chiến thắng Bình Giã (1964), An Lão (1964), Ba Gia (1964), Đông Xoài (1965),... làm phá sản hoàn toàn “Chiến lược chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

+ Đấu tranh chính trị :

Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân ở các đô thị lớn như Sài Gòn, Huế, Nẵng phát triển mạnh. Các cuộc đấu tranh của học sinh- sinh viên, tín đồ Phật giáo, “Đội quân tóc dài”... đã góp phần đưa đến sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm.

+ Phong trào phá “Áp chiến lược” diễn ra mạnh mẽ ở nông thôn Việt Nam.

Giữa năm 1965, “Áp chiến lược”- xương sống của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” phá sản về cơ bản.

c) 1965-1968

* Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”

- Chiến lược chiến tranh cục bộ:

+ Là loại hình chiến tranh được tiến hành chủ yếu bằng quân đội Mỹ, kết hợp với đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.

+ Quân đội Mỹ mở hàng loạt các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” ở miền Nam, đồng thời tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

Cả nước trực tiếp tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- Miền Nam chống chiến tranh cục bộ:

+ Quân sự:

- Thắng lợi mở đầu ở Núi Thành (1965) đánh bại cuộc hành quân “tìm diệt” của Mỹ.
- 1965: giành thắng lợi Vạn Tường (1965) mở ra khả năng đánh thắng chiến lược chiến tranh cục bộ.
- Chiến thắng trong hai mùa khô: 1965 - 1966 và 1966 - 1967.
- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 - mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước: làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ”; buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh và chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc chấp nhận đến đàm phán ở Paris để bàn về việc chấm dứt chiến tranh.

+ Chính trị:

- Ở thành thị, phong trào đấu tranh của công nhân, học sinh, sinh viên,... đòi Mỹ rút quân về nước, đòi tự do, dân chủ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.

- Ở nông thôn, với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng đã phá vỡ thêm nhiều ấp chiến lược.

- Vị thế và uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

+ Ngoại giao:

• Đấu tranh ngoại giao được nâng lên thành một mặt trận từ đầu năm 1967.

• Đàm phán chính thức giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Mỹ diễn ra tại Pa-ri (1968).

* *Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, vừa sản xuất và thực hiện nghĩa vụ hậu phương đối với miền Nam:*

- Năm 1964, sau khi dựng lên “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, Mỹ cho không quân đánh phá một số địa điểm ở miền Bắc.

- Từ năm 1965, Mỹ chính thức mở rộng chiến tranh ra miền Bắc lần thứ nhất, nhằm phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; ngăn chặn nguồn chi viện từ miền Bắc vào miền Nam; uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chiến đấu của nhân dân Việt Nam.

- Quân dân miền Bắc kịp thời chuyển hoạt động sang thời chiến.

Trong hơn 4 năm chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, quân và dân miền Bắc đã bắn rơi và phá huỷ 3 242 máy bay, bắn chìm 143 tàu chiến của địch. Cuối năm 1968, Mỹ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc.

- Miền Bắc thực hiện tốt vai trò của hậu phương lớn, duy trì hoạt động sản xuất và chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam với tinh thần “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”.

d) 1969-1973

* *Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”:*

- Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh:

+ Là loại hình chiến tranh được tiến hành chủ yếu bằng lực lượng quân đội Sài Gòn, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hải quân, hậu cần Mỹ và cố vấn Mỹ chỉ huy.

+ Mỹ từng bước rút quân về nước nhưng vẫn tiếp tục viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn

+ Mỹ hỗ trợ quân đội Sài Gòn mở các cuộc hành quân sang Cam-pu-chia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971).

+ Mỹ cũng thực hiện các chính sách ngoại giao để hạn chế sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

- Chiến đấu chống Việt Nam hóa chiến tranh:

+ Quân sự:

• 1970: Quân đội nhân dân Việt Nam phối hợp với quân và dân Campuchia đập tan cuộc hành

quân xâm lược của 10 vạn quân Mỹ và quân Sài Gòn sang Campuchia.

- 1971: Đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 ở Đường 9 - Nam Lào, từ đó giữ vững hành lang chi viện từ hậu phương miền Bắc cho các chiến trường của ba nước Đông Dương.

- 1972: Chiến dịch Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng thắng lợi.

- 1972: Cuộc Tiến công chiến lược (1972) quân Giải phóng chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh nhất của quân đội Sài Gòn ở Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, buộc Mỹ phải tuyên bố "Mỹ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược (tức là thừa nhận sự thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh").

- + Chính trị:

- 1969: Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập.

- 1970: Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp, biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu. Đây là Chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ.

- + Ngoại giao:

- 1969: Đàm phán bốn bên chính thức diễn ra tại Pa-ri.

- 27/1/1973: Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí kết

*** Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai, làm tròn nghĩa vụ hậu phương:**

- Trước nguy cơ chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh bị phá sản, từ tháng 4-1972 đến tháng 12-1972, Mỹ tiếp tục gây chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ hai,

- Từ ngày 18 đến ngày 29-12-1972, Mỹ tiến hành cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B-52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố ở miền Bắc, nhằm giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc Việt Nam phải kí hiệp định có lợi cho Mỹ.

- Qua 12 ngày đêm chiến đấu, quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 81 máy bay, trong đó có 34 máy bay B-52 và 5 máy bay F-111. Thắng lợi này được coi như trận "Điện Biên Phủ trên không", buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc và kí Hiệp định Pa-ri (1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

- Trong những năm 1969 - 1972, miền Bắc tiếp tục chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam và chiến trường Lào, Cam-pu-chia. Từ năm 1969 đến năm 1971, khối lượng vật chất đưa vào các chiến trường gấp hơn 1,6 lần so với 3 năm trước đó. Riêng năm 1972 miền Bắc đã động viên hơn 22 vạn thanh niên bổ sung cho lực lượng vũ trang cùng với khối lượng vật chất tăng gấp 1,7 lần so với năm 1971.

e) 1973-1975

*** Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục chi viện cho miền Nam:**

- 1974, về cơ bản miền Bắc đã khôi phục các cơ sở kinh tế, hệ thống thuỷ nông, mạng lưới giao thông, các công trình văn hoá, giáo dục, y tế.

- Cuối năm 1974, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp trên một số ngành, lĩnh vực đã đạt và vượt mức năm 1964 và năm 1971. Đời sống nhân dân ổn định.

- Trong hai năm 1973 - 1974, miền Bắc đã đưa vào chiến trường miền Nam, Lào, Cam-pu chia gần 20 vạn bộ đội. Đầu năm 1975 tăng thêm vào 57 000 bộ đội. Tăng cường chi viện v vật chất - kĩ thuật, bảo đảm đầy đủ nhu cầu cấp bách cho chiến trường miền Nam.

*** Miền Nam đấu tranh chống "bình định - lấn chiếm", thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn**

Sau khi hiệp định Pa-ri năm 1973:

+ Mỹ phải rút hết quân về nước, so sánh lực lượng thay đổi theo hướng có lợi cho cách mạng Việt Nam. Mỹ giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.

+ Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại hiệp định Pari, tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, mở các cuộc hành quân “bình định - lấn chiếm” vùng giải phóng.

-Thực hiện Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng Lao Động Việt Nam, từ cuối năm 1973, quân và dân miền Nam tiến hành các cuộc đấu tranh chống “bình định - lấn chiếm”, đồng thời chủ động mở một số cuộc tiến công để mở rộng vùng giải phóng.

Cuối năm 1974, đầu năm 1975, quân dân miền Nam mở đợt hoạt động quân sự ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ, giành thắng lợi quan trọng ở Đường 14 - Phước Long (6-1-1975).

Chiến thắng Đường 14 - Phước Long cho thấy sự lớn mạnh và khả năng thắng lợi của Quân Giải phóng, sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn và khả năng can thiệp trở lại của Mỹ là rất hạn chế.

- Trước tình hình đó, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 và 1976, đồng thời chỉ rõ: “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 diễn ra trong gần hai tháng, trải qua ba chiến dịch lớn.

+ Chiến dịch Tây Nguyên (4/3-24/3):

•Quân Giải phóng giành thắng lợi trong trận then chốt Buôn Ma Thuột, khiến hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển rồi sụp đổ.

• Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam. + Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (21-29/3):

Quân Giải phóng tiến công, giải phóng thành phố Huế, toàn tỉnh Thừa Thiên và Đà Nẵng, mở ra khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975.

+ Chiến dịch Hồ Chí Minh (26/4-30/4):

Quân Giải phóng tiến công, giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Trưa ngày 30-4-1975, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

→ Sau khi giải phóng Sài Gòn, lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh còn lại ở miền Nam đã đồng loạt tiến công và nổi dậy. Đến ngày 2-5-1975, toàn bộ miền Nam cùng các đảo và quần đảo hoàn toàn được giải phóng.

3.3 Nguyên nhân thắng lợi

* Chủ quan:

- Đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng.
- Truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân Việt Nam ở cả hai miền Nam, Bắc.
- Vai trò của hậu phương miền Bắc.

* Khách quan:

- Tinh thần đoàn kết, phối hợp chiến đấu, giúp đỡ lẫn nhau của ba dân tộc Đông Dương.

- Sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng tiến bộ, hoà bình, dân chủ và các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc, Liên Xô.

- Phong trào nhân dân Mỹ và nhân dân tiến bộ trên thế giới phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.

3.4 Ý nghĩa lịch sử

** Với nước ta :*

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ, 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân đế quốc ở Việt Nam, trên cơ sở đó hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.

- Mở ra kỉ nguyên mới của Việt Nam: kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

** Với thế giới:*

- Tác động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới.

- Cổ vũ phong trào cách mạng thế giới.

4. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay

4.1 Bối cảnh lịch sử

- Trên thế giới, xu thế hoà hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra, tuy nhiên quan hệ giữa các nước lớn phức tạp.

- Trong nước, đất nước được thống nhất, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy vậy, tình hình kinh tế - xã hội gặp rất nhiều khó khăn. Quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc và Cam-pu-chia có nhiều dấu hiệu bất ổn.

4.2 Diễn biến chính

a) Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1975 - 1979)

Tập đoàn Pôn Pốt - lêng Xa-ri đại diện cho phái "Khor-me Đỏ" ở Campuchia, đã có nhiều hoạt động khiêu khích, lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam.

- Đầu tháng 5-1975, tập đoàn Pôn Pốt âm mưu đánh chiếm đảo Phú Quốc, tiến hành chiếm đảo Thổ Chu và xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ dọc biên giới của Việt Nam từ Hà Tiên đến Tây Ninh.

- Ngày 22-12-1978, Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tiến đánh vào Tây Ninh, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam.

Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, Quân đội nhân dân Việt Nam tổ chức phản công, đánh bại lực lượng Pôn Pốt ra khỏi lãnh thổ và truy kích đối phương đến tận nơi xuất phát.

- Theo yêu cầu giúp đỡ của Mặt trận đoàn kết toàn dân tộc cứu nước Campuchia, quân tình nguyện Việt Nam đã cùng quân dân Campuchia lật đổ chế độ diệt chủng Khor-me Đỏ. Ngày 7- 1-1979, thủ đô Phnôm Pênh được hoàn toàn giải phóng.

b) Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979 - 1989)

- Hành động thù địch chống Việt Nam của tập đoàn Pôn Pốt được một số nhà lãnh đạo Trung Quốc khi đó đồng tình, ủng hộ và có những hành động làm tổn hại đến mối quan hệ Việt Nam - Trung

Quốc.

- Ngày 17-2-1979, Trung Quốc mở cuộc tấn công vào lãnh thổ Việt Nam, dọc biên giới phía bắc từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

- Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc, đã đứng lên chiến đấu. Hành động vi phạm chủ quyền lãnh thổ Việt Nam của Trung Quốc cũng đã vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của dư luận trong nước và thế giới. Từ ngày 5-3 đến ngày 18-3-1979, Trung Quốc rút quân về nước.

- Sau khi rút quân về nước, Trung Quốc tiếp tục có những hành động gây xung đột, lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam, đặc biệt là tại khu vực biên giới thuộc địa bàn huyện Vị Xuyên (Hà Giang). Nơi đây trở thành chiến trường ác liệt giữa hai bên trong giai đoạn 1984 - 1989.

c) Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam ở Biển Đông

- Sau Đại thắng Xuân 1975, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- Ngày 12-5-1977, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam.

- Năm 1994, Việt Nam phê chuẩn Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982.

- Về quản lý hành chính, năm 1982, Chính phủ Việt Nam thành lập huyện đảo Hoàng Sa, trực thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (nay thuộc thành phố Đà Nẵng) và huyện đảo Trường Sa, trực thuộc tỉnh Đồng Nai (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa). Năm 2007, Chính phủ quyết định thành lập thị trấn Trường Sa cùng hai xã đảo Song Tử Tây và Sinh Tồn trực thuộc huyện đảo Trường Sa.

- Nhà nước Việt Nam cũng triển khai nhiều hoạt động thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa: thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tuần tra, chốt giữ, xây dựng bia chủ quyền,... Đồng thời kiên quyết đấu tranh trước những hành động xâm lược, đe dọa từ bên ngoài.

- Năm 1988, Trung Quốc đưa quân đánh chiếm trái phép một số đảo, bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam như Cô Lin, Len Đao, Gạc Ma,... Lực lượng Hải quân Nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu để bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia.

- Năm 2012, Trung Quốc ngang nhiên thành lập thành phố Tam Sa, tự cho mình quyền quản lý quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Chính phủ Việt Nam đã lên án hành động của Trung Quốc, đồng thời khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo này.

- Năm 2014, Trung Quốc đưa giàn khoan Hải Dương-981 đến hoạt động trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý và thềm lục địa của Việt Nam ở Biển Đông, đồng thời đưa một số tàu cá và tàu quân sự vào khai thác bất hợp pháp ở khu đặt giàn khoan Hải Dương - 981.

- Để bảo vệ quyền chủ quyền quốc gia, Việt Nam đã tăng cường lực lượng tại khu vực đặc quyền kinh tế, đồng thời tích cực đấu tranh ngoại giao, yêu cầu Trung Quốc chấm dứt hành động vi phạm chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông. Ngày 16-7-2014, Trung Quốc rút giàn khoan Hải Dương-981 ra khỏi vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam.

Để giải quyết các tranh chấp chủ quyền biển đảo, Việt Nam luôn kiên định con đường đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp với luật pháp quốc tế, trên nguyên tắc bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia.

4.3 Ý nghĩa

- Làm thất bại ý đồ và hành động xâm lược, chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Việt Nam đã làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Campuchia, đồng thời tích cực góp phần bảo vệ độc lập dân tộc, hoà bình ở Đông Dương và khu vực Đông Nam Á.

4.4 Bài học của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc 1945 nay

** Phát huy tinh thần yêu nước.*

** Củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.*

- Khối đại đoàn kết dân tộc là nguồn sức mạnh, là nhân tố quyết định thắng lợi.

** Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.*

Tổ chức, phát huy nội lực của toàn dân, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.

** Phát triển, sáng tạo nghệ thuật lãnh đạo, nghệ thuật quân sự.*

- Đường lối và sách lược cách mạng đúng đắn, phù hợp ở từng thời kì như: vừa kháng chiến vừa kiến quốc, tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng dân chủ nhân dân; kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao,...

- Nghệ thuật quân sự nổi bật trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 là tiến hành chiến tranh nhân dân; kết hợp chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy; đánh địch bằng ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận); phối hợp giữa mặt trận chính diện và mặt trận sau lưng địch; kết hợp chặt chẽ ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích),...

II -CÂU HỎI VẬN DỤNG • Tra ID đề – [433203]

HSA 01 [559155]: Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, có 4 tỉnh nào giành được chính quyền sớm nhất cả nước?

A. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

B. Bắc Giang, Hải Phòng, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi.

D. Bắc Kạn, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

HSA 02 [559156]: Ngày 30/8/1945, ở Việt Nam diễn ra sự kiện lịch sử nào?

A. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn.

B. Vua Bảo Đại thoái vị, chế độ phong kiến sụp đổ.

C. Cách mạng tháng Tám thành công trong cả nước.

D. Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi ở Hà Nội.

HSA 03 [559157]: Một trong những địa phương giành chính quyền muộn nhất trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

A. An Giang.

B. Vĩnh Long.

C. Hà Tiên.

D. Quảng Trị.

HSA 04[559158]: Ngày 13/8/1945, ngay khi nhận được những thông tin về việc Nhật Bản sắp đầu hàng Đồng minh, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh lập tức thành lập cơ quan nào?

A. Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

B. Ủy ban lâm thời Khu giải phóng.

C. Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ.

D. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.

HSA 05 [559159]: Nội dung nào **không** phản ánh đúng nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm.
- B. Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra đường lối cách mạng đúng đắn.
- C. Chiến thắng của Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít.
- D. Sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

HSA 06 [559160]: Một trong những bài học kinh nghiệm rút ra từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam là

- A. xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu.
- B. tăng cường liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương.
- C. kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao.
- D. kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

HSA 07 [559161]: Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có đặc điểm nào sau đây?

- A. Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng.
- B. Đối tượng đấu tranh là chủ nghĩa thực dân mới.
- C. Đối tượng đấu tranh chủ yếu là chế độ phong kiến.
- D. Sử dụng lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt.

HSA 08 [559162]: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa quốc tế của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Lật đổ ách thống trị của phát xít Nhật.
- B. Phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp.
- C. Góp phần vào chiến thắng của phe dân chủ chống phát xít.
- D. Mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc.

HSA 09 [559163]: Nội dung nào sau đây là điều kiện khách quan thuận lợi để Đảng Cộng sản Đông Dương phát lệnh Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?

- A. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- B. Phát xít Đức đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- C. Lực lượng trung gian đã ngả hẳn về phía cách mạng.
- D. Đảng và quần chúng nhân dân đã sẵn sàng hành động.

HSA 10 [559164]: Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng về cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở nước ta ?

- A. Cuộc cách mạng bạo lực, lực lượng vũ trang đóng vai trò quyết định ở những nơi địch ngoan cố.
- B. Cuộc cách mạng ăn may, thắng lợi nhờ có thời cơ thuận lợi khi Nhật đầu hàng Đồng minh
- C. Cuộc cách mạng thắng lợi đồng thời cả nông thôn và thành thị, nông thôn giữ vai trò quyết định

D. Cuộc cách mạng bạo lực, lực lượng vũ trang đóng vai trò quyết định thắng lợi.

HSA 11 [559165]: Cách mạng tháng Tám 1945 đã góp phần vào chiến thắng chống phát xít của thế giới là vì

A. đã giành chính quyền ở Hà Nội sớm nhất.

B. đã xóa bỏ chế độ chủ nghĩa phát xít trên thế giới.

C. đã lật đổ nền thống trị của phát xít Nhật ở Việt Nam.

D. đã lật đổ chế độ phong kiến và ách thống trị của Pháp ở Đông Dương.

HSA 12 [559166]: Trong Cách mạng tháng Tám 1945, nhân dân Việt Nam giành chính quyền từ tay

A. Đế quốc Mỹ.

B. Phát xít Nhật.

C. Phát xít Italia.

D. Thực dân Hà Lan.

HSA 13 [559167]: Cuộc khởi nghĩa ở các đô thị lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn có vai trò như thế nào trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?

A. Bao vây thực dân Pháp trong các thành thị.

B. Quyết định thắng lợi của Tổng khởi nghĩa.

C. Góp phần xây dựng lực lượng chính trị.

D. Làm bùng nổ khởi nghĩa ở nông thôn.

HSA 14 [559168]: Từ ngày 16 đến ngày 17-8-1945, Đại hội Quốc dân ở Tân Trào (Sơn Dương Tuyên Quang) đã

A. thành lập Nha Bình dân học vụ.

B. thành lập An Nam Cộng sản Đảng.

C. cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.

D. thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng.

HSA 15 [559169]: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam năm 1945 đã góp phần

A. làm suy yếu chủ nghĩa thực dân mới trên toàn thế giới.

B. làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ ở Đông Nam Á.

C. chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của đế quốc.

D. đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới.

HSA 16 [559170]: Sự kiện nào đánh dấu Đảng Cộng sản Đông Dương chính thức trở thành Đảng cầm quyền ở Việt Nam?

A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lâm thời (10 - 1930).

B. Kỳ họp đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam (1946).

C. Hội nghị thành lập Đảng tháng 2 năm 1930.

D. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

HSA 17 [559171]: Một trong những thuận lợi cơ bản của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. đất nước độc lập, thống nhất, sạch bóng quân thù.

B. có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

C. có lực lượng vũ trang ba thứ quân trưởng thành.

D. nhận được sự viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa.

HSA 18 [559172]: Pháp mở cuộc tấn công Việt Bắc vào thu - đông năm 1947 vì muốn

A. ngăn chặn con đường liên lạc của ta với quốc tế.

B. tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta.

C. giải quyết mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán quân.

D. kết thúc chiến tranh trong danh dự.

HSA 19 [559173]: Cuộc chiến đấu của nhân dân các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 năm 1946 có tác dụng

- A. tạo điều kiện cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.
- B. làm kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp thất bại hoàn toàn.
- C. làm cho kế hoạch Rơ-ve của Pháp bị phá sản.
- D. ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

HSA 20 [559174]: Để đáp lại tối hậu thư của Pháp gửi Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hội nghị bất thường Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương mở rộng (18 và 19 - 12 - 1946) họp tại Vạn Phúc (Hà Đông) đã quyết định

- A. thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.
- B. phát động cả nước kháng chiến chống Pháp.
- C. thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến.
- D. nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế.

HSA 21 [559175]: Năm 1947, thực dân Pháp huy động 12.000 quân tinh nhuệ và hầu hết máy bay ở Đông Dương, chia thành ba cánh quân mở cuộc tiến công

- A. Việt Bắc.
- B. Hà Nội.
- C. Điện Biên Phủ.
- D. Tây Bắc.

HSA 22 [559176]: Nội dung nào sau đây **không phải** mục tiêu của Việt Nam khi mở chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950?

- A. Giam chân địch ở vùng rừng núi.
- B. Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.
- C. Khai thông đường biên giới Việt-Trung.
- D. Mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

HSA 23 [559177]: Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954), thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam đã buộc Pháp phải thay đổi chiến lược từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh lâu dài”?

- A. Chiến dịch Biên giới thu - đông (1950).
- B. Chiến dịch Tây Bắc thu - đông (1952)
- C. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông (1947).
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954).

HSA 24 [559178]: Chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 và chiến dịch Biên giới thu đông năm 1950 của nhân dân Việt Nam có điểm tương đồng nào sau đây?

- A. Diễn ra ở địa bàn mà ta có ưu thế so với địch.
- B. Kết hợp giữa tiến công của bộ đội chủ lực và nổi dậy của nhân dân.
- C. Tiến hành tổ chức hiệp đồng tác chiến giữa các đại đoàn chủ lực.
- D. Làm phá sản kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp.

HSA 25 [559179]: Ở Việt Nam, sau chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950, Pháp điều hoạch nào để nhanh chóng kết thúc chiến tranh

- A. kế hoạch Bôlae.
- B. kế hoạch Đờ Lát đờ Tátxinh
- C. kế hoạch Nava.
- D. kế hoạch Rove.

HSA 26 [559180]: Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2 - 1951) đã thông qua

- A. quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai.
- B. chủ trương kết hợp tổng tiến công và nổi dậy.
- C. chủ trương “vô sản hóa”.

D. chủ trương khởi nghĩa từng phần.

HSA 27 [559181]: Vị trí chiến lược then chốt được thực dân Pháp xây dựng thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương trong Đông - Xuân 1953 - 1954 là

A. Hà Nội

B. Điện Biên Phủ

C. Huế.

D. Xê-nô.

HSA 28 [559182]: Phương hướng chiến lược của Việt Nam trong Đông Xuân 1953 - 1954 là

A. đánh vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.

B. đánh vào những vị trí chiến lược mà địch tập trung lực lượng mạnh.

C. đánh vào nơi địch mạnh nhất để kết thúc chiến tranh.

D. đánh về đồng bằng, nơi Pháp tập trung binh lực để chiếm giữ.

HSA 29 [559183]: Sự kiện nào là mốc đánh dấu cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) của nhân dân Việt Nam giành thắng lợi hoàn toàn?

A. Quân Pháp xuống tàu rút quân khỏi Hải Phòng.

B. Bộ đội Việt Nam tiến vào tiếp quản Hà Nội.

C. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

D. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết.

HSA 30 [559184]: Chiến thắng quân sự nào của quân dân Việt Nam có tác động quyết định buộc thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương

A. Chiến thắng Thượng Lào 1953.

B. Chiến thắng Việt Bắc 1947.

C. Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.

D. Chiến thắng Biên giới 1950.

HSA 31 [559185]: Một trong những mục tiêu của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) được Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam xác định là

A. đánh sập tâm điểm của Kế hoạch Nava, buộc Pháp phải đầu hàng.

B. đánh bại những âm mưu xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

C. giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

D. giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng miền Nam.

HSA 32 [559186]: Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), sự kiện nào đã tăng cường khối đoàn kết của ba nước Đông Dương

A. tiến hành Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.

B. thành lập Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào.

C. tiến hành hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

D. thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.

HSA 33 [559187]: Điểm khác nhau về nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945- 1954) so với Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Hồ Chí Minh.

B. nhân dân ta có truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết.

C. có sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

D. kết hợp được sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

HSA 34 [559188]: Năm 1963, quân dân miền Nam Việt Nam giành thắng lợi trong trận

A. Đồng Xoài (Bình Phước).

B. Bình Giã (Bà Rịa).

C. Ấp Bắc (Mỹ Tho).

D. Ba Gia (Quảng Ngãi).

HSA 35 [559189]: Nội dung nào sau đây không phải là ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960) ở miền Nam Việt Nam?

A. Buộc Mỹ phải thừa nhận thất bại, rút quân về nước.

B. Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam.

C. Làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

D. Cách mạng miền Nam chuyển từ giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

HSA 36 [559190]: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm Mậu Thân 1968 của quân dân Việt Nam có ý nghĩa nào sau đây?

A. Chứng tỏ Mỹ không phải là cường quốc số một thế giới.

B. Làm thất bại hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.

C. Buộc Mỹ phải dừng các hoạt động quân sự ở Việt Nam.

D. Làm thất bại chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ.

HSA37 [559191]: Chiến lược Chiến tranh đặc biệt (1961-1965) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam được tiến hành bằng lực lượng nào sau đây?

A. Quân đội Bồ Đào Nha.

B. Quân đội Tây Ban Nha.

C. Quân đội Nhật Bản.

D. Quân đội Sài Gòn.

HSA 38 [559192]: Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) ở miền Nam Việt Nam diễn ra tiêu biểu nhất ở địa phương nào sau đây?

A. Ninh Bình.

B. Bến Tre.

C. Thanh Hóa.

D. Tây Nguyên.

HSA 39 [559193]: Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1959) đã đề ra phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là

A. khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

B. đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao chống chế độ Mỹ - Diệm.

C. tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam.

D. đấu tranh chính trị, ngoại giao để thống nhất đất nước.

HSA 40 [559194]: Tổ chức nào sau đây ra đời trong khí thế thắng lợi của phong trào “Đồng khởi

A. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

B. Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình.

C. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

D. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

HSA 41 [559195]: Một trong những thủ đoạn của Mỹ khi tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1973) là

A. rút dần quân Mỹ, quân đồng minh.

B. sử dụng chiến thuật mới “trục thẳng vận”

C. ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam.

D. sử dụng chiến lược mới “tìm diệt”

HSA 42 [559196]: Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972 của quân dân Việt Nam đã

A. mở đầu cao trào “Tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” ở miền Nam.

B. buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược Việt Nam.

- C. buộc Mỹ đến bàn đàm phán ở Pari để bàn về việc chấm dứt chiến tranh.
D. buộc Mỹ phải ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc.

HSA 43 [559197]: Trong chiến lược Chiến tranh cục bộ (1965-1968) ở miền Nam Việt Nam quân Mỹ thất bại khi tiến hành cuộc hành quân “tìm diệt” vào địa bàn nào sau đây?

- A. Vạn Tường. B. Hà Nam.
C. Thanh Hóa. D. Ninh Bình.

HSA 44 [559198]: Trong những năm 1963 - 1973, thắng lợi nào sau đây của quân và dân tộc buộc Mỹ phải chấp nhận đến đàm phán ở Pari?

- A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
B. Chiến thắng Vạn Tường 1965.
C. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.
D. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

HSA 45 [559199]: Thắng lợi nào của quân dân Việt Nam đánh dấu sự phá sản về cơ bản chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ?

- A. Chiến dịch Hồ Chí Minh 1975.
B. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
C. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968.
D. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

HSA 46 [559200]: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ở Việt Nam?

- A. Mở ra khả năng sớm kết thúc chiến tranh thông qua con đường đàm phán.
B. Chứng tỏ lực lượng vũ trang phát triển vượt bậc thay thế lực lượng chính trị
C. Buộc Mỹ phải quay lại đàm phán ở Pari để bàn về việc chấm dứt chiến tranh.
D. Chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công

HSA 47 [559201]: Năm 1972, quân dân miền Nam Việt Nam mở cuộc tiến công chiến lược ở địa phương nào sau đây ?

- A. Tuyên Quang. B. Quảng Ninh. C. Thái Nguyên. D. Quảng Trị.

Độc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 48 đến 50.

TINH THẦN QUYẾT CHIẾN QUYẾT THẮNG CỦA QUÂN DÂN TA

Tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân dân ta kế tục và phát triển truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc ta, là tinh thần quật cường và tài mưu lược của một dân tộc không đông lắm, đất không rộng lắm, đã có mấy ngàn năm lịch sử đoàn kết chống ngoại xâm, đã từng đánh thắng những đội quân xâm lược đông hơn gấp nhiều lần. Đó là tinh thần yêu nước của một dân tộc đã từng lập nên những chiến công lừng lẫy: Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa... .. Tinh thần đoàn kết chiến đấu, tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng rõ ràng là nhân tố quyết định thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ cũng như của các chiến dịch Đông - Xuân. Điều đó chứng minh rằng truyền thống yêu nước lâu đời của dân tộc, khi đã được phát huy mạnh mẽ và tư tưởng cách mạng, đường lối cách mạng, khi đã đi sâu vào

quần chúng nhân dân thì trở nên một sức mạnh vật chất vĩ đại, vô địch. Điều đó càng chứng minh rằng hậu phương vững chắc là một nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi trong cuộc chiến tranh cách mạng.

Võ Nguyên Giáp (2018), *Điện Biên Phủ, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 140-144.*

HSA 48 [559202]: Truyền thống yêu nước được thể hiện và phát huy mạnh mẽ nhất khi nào?

- A. Khi ta có sức mạnh vật chất to lớn.
- B. Khi ta có tiềm lực quân sự lớn mạnh.
- C. Khi đất nước phát triển ổn định.
- D. Khi đất nước có ngoại xâm.

HSA 49 [559203]: Thực tiễn trong lịch sử đấu tranh gìn giữ độc lập của dân tộc Việt Nam từ xưa đến nay có đặc trưng là

- A. phải đối đầu với kẻ thù mạnh hơn ta rất nhiều.
- B. phát huy tinh thần cách mạng dưới sự đoàn kết của Đảng.
- C. đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của giai cấp công nhân.
- D. luôn có sự đoàn kết của toàn dân, toàn quân trong chiến đấu.

HSA 50 [559204]: Hậu phương vững chắc là một nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi trong cuộc chiến tranh cách mạng vì

- A. chỉ có hậu phương vững mạnh mới có đường lối đúng.
- B. hậu phương quyết định tất cả thắng lợi trên chiến trường.
- C. đảm bảo sức mạnh vật chất, tinh thần cho tiền tuyến.
- D. hậu phương là nơi an toàn trước

CHỦ ĐỀ 4:

CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Khái quát về công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay

Giai đoạn / Tiêu chí	Giai đoạn đổi đầu của công cuộc Đổi mới	Giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa , hiện đại hóa , bước đầu hội nhập kinh tế	Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa , hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng

Hoàn cảnh	-Từ đầu thập niên 80 của thế kỉ XX Việt Nam lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng. -Tình hình thế giới có nhiều thay đổi : • Hệ thống xã hội chủ nghĩa khủng hoảng toàn diện . • Cách mạng khoa học công nghệ tạo ra thời cơ và thách thức . • Quan hệ quốc tế biến động. →Yêu cầu: <i>Đổi mới là đòi hỏi khách quan, không thể trì hoãn, là vấn đề sống còn của cách mạng Việt Nam và phù hợp với xu thế chung của thời đại.</i>	- Kinh tế - xã hội Việt Nam cơ bản ổn định , đất nước có những tiền đề cần thiết để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa . - Tình hình thế giới có nhiều biến đổi, tác động hầu hết đến các quốc gia, trong đó có Việt Nam →Yêu cầu: <i>đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.</i>	- Thế và lực của Việt Nam đã lớn mạnh vượt bậc, uy tín quốc tế được nâng cao. - Tuy vậy, nhiều nguy cơ, thách thức tồn tại. →Yêu cầu đặt ra: <i>tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững.</i>
Thời gian	1986-1995	1996-2006	2006 đến nay
Đại hội	- Đại hội VI (12-1986) đề ra đường lối đổi mới. - Đại hội VII (1991) tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối.	- Đại hội VIII (1996) xác định Việt Nam chuyển sang thời kì mới. - Đại hội IX(2001) tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối.	- Đại hội X(2006) chủ trương: đẩy mạnh toàn bộ công cuộc đổi mới, sớm đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Nội dung	- <i>Kinh tế:</i> • Xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. • Hình thành cơ chế thị trường, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. - <i>Chính trị:</i> + Xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. + Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. + Cải cách bộ máy hành chính, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị. - <i>Văn hoá - Xã hội:</i> + Phát huy yếu tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi của công dân, lấy phục vụ	- <i>Kinh tế:</i> + Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. + Coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. + Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. + Mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng sức cạnh tranh hàng hoá và dịch vụ. + Nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, gắn việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. + Gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. - <i>Chính trị:</i> + Đổi mới hệ thống chính trị, cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. + Lấy liên minh công nông và tầng lớp tri thức làm nền tảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. - <i>Văn hoá - Xã hội:</i> + Phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.	- <i>Kinh tế:</i> + Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. + Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức. - <i>Chính trị:</i> + Tiếp tục đẩy mạnh và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm Nhà nước Việt Nam thực sự của dân, do dân, vì dân và do Đảng Cộng sản lãnh đạo. + Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh xây dựng và chỉnh đốn Đảng. - <i>Văn hoá - Xã hội:</i> + Phát triển con người toàn diện, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
-----------------	---	--	--

	con người là mục đích cao nhất. + Xác định khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. + Tạo điều kiện để người lao động có việc làm, cải thiện điều kiện lao động. + Xây dựng nền văn hoá mới có nội dung nhân đạo, dân chủ tiến bộ. - <i>Quốc phòng- An ninh:</i> + Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân. + Phát triển kinh tế- xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng. - <i>Đối ngoại:</i> + Đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế, không phân biệt chế độ chính trị- xã hội trên cơ sở các nguyên tắc cùng hợp tác bình đẳng, có lợi và tồn tại hoà bình	+ Nhấn mạnh phát triển giáo dục- đào tạo và khoa học- công nghệ là quốc sách hàng đầu. + Mở rộng giải quyết các vấn đề xã hội như tạo thêm việc làm, xoá đói, giảm nghèo,.. - <i>Quốc phòng- An ninh:</i> + Phát huy sức mạnh tổng hợp toàn dân, của cả hệ thống chính trị. + Xây dựng quân đội nhân dân và công an nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. - <i>Đối ngoại:</i> + Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, mở rộng, đa dạng hoá đa phương hoá quan hệ quốc tế. + Đặt trọng tâm hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực nhằm mục tiêu phát triển đất nước.	+ Đẩy mạnh phong trào “ Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” + Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế. - <i>Quốc phòng- An ninh:</i> + Tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ đất nước. + Đẩy mạnh công nghiệp quốc phòng, an ninh. + Xây dựng và bảo vệ đất nước, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định. - <i>Đối ngoại:</i> + Chuyển từ hội nhập kinh tế quốc tế sang chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. + Hội nhập quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực trong đó hội nhập kinh tế là trọng tâm.
Nhận xét	- Đổi mới toàn diện, lấy kinh tế làm trọng tâm. - Nhiệm vụ chủ yếu: đẩy mạnh ba chương trình kinh tế lớn, chuyển đổi cơ chế quản lí kinh tế, phát triển kinh tế nhiều thành phần, mở cửa nền kinh tế, thu hút vốn nước ngoài.	- Đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ trên các lĩnh vực. - Nhiệm vụ trung tâm: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Phấn đấu 2020, đưa đất nước cơ bản thành một nước công nghiệp.	- Đổi mới được đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ hơn trên nhiều lĩnh vực. - Nhiệm vụ chú trọng: đổi mới hệ thống chính trị, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát triển văn hoá, xã hội. Cùng với đó là quá trình hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.

2. Thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay

a. Chính trị, an ninh – quốc phòng

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được tăng cường theo quy định Hiến pháp.

- Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả, phục vụ người dân ngày càng tốt hơn.

- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ.

- Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố, tăng cường.

b. Kinh tế

- Việt Nam thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Từ nước có thu nhập thấp, vươn lên nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình.

- Chuyển đổi thành công từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước, từng bước hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tốc độ tăng trưởng khá cao và tương đối bền vững, trung bình 6 - 7%/năm. Quy mô nền kinh tế được mở rộng .

- Cơ cấu kinh tế theo ngành và theo thành phần:

- + Cơ cấu kinh tế theo ngành chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. |

Công nghiệp, dịch vụ chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu GDP.

- + Cơ cấu kinh tế theo thành phần thay đổi theo hướng đa dạng hóa bao gồm: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo song kinh tế tư nhân cũng trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế

- Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế và đời sống nhân dân được cải thiện và xây dựng hiện đại.

- Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng, cán cân thương mại chuyển dần từ nhập siêu sang xuất siêu. Thị trường mở rộng, nguồn vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh chóng.

c. Văn hóa

Nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc được phát triển. Văn hóa truyền thống có xu hướng được giữ gìn và phát huy. Các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể được xác định, đánh giá theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Giáo dục và đào tạo mở rộng về quy mô và cơ sở vật chất. Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao. Phổ cập Tiểu học đạt chuẩn năm 2000 và Trung học cơ sở năm 2010

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản, thể dục thể thao sôi động và đạt nhiều thành tích cao

d. Xã hội

- Thực hiện thành công xóa đói, giảm nghèo. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Thu nhập của người dân ngày càng tăng.

- Y tế đạt nhiều tiến bộ, sức khỏe của nhân dân được quan tâm chăm sóc.

- Chính sách lao động, việc làm của Nhà nước chuyển biến theo hướng ngày càng phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

e. Hội nhập quốc tế

- Hội nhập về chính trị:

+ Thiết lập quan hệ ngoại giao với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, với 30 đối tác chiến lược (2022).

+ Tham gia nhiều tổ chức, diễn đàn, là thành viên chủ động, tích cực có trách nhiệm cao,

+ Vai trò, uy tín của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

- Hội nhập kinh tế: diễn ra sâu rộng, hiệu quả góp phần tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mở rộng đầu tư nước ngoài, tăng trưởng xuất khẩu.

Hội nhập an ninh - quốc phòng và các lĩnh vực khác như văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ,... cũng được đẩy mạnh.

3. Một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay

- Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

- Đổi mới phải xuất phát từ thực tiễn lịch sử, vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân.

- Kết hợp được sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh nội lực và ngoại lực trong điều kiện mới.

CÂU HỎI VẬN DỤNG - Tra ID đề - [433204]

HSA 01 [559205]: Tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” xuất hiện tại

- A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986).
- B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991).
- C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996).
- D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001).

HSA 02 [559206]: Nội dung nào **không** phản ánh đúng hoàn cảnh dẫn đến công cuộc Đổi mới ở Việt Nam năm 1986?

- A. Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng.
- B. Quan hệ quốc tế có nhiều biến động mau lẹ.
- C. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ.
- D. Cách mạng khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ.

HSA 03 [559207]: Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam được thực hiện đồng bộ, toàn diện, trọng tâm là đổi mới trên lĩnh vực

- A. văn hóa.
- B. chính trị.
- C. kinh tế.
- D. khoa học.

HSA 04 [559208]: Đổi mới về kinh tế ở Việt Nam sau năm 1986 chủ trương xóa bỏ cơ chế quản lí tập trung quan liêu, bao cấp để hình thành cơ chế nào?

- A. Cơ chế kinh tế hàng hóa, có sự điều tiết của các tập đoàn lớn.
- B. Cơ chế kinh tế thị trường, có sự quản lí của Nhà nước.
- C. Cơ chế kinh tế khép kín, tự nhiên, tự cung, tự cấp.
- D. Cơ chế kinh tế tự do, có sự quản lí vĩ mô của Nhà nước.

HSA 05 [559209]: Đổi mới về chính trị ở Việt Nam sau năm 1986 không có nội dung nào sau đây ?

- A. Xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
- B. Cải cách bộ máy hành chính, kiện toàn các cơ quan luật pháp.
- C. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lí của Nhà nước.
- D. Thực hiện đa nguyên về chính trị, đa đảng đối lập.

HSA 06 [559210]: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996) xác định Việt Nam chuyển sang thời kỳ mới nào?

- A. Đổi mới đất nước toàn diện và đồng bộ.
- B. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- C. Tiếp tục hội nhập quốc tế sâu rộng, tích cực.
- D. Phấn đấu trở thành một nước công nghiệp hiện đại.

HSA 07 [559211]: Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời câu hỏi sau đây:

“Việt Nam là một câu chuyện phát triển thành công. Những cải cách kinh tế từ năm 1986 kết hợp với những xu hướng toàn cầu thuận lợi đã nhanh chóng giúp Việt Nam phát triển từ một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới trở thành một quốc gia thu nhập trung bình thấp chỉ trong vòng một thế hệ”.

(Ngân hàng Thế giới, Tổng quan về Việt Nam)

Nhận định nào **không** phản ánh đúng nội dung xuất hiện trong đoạn thông tin?

- A. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam có kết quả thành công.
- B. Điều kiện khách quan không tác động đến kết quả của đổi mới.
- C. Trước đổi mới, Việt Nam là một trong những quốc gia nghèo.
- D. Thu nhập trung bình của người dân Việt Nam có bước phát triển.

HSA 08 [559212]: Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân được tăng cường theo quy định theo quy định của

- A. hiến pháp.
- B. quốc hội.
- C. nhà nước.
- D. chính phủ.

HSA 09 [559213]: Kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam sau công cuộc Đổi mới không gồm

- A. kinh tế nhà nước.
- B. kinh tế tập thể.
- C. kinh tế tư nhân.
- D. kinh tế nhóm.

HSA 10 [559214]: Thành phần kinh tế nào giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

- A. Kinh tế nhà nước.
- B. Kinh tế tư nhân.
- C. Kinh tế tập thể.
- D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

HSA 11 [559215]: Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời Câu hỏi sau đây:

“Đến năm 2022, cả nước có 6009/8225 xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó có 937 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 110 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Có 225 huyện hoàn thành nhiệm vụ đạt chuẩn nông thôn mới, 18 tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 5 tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.”

*(Xây dựng nông thôn mới gắn với bản sắc, giá trị nông thôn,
Bảo Điện tử Chính phủ, phát hành ngày 18 - 02 - 2023)*

Nội dung đoạn thông tin phản ánh thành tựu công cuộc **Đổi mới** ở Việt Nam trên lĩnh vực

- A. kinh tế.
- B. chính trị.
- C. xã hội.
- D. đối ngoại.

HSA 12 [559216]: Sức mạnh tổng hợp để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững bao gồm

- A. sức mạnh nhân dân và sức mạnh Nhà nước.
- B. sức mạnh kinh tế và sức mạnh chính trị.
- C. sức mạnh nội lực và sức mạnh ngoại lực.
- D. sức mạnh trong nước và sức mạnh khu vực.

HSA 13 [559217]: Nhân tố nào quyết định đến sự phát triển của Việt Nam?

- A. Nhân tố nội lực.
- B. Nhân tố ngoại lực.
- C. Nhân tố vật chất.
- D. Nhân tố tinh thần.

HSA 14 [559218]: Nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Việt Nam xuất phát từ

- A. xu thế đối đầu Đông - Tây căng thẳng.
- B. nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân.
- C. ý chí và mong muốn của Liên Xô, Trung Quốc.
- D. tham khảo, học tập mô hình của các nước tư bản.

HSA 15 [559219]: Nội dung nào không phải là bài học kinh nghiệm của công cuộc **Đổi mới** từ năm 1986 đến nay?

- A. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng Mác - Lê nin.
- B. **Đổi mới** toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp thực tiễn.
- C. **Đổi mới** vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân.
- D. Tham khảo, học tập mô hình chủ nghĩa xã hội của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

HSA 16 [559220]: Cơ cấu kinh tế theo ngành ở Việt Nam hiện nay chuyển dịch theo hướng nào?

- A. Công nghiệp, nông nghiệp chiếm tỉ lệ ngày càng cao trong cơ cấu GDP.
- B. Công nghiệp, dịch vụ chiếm tỉ lệ ngày càng cao trong cơ cấu GDP.
- C. Nông nghiệp, dịch vụ chiếm tỉ lệ ngày càng cao trong cơ cấu GDP.
- D. Thương nghiệp, dịch vụ chiếm tỉ lệ ngày càng cao trong cơ cấu GDP.

HSA 17 [559221]: Nhận xét nào đúng về tốc độ tăng trưởng của Việt Nam trong thời kì Đổi mới

- A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cao, vượt trội và ổn định.
- B. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam khá cao nhưng chưa ổn định.
- C. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam khá cao, tương đối bền vững.
- D. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cao nhưng thất thường.

HSA 18 [559222]: Nhận xét nào không đúng về kinh tế đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay ?

- A. Cán cân thương mại chuyển dần từ nhập siêu sang xuất siêu.
- B. Thị trường xuất khẩu mở rộng theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.
- C. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được mở rộng, phát triển.
- D. Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, đạt khoảng 10% mỗi năm.

HSA 19 [559223]: Thành tựu trên lĩnh vực chính trị, an ninh - quốc phòng có ý nghĩa như thế nào với Việt Nam hiện nay?

- A. Có vai trò quyết định đến sự phát triển kinh tế của đất nước.
- B. Tạo dựng môi trường hòa bình, an toàn cho công cuộc Đổi mới.
- C. Đưa Việt Nam trở thành cường quốc giàu mạnh nhất Đông Nam Á.
- D. Nâng cao vị thế, giúp Việt Nam gia nhập thành công Liên hợp quốc.

HSA 20 [559224]: Phong trào nào không phản ánh thành tựu về đổi mới văn hóa - xã hội ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay?

- A. Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.
- B. Xây dựng gia đình văn hóa.
- C. Ba sẵn sàng.
- D. Xây dựng nông thôn mới.

HSA 21 [559225]: Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam bắt đầu từ lĩnh vực nào?

- | | |
|-------------|---------------|
| A. Kinh tế. | B. Chính trị. |
| C. Xã hội. | D. Văn hóa. |

HSA 22 [559226]: Nguyên tắc hàng đầu được thực hiện trong quá trình đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay là gì?

- A. Lấy chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Trung Quốc làm mục tiêu hướng đến.
- B. đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công.
- C. đảm bảo độc lập dân tộc và kiên định con đường xã hội chủ nghĩa.
- D. đổi mới đồng bộ, toàn diện, trọng tâm là chính trị - xã hội.

Độc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 23 đến 25.

“Kế thừa tinh thần của Đại hội X, tại Đại hội XI của Đảng, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định rõ hơn mục tiêu, con đường đi lên CNXH ở Việt Nam thông qua việc bổ sung, phát triển các phương hướng cơ bản. Cương lĩnh năm 2011 viết: “Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, toàn Đảng, toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực, tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, quán triệt và thực hiện tốt các phương hướng cơ bản sau đây: Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ

tài nguyên, môi trường. Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh”.

(https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/nhung-thanh-tuu-ly-luan-lon-cua-dang-qua-gan-40-nam-doi-moi?zarsrc=31)

HSA 23 [559227]: Kim chỉ nam cho hành động và sự lãnh đạo của Đảng và cách mạng Việt Nam là

- A. chủ nghĩa Mác - Lê - nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- B. chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản.
- C. chủ nghĩa tam dân và chủ nghĩa duy tâm.
- D. chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

HSA 24 [559228]: Nội dung nào không phải là phương hướng cơ bản được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

- A. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- B. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ.
- C. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- D. Phát triển nền kinh tế thị trường tập trung bao cấp.

HSA 25 [559229]: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội xác định phương hướng phát triển lĩnh vực văn hóa của Việt Nam là gì?

- A. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- B. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- C. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.
- D. Mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Chủ đề 5:

LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN - HIỆN ĐẠI

1. Kiến thức trọng tâm

1. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc từ đầu thế kỷ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945

1.1. Hoạt động đối ngoại của một số nhà yêu nước Việt Nam tiêu biểu

*** Hoàn cảnh:**

+ Chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp cùng với những chuyển biến trọng về kinh tế, xã

hội ở nước ta đã ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân của Việt Nam

- + Phong trào yêu nước theo ngọn cờ phong kiến thất bại, cách mạng Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.

- + Một số nhà yêu nước đã mạnh dạn thực hiện các hoạt động đối ngoại để tìm kiếm những hướng đi mới cho cuộc đấu tranh giành lại độc lập của dân tộc Việt Nam.

*** Nhà yêu nước Phan Bội Châu:**

Mục tiêu: Tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài để chống thực dân Pháp, giành độc lập dân

Địa điểm: Chủ yếu diễn ra ở Nhật Bản, Trung Quốc.

Hoạt động nổi bật:

- + 1905 - 1909: Phan Bội Châu và tổ chức Duy Tân hội phát động phong trào Đông Du, đưa gần 200 du học sinh Việt Nam bí mật xuất dương sang Nhật Bản học tập ở các trường tư thục để về nước khôi phục nền độc lập cho dân tộc. Tháng 8 - 1908, thực dân Pháp thương lượng với Chính phủ Nhật trục xuất những du học sinh Việt Nam khỏi Nhật Bản. Đến năm 1908, Phan Bội Châu tham gia thành lập Đông Á đồng minh và Điền - Quế - Việt liên minh để hợp sức chống đế quốc.

- + 1909 - 1925: Tiếp xúc với nhiều người yêu nước Trung Quốc; thành lập và triển khai các hoạt động của Việt Nam Quang phục hội; tham gia sáng lập Chấn Hoa Hưng Á; liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài nhằm tranh thủ sự giúp đỡ cho phong trào chống Pháp ở Việt Nam.

*** Nhà yêu nước Phan Châu Trinh:**

- Mục tiêu: Vận động cải cách cho Việt Nam.

- Địa điểm: Chủ yếu diễn ra ở Pháp.

- Hoạt động nổi bật:

- + 1906: Gửi thư đề nghị Toàn quyền Đông Dương cải cách chế độ cai trị, mở mang kinh tế, giáo dục đối với nhân dân Việt Nam.

- + 1911 - 1925: Hoạt động tại Pháp, tiếp xúc với các lực lượng cấp tiến ở đây, gửi kiến nghị, lên án chính sách cai trị ở Đông Dương của Pháp; viết sách báo, tổ chức diễn thuyết để thức tỉnh tinh thần dân tộc.

*** Nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc:**

- Mục tiêu: Tìm kiếm con đường cứu nước mới cho cách mạng Việt Nam đồng thời tìm kiếm sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế, đặt nền móng cho quan hệ đối ngoại của Việt Nam với thế giới trong thời kì hiện đại.

- Địa điểm: Chủ yếu diễn ra ở Pháp, Liên Xô và Trung Quốc.

Hoạt động nổi bật:

- + 1911 - 1922: Hoạt động đối ngoại nổi bật tại Pháp, đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

- Gặp gỡ tiếp xúc với các nhà hoạt động chính trị, văn hóa của Pháp và nhiều nước châu Âu.

- 1920, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba.

- 1921, tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.

- Tích cực xây dựng mối quan hệ gắn bó, đoàn kết giữa những người cộng sản với nhân dân lao động Pháp và nhân dân thuộc địa.

+ 1923 - 1930: Hoạt động đối ngoại nổi bật chủ yếu diễn ra ở Liên Xô và Trung Quốc.

Tại Liên Xô, tích cực tham gia các hội nghị, đại hội của Quốc tế Cộng sản. Qua đó, Nguyễn Ái Quốc giới thiệu và gắn kết cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

• Tại Trung Quốc, kết nối với lực lượng cách mạng ở Đông Nam Á và Trung Quốc; mở lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên yêu nước Việt Nam.

*** Nhận xét chung:**

- Hoạt động đối ngoại của những nhà yêu nước tiêu biểu đầu thế kỉ XX đều hướng đến mục tiêu chung là tìm kiếm và thử nghiệm những con đường mới, hướng đi mới để giải phóng dân tộc.

- Hoạt động đối ngoại thời kì này chủ yếu diễn ra ở Nhật Bản, Trung Quốc, Liên Xô, Pháp,... Hoạt động đối ngoại và tư tưởng cách mạng của những nhà yêu nước có tác động qua lại lẫn nhau.

- Hoạt động đối ngoại của những nhà yêu nước đầu XX có tác dụng thức tỉnh tinh thần dân tộc, cổ vũ khích lệ tinh thần đấu tranh của nhân dân.

1.2. Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 - 1945)

- Hoàn cảnh:

+ 2 - 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ 10 - 1930, lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương.

+ Mục tiêu: Phục vụ chủ yếu cho cuộc đấu tranh chống thực dân, chống phát xít, giành độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân, góp phần bảo vệ hòa bình an ninh thế giới.

- Hoạt động nổi bật:

+ 1930 - 1939: Tổ chức và lãnh đạo nhiều hoạt động ủng hộ Liên Xô, Trung Quốc..., ủng hộ phong trào cách mạng thế giới như: quyên góp cho các nạn nhân chiến tranh ở Trung Quốc, thành lập Tiểu ban vận động Hoa Kiều, giúp đỡ người Hoa tổ chức hội cứu quốc.

+ 1939-1945:

• Mở rộng quan hệ với lực lượng chống quân phiệt Nhật Bản ở Đông Nam Á bằng cách liên lạc với phong trào chống quân phiệt Nhật ở một số nước như: Thái Lan, Mã Lai,...

• Thông qua mặt trận Việt Minh, hoạt động đối ngoại của Đảng thể hiện rõ thái độ đứng về lực lượng Đồng minh chống lại phe phát xít.

• Đại diện mặt trận Việt Minh chủ động triển khai hoạt động đối ngoại với Trung Hoa Dân quốc và phái bộ của Mỹ ở phía Nam Trung Quốc để phối hợp chống quân phiệt Nhật Bản. Đại diện mặt trận Việt Minh và Hồ Chí Minh triển khai hoạt động đối ngoại với người Mỹ để tìm kiếm một giải pháp cho vấn đề Đông Dương.

- Nhận xét:

+ Hoạt động đối ngoại giai đoạn này được thực hiện chủ yếu thông qua các tổ chức chính trị như Đảng Cộng sản Đông Dương hay mặt trận Việt Minh.

+ Mục tiêu thực hiện các hoạt động đối ngoại giai đoạn này vẫn hướng tới để giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức, nô lệ của chủ nghĩa thực dân và phát xít.

+ Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện rõ ràng tinh thần đoàn kết quốc tế.

2. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

- Hoàn cảnh:

+ Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, trật tự hai cực I-an-ta hình thành với đặc trưng phân tuyến triệt để giữa hai siêu cường Mỹ - Xô đại diện cho hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

+ Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời nhưng ở trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”

+ 23 - 09 - 1945, thực dân Pháp tiến hành chiến tranh nhằm tái chiếm Việt Nam. Từ 9. 1945 đến 7 - 1954, Việt Nam tiếp tục cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược lần 2

+ Nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động đối ngoại giai đoạn này là phục vụ cho kháng chiến, bảo vệ độc lập dân tộc và thành quả của Cách mạng tháng Tám.

Hoạt động nổi bật:

+ Từ tháng 9 - 1945 đến tháng 12-1946:

Chính phủ Việt Nam gửi thư, công hàm đề nghị Liên hợp quốc và các nước lớn công nhận Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhằm khẳng định tính hợp pháp của Nhà nước này.

- Trước 6 - 3 - 1946, hòa hoãn với Trung Hoa Dân Quốc để tập trung chữa mũi nhọn đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược

- Từ sau 6 - 3 - 1946, chủ trương “Hòa để tiến”, kí Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước với thực dân Pháp để có thêm thời gian hòa bình, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

+ Từ sau ngày 19 - 12 - 1946:

- Việt Nam thể hiện thiện chí hòa bình, mong muốn Chính phủ Pháp mở các cuộc thương lượng, kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân Pháp chống chiến tranh.

- Mở các cơ quan đại diện ngoại giao ở một số nước châu Á, lập các cơ quan thông tin ở một số nước trên thế giới.

- 1950, thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa như Trung Quốc, Liên Xô, Triều Tiên và các nước Đông Âu,...

- 1951, củng cố tinh thần đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc Đông Dương qua Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào.

- 1954: Việt Nam tham dự Hội nghị và kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ bàn về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đây là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ba nước Đông Dương.

- Nhận xét:

+ Chủ thể thực hiện các hoạt động ngoại giao trong giai đoạn này là Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

+ Các hoạt động ngoại giao nhằm phục vụ cho mục tiêu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.

+ Hoạt động đối ngoại được thực hiện linh hoạt, mềm dẻo trong sách lược, cứng rắn về mặt nguyên tắc.

+ Hoạt động đối ngoại đã giúp Việt Nam phá được thế bao vây, được nhiều quốc gia công nhận

và nhận được sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

3. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)

- Hoàn cảnh:

+ Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954) được kí kết, Việt Nam bị chia cắt thành hai miền Nam Bắc. Miền Bắc được giải phóng bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Miền Nam tiếp tục sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chống Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm.

+ Nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động đối ngoại giai đoạn này tập trung chủ yếu phục vụ sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Hoạt động nổi bật:

+ 1954-1964:

- Đấu tranh yêu cầu thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ, yêu cầu chính quyền Sài Gòn mở hội nghị hiệp thương về việc tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước theo điều khoản đã kí kết

- Củng cố, mở rộng mối quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa. Biểu hiện là khéo léo cân bằng quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc; tiến hành các chuyến viếng thăm cấp cao đến nhiều nước xã hội chủ nghĩa; vận động các nước xã hội chủ nghĩa viện trợ cho cách mạng Việt Nam

- Thắt chặt tinh thần đoàn kết của ba dân tộc Đông Dương, tích cực ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

+ 1965 - 1975:

- Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại ở giai đoạn trước như: củng cố tinh thần đoàn kết của ba dân tộc Đông Dương; tăng cường mối quan hệ và sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

- Bên cạnh đó, hoạt động đối ngoại còn hướng đến triển khai các nhiệm vụ khác như: nêu cao tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến; tố cáo tội ác của Mỹ và tay sai; thúc đẩy hình thành phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam của nhân dân Mỹ và thế giới.

- Đàm phán, kí kết Hiệp định Pa-ri nhằm chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (1973)

- Mở rộng quan hệ ngoại giao với các quốc gia dân tộc trên thế giới. Năm 1973, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 20 quốc gia trên thế giới như Nhật Bản, Anh, Pháp,...

- Nhận xét:

+ Chủ thể chính thực hiện hoạt động đối ngoại giai đoạn này vẫn là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau này có thêm Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam phối hợp

+ Hoạt động đối ngoại giai đoạn này hướng tới phục vụ sự nghiệp kháng chiến của cả dân tộc. Qua đó góp phần quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam đến thắng lợi hoàn toàn.

+ Hoạt động đối ngoại được thực hiện chủ động, tích cực. Đối tượng thực hiện các hoạt động ngoại giao với Việt Nam được mở rộng. Ngoài những đối tượng cũ như: các nước xã hội chủ nghĩa, Mỹ, các nước Đông Dương,... còn mở rộng với nhiều quốc gia dân tộc khác trên thế giới (Nhật, Úc, Nê-pan,...)

4. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 - 1985

- **Hoàn cảnh:** + Thập niên 70 và 80 của thế kỉ XX, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, đầy biến động có tính bước ngoặt về chính trị, kinh tế, quan hệ quốc tế. Các quốc gia đặc biệt là các nước lớn đều

nhau chóng điều chỉnh chính sách đối ngoại trong hoàn cảnh mới.

+ Năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, hai miền Nam Bắc thống nhất trở lại. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản thì Việt Nam đối mặt với không ít khó khăn thử thách như: nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề, Mỹ bao vây cấm vận, tình hình biên giới phía Bắc và Tây Nam bất ổn

+ Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã điều chỉnh chính sách đối ngoại nhằm tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

-Hoạt động nổi bật:

+ Hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô:

- 10 - 1975, Tổng bí thư Lê Duẩn thăm chính thức Liên Xô. Hai bên ký kết các hiệp định với nội dung nổi bật là Liên Xô sẽ hỗ trợ Việt Nam xây dựng một số công trình lớn như Nhà máy thủy điện Hòa Bình, Nhà máy xi măng Bỉm Sơn,...
- 1978, Việt Nam trở thành thành viên của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).
- Với Trung Quốc, chủ động đàm phán để giải quyết các xung đột, khôi phục quan hệ láng giềng hữu nghị nhưng kiên quyết bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia.

+ Thúc đẩy quan hệ với các nước Đông Nam Á:

- củng cố quan hệ hữu nghị với Lào và Cam-pu-chia. Năm 1977, hai nước ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác. Năm 1979, Việt Nam giúp đỡ nhân dân Cam-pu-chia chống lại chế độ diệt chủng Khơ-me Đỏ.
- Thúc đẩy đối thoại với ASEAN, từng bước thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước thành viên của tổ chức này.

+ Thiết lập quan hệ đối ngoại với các tổ chức quốc tế và các nước khác:

- Đến năm 1979, Việt Nam đã tham gia 33 tổ chức và 19 điều ước quốc tế.
- Năm 1977, Việt Nam là thành viên chính thức của Liên hợp quốc.
- Bước đầu xúc tiến đàm phán, tiến tới bình thường hóa quan hệ với Mỹ.

- Nhận xét:

+ Hoạt động đối ngoại giai đoạn này chủ yếu được thực hiện trong bối cảnh đất nước có hòa bình.

+ Chủ thể chính thi hiện các hoạt động đối ngoại là các cơ quan, tổ chức của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Hoạt động đối ngoại được mở rộng với nhiều quốc gia, dân tộc trên nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

+ Mọi quan hệ đối ngoại với các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc vẫn giữ vai trò, vị trí quan trọng trong hoạt động ngoại giao của Việt Nam giai đoạn này.

5. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ 1986 đến nay

- Hoàn cảnh:

+ Từ cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, tình hình thế giới và khu vực có nhiều chuyển biến lớn lao. Chiến tranh lạnh chấm dứt; Liên Xô tan rã kéo theo trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ (1991). Cùng với

đó, cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển như vũ bão đưa đến một xu thế tất yếu khách quan không thể đảo ngược là xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa diễn ra mạnh mẽ.

+ Ở trong nước, sau một thời gian dài khủng hoảng nghiêm trọng, tháng 12 - 1986, Đảng quyết định tiến hành Đổi mới đất nước.

+ Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã triển khai các hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế và nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế, đóng góp vào công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

- Hoạt động nổi bật:

- + Phá thế bao vây, cấm vận, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng.
 - Tích cực tìm kiếm giải pháp chính trị để giải quyết vấn đề Cam-pu-chia.
 - Bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (1991), Mỹ (1995).
 - Gia nhập tổ chức ASEAN (1995).
- +Củng cố quan hệ với các đối tác truyền thống, mở rộng quan hệ đối ngoại với các đối tác
- Củng cố, phát triển quan hệ hữu nghị với Lào, Cam-pu-chia và Cu-ba.
 - Đẩy mạnh hợp tác, nâng tầm đối tác chiến lược với các nước lớn như: Trung Quốc, Mỹ Liên bang Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc.
 - Việt Nam - Nhật Bản nâng tầm quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng .
- + Tích cực, chủ động hội nhập khu vực và thế giới.
 - 2022, Việt Nam là thành viên của 63 tổ chức và diễn đàn khu vực.
 - Là thành viên có trách nhiệm của nhiều tổ chức lớn như WTO, ASEAN.
- + Triển khai các hoạt động đối ngoại nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải và biển đảo của Tổ quốc.
- + Tích cực hợp tác nhằm bảo vệ môi trường, giao lưu văn hóa và hỗ trợ nhân đạo.

- Nhận xét:

- + Chủ thể chính thiện hiện các hoạt động đối ngoại là các cơ quan, tổ chức của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- + Hoạt động đối ngoại giai đoạn này được thực hiện trong bối cảnh đất nước có hòa bình và gắn liền với công cuộc Đổi mới.
- + Hoạt động đối ngoại từ 1986 đến nay nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế, nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế.
- +Các hoạt động đối ngoại được thực hiện sôi động, toàn diện, chủ động, tích cực, linh hoạt mềm dẻo trong tình hình mới nhưng rất kiên định về nguyên tắc cho thấy sự lớn mạnh, trưởng thành về đường lối đối ngoại của dân tộc Việt Nam.

CÂU HỎI VẬN DỤNG • Tra ID đề – [433205]

HSA 01 [559230]: Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu những năm đầu thế kỉ XX nhằm mục đích gì?

- A.** Tìm kiếm sự giúp đỡ bên ngoài để chống thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc.
- B.** Cầu viện sự giúp đỡ bên ngoài, chống phong kiến tay sai, giành tự do nhân dân.
- C.** Vận động cải cách kinh tế - xã hội, giúp Việt Nam vượt qua thời kì khủng hoảng.
- D.** Tìm kiếm con đường cứu nước mới cho dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

HSA 02 [559231]: Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu đầu thế kỉ XX chủ yếu diễn ra ở đâu?

- A. Nhật Bản. B. Pháp. C. Anh. D. Mỹ.

HSA 03 [559232]: Đưa gần 200 học sinh Việt Nam bí mật xuất dương sang Nhật Bản du học là hoạt động của phong trào yêu nước nào?

- A. Hội Duy tân. B. Việt Nam Quang phục hội
C. Phong trào Đông du. D. Đông kinh nghĩa thực

HSA 04 [559233]: Phan Bội Châu chủ trương giải phóng dân tộc bằng con đường nào?

- A. Vận động cải cách kinh tế, xã hội.
B. Duy tân để phát triển đất nước
C. Bạo lực để giành độc lập dân tộc.
D. Đấu tranh chính trị

HSA 05 [559234]: Người cộng sản Việt Nam đầu tiên là

- A. Phan Bội Châu B. Phan Châu
Trình
C. Tôn Thất Thuyết. D. Nguyễn Ái Quốc

HSA 06 [559235]: Điểm giống nhau trong hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX là gì?

- A. Đều có những hoạt động đối ngoại nổi bật tại Pháp.
B. Đều nhằm mục đích cầu viện Pháp để giải phóng dân tộc.
C. Đều nhằm mục đích vận động cải cách cho Việt Nam.
D. Đều xác định sử dụng bạo lực cách mạng để giải phóng dân tộc.

HSA 07 [559236]: Nhận xét nào đúng về Hội Liên hiệp thuộc địa do Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập năm 1921?

- A. Đây là một tổ chức cách mạng của các nước xã hội chủ nghĩa.
B. Đây là một tổ chức kinh tế - chính trị của các nước tư bản chủ nghĩa.
C. Đây là một hình thức liên minh của các dân tộc bị áp bức.
D. Đây là một hình thức liên minh của các dân tộc mới giành độc lập.

HSA 08 [559237]: Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1930 - 1945 được thực hiện chủ yếu qua chủ thể nào?

- A. Nguyễn Ái Quốc. B. Đảng Cộng sản Đông Dương
C. Đảng Lao động Việt Nam. D. Mặt trận Việt Minh

HSA 09 [559238]: Hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954 có nhiệm vụ trọng tâm là

- A. phục vụ kháng chiến. B. phục vụ sự nghiệp đổi mới
C. phục vụ chi viện miền Nam. D. phục vụ bạn bè quốc tế

HSA 10 [559239]: Chủ trương "Hòa để tiến" của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa **không** có ý nghĩa nào đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)?

- A. Gạt 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc về nước.
B. Thể hiện thiện chí hòa bình của nhân dân Việt Nam.
C. Tranh thủ thời gian hòa hoãn để chuẩn bị lực lượng.
D. Phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp.

HSA 11 [559240]: Hoạt động đối ngoại nào của Việt Nam buộc Pháp phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương?

- A. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).
- B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc (1950).
- C. Kí Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954).
- D. Phát động toàn quốc kháng chiến chống Pháp (1946).

HSA 12 [559241]: **Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời câu hỏi sau đây:**

“Nhân dân Việt Nam sẵn sàng hợp tác với Liên hợp quốc trong việc xây dựng nền hòa bị thế giới vững bền, và vì đã chịu những đau thương quá dữ dội dưới sự thống trị trực tiếp của người Pháp và còn khốc liệt hơn nữa kể từ cuộc mặc cả giữa Pháp và Nhật vào năm 1941. kiên quyết không bao giờ cho phép người Pháp trở lại Đông Dương”.

(Hồ Chí Minh, Thư gửi Tổng thống Mỹ Tru - man, trích trong Nguyễn Anh Minh, Hồ Chí Minh với những bức thư mong muốn hòa bình cho Việt Nam, N Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.

Đoạn thông tin trên phản ánh nội dung chính gì?

- A. Việt Nam luôn sẵn sàng nhân nhượng để thế giới hòa bình ổn định.
- B. Việt Nam mong muốn hòa bình và kiên quyết để bảo vệ hòa bình đó.
- C. Việt Nam quyết tâm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước.
- D. Việt Nam là đối tác chiến lược của Liên hợp quốc.

HSA 13 [559242]: Nội dung nào **không phải** là điểm giống nhau trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1954 - 1964 so với giai đoạn 1965 - 1975?

- A. Tăng cường tình đoàn kết ba dân tộc Đông Dương.
- B. Phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam.
- C. Mở rộng quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Chống lại hành động phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ của Mỹ - Diệm.

HSA 14 [559243]: Hoạt động đối ngoại nào của Việt Nam buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A. Chiến thắng Điện Biên Phủ trên không (1972).
- B. Kí Tuyên bố chung (1960).
- C. Kí Hiệp định Pa-ri (1973).
- D. Gia nhập Liên hợp quốc (1977).

HSA 15 [559244]: Ngoại giao chính thức được coi là một mặt trận trong giai đoạn nào?

- A. Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954).
- B. Kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).
- C. Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.
- D. Xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975 - 1986).

HSA 16 [559245]: Việt Nam tích cực thiết lập, mở rộng quan hệ và hợp tác với nhiều nước trên thế giới trên cơ sở

- A. tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng.
- B. cởi mở, chia sẻ công việc nội bộ.
- C. tôn trọng tương đối biên giới lãnh thổ.

D. ưu tiên phát triển văn hóa nhân loại.

HSA 17 [559246]: Hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1975 - 1985 có nhiệm vụ chính là gì?

- A. Phục vụ công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- B. Phục vụ công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- C. Phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- D. Phục vụ công cuộc Đổi mới đất nước.

HSA 18 [559247]: Nội dung nào **không phải** là hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1975-1985?

- A. Hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Tiến hành Đổi mới đất nước.
- C. Thúc đẩy quan hệ với các nước Đông Nam Á.
- D. Thiết lập quan hệ với các tổ chức quốc tế.

HSA 19 [559248]: Trong giai đoạn 1975 - 1985, Việt Nam **không** có chủ trương đối ngoại nào với Trung Quốc?

- A. Khôi phục quan hệ hữu nghị giữa hai nước.
- B. Đàm phán giải quyết xung đột biên giới.
- C. Kiên quyết bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia.
- D. Nhận viện trợ quân sự - kinh tế của Trung Quốc.

HSA 20 [559249]: Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời Câu hỏi sau đây:

“Với chính sách đối ngoại mở rộng, chúng ta tuyên bố rằng: Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”.

(*Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, tr47*)

Nội dung đoạn trích trên phản ánh chính sách đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn nào?

- A. Giai đoạn 1930 - 1945.
- B. Giai đoạn 1945 - 1954.
- C. Giai đoạn 1975 - 1985.
- D. Giai đoạn 1986 đến nay.

HSA 21 [559250]: “Chính sách bốn điểm” của Việt Nam năm 1976 có ý nghĩa như thế nào trong hoạt động đối ngoại?

- A. Cơ sở thiết lập và phát triển quan hệ đối thoại với Đông Nam Á.
- B. Cơ sở củng cố và duy trì quan hệ hợp tác với các nước Đông Nam Á.
- C. Cơ sở thiết lập và phát triển quan hệ đối thoại với Trung Quốc.
- D. Cơ sở củng cố và duy trì quan hệ hợp tác với Trung Quốc.

HSA 22 [559251]: Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ 1986 cho đến nay có nhiệm vụ chính là gì

- A. Phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế và nâng cao vị thế của đất nước.
- B. Phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- C. Phục vụ cuộc kháng chiến, kiến quốc.
- D. Phục vụ tham vọng bá chủ thế giới.

HSA 23 [559252]: Năm 1994, Việt Nam đã đạt được thành tựu nào trên lĩnh vực đối ngoại

- A. Bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc.
- B. Phá bỏ cấm vận của Hoa Kỳ.

- C. Gia nhập tổ chức Liên hợp quốc.
- D. Gia nhập tổ chức ASEAN.

HSA 24 [559253]: Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời câu hỏi sau đây:

“Nền ngoại giao Việt Nam hiện đại mang hồn dân tộc, rất kiên định về nguyên tắc ứng xử tinh tế và linh hoạt; phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với các mặt trận quân sự, chính trị và các ngành khác, kết hợp thế và lực góp phần xoay chuyển tình thế từ yếu thành mạnh; gắn lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp, dân tộc với quốc tế, dân tộc với thời đại; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại thành sức mạnh tổng hợp”.

(Nguyễn Đình Bin, *Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000*, tr:18)

“Kiên định về nguyên tắc” được nhắc đến trong đoạn thông tin trên được hiểu như thế nào?

- A. Kiên quyết giữ vững độc lập dân tộc và chủ quyền biên giới quốc gia.
- B. Kiên quyết sử dụng bạo lực cách mạng chống giặc ngoại xâm.
- C. Kiên quyết không tiếp thu văn hóa ngoại lai bên ngoài.
- D. Kiên quyết không mở rộng quan hệ đối ngoại với các nước tư bản.

HSA 25 [559254]: Việt Nam trở thành Ủy viên **không** thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kì 2008 - 2009 và 2020 - 2021 đã chứng minh điều gì?

- A. Việt Nam là thành viên của Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
- B. Việt Nam nâng cao được vị thế, được cộng đồng quốc tế tín nhiệm, tin tưởng.
- C. Việt Nam trở thành cường quốc kinh tế - chính trị trên trường quốc tế.
- D. Việt Nam nỗ lực cải thiện quan hệ với các nước trong tổ chức ASEAN.

HSA 26 [559255]: Nội dung nào **không phải** là hoàn cảnh thế giới tác động đến hoạt động đ ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay?

- A. Chiến tranh lạnh kết thúc.
- B. Trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ
- C. Xu thế khu vực hóa.
- D. Khủng hoảng năng lượng.

HSA 27 [559256]: SEV là tên viết tắt của

- A. tổ chức Liên hợp quốc.
- B. hội đồng tương trợ kinh tế
- C. tổ chức phòng thủ Vác-sa-va.
- D. hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 28 đến 30.

“Đầu năm 1905, Phan Bội Châu vượt biển qua Nhật Bản “cầu viện”. Việc không thành, Cụ Phan Bội Châu lập tức chuyển thành “cầu học” và kịp thời phát động phong trào tuyển chọn thanh niên yêu nước qua Nhật Bản học tập, đào tạo nhân tài để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước “Việt Nam mới” văn minh và tiến bộ. Ban đầu Phan Bội Châu đưa ba thanh niên là: Nguyễn Thức Canh, Nguyễn Điền, Lê Khiết sang, tiếp đó là đoàn năm người trong số đó có hai anh em Lương Ngọc Quyến và Lương Nghị Khanh (là con cụ Lương Văn Can). Năm 1906, Cường Để (hội chủ Duy Tân Hội) cũng bí mật sang Nhật được bố trí học ở trường Trần Võ. Phong trào này được gọi là phong trào Đông Du. Lực lượng nòng cốt phong trào là Duy Tân hội (do Phan Bội Châu và hơn 20 đồng chí khác thành lập năm 1904, chủ trương đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam) và Phan Bội Châu thực hiện. Những hoạt động yêu nước của phong trào đầy sôi nổi và khí thế từ năm 1905 đến năm 1908.

(<https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3097/14624/phong-trao-djong-du-1905-1908-mot-hinh->

HSA 28 [559257]: Phan Bội Châu xác định đồng minh là

- A. Thực dân Pháp.
- B. Nhật Bản.
- C. Đồng du.
- D. Duy tân.

HSA 29 [559258]: Phong trào Đông Du diễn ra nhằm mục đích gì?

- A. Đào tạo nhân tài, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.
- B. Đào tạo nhân tài, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh chống phong kiến.
- C. Đào tạo nhân tài, chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. Đào tạo nhân tài, chuẩn bị thành lập Việt Nam Quang phục hội.

HSA 30 [559259]: Lực lượng nòng cốt của phong trào Đông du là gì?

- A. Việt Nam Quang phục hội.
- B. Duy tân hội.
- C. Đông Kinh Nghĩa Thục.
- D. Tâm Tâm xã

CHỦ ĐỀ 6:

HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

1.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp Hồ Chí Minh

- Hoàn cảnh đất nước:

+ Năm 1884, thực dân Pháp hoàn thành xong quá trình xâm lược Việt Nam. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, các tầng lớp, giai cấp trong xã hội Việt Nam không chỉ bị bóc lột về kinh tế mà còn chịu nỗi nhục của một dân tộc mất nước. Độc lập tự do là khát vọng chung của cả dân tộc. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt lên hàng đầu.

+ Từ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, phong trào yêu nước theo ngọn cờ phong kiến hay dân chủ tư sản đều lần lượt thất bại. Con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam lâm vào khủng hoảng, bế tắc.

+ Thực tiễn lịch sử đặt ra yêu cầu cho những người Việt Nam yêu nước, trong đó có Hồ Chí Minh là cần tìm kiếm một con đường cứu nước mới, đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi cuối cùng.

- Hoàn cảnh quê hương:

+ Hồ Chí Minh quê ở xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An - một vùng đất có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt.

+ Nghệ An cũng là nơi có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời, khởi nguồn của nhiều phong trào yêu nước cũng như sản sinh ra nhiều anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa và các nhà khoa bảng nổi tiếng (Hồ Xuân Hương, Phan Bội Châu,...).

+ Đầu thế kỉ XX, cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đưa đến những chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế - xã hội ở Nghệ An. Từ đó tạo điều kiện cho thanh niên, trí thức và công nhân tại đây có điều kiện tiếp thu những luồng tư tưởng mới của thời đại.

- Hoàn cảnh gia đình:

+ Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước.

+ Cha là Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - một nhà Nho mẫu mực.

+ Mẹ là bà Hoàng Thị Loan - một người phụ nữ đảm đang, nhân hậu, am hiểu các loại hình văn hóa dân gian.

+ Cuộc sống gia đình đã giúp Hồ Chí Minh sớm hình thành nhân cách tốt đẹp và có sự đồng cảm với nhân dân lao động.

→ Sinh thành trong bối cảnh đất nước mất độc lập, tiếp thu và thừa hưởng những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quê hương và gia đình, Hồ Chí Minh đã sớm ý thức được trách nhiệm của mình với đất nước.

1.2. Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

- *Thuở niên thiếu và những hoạt động đầu tiên (1890 - 1911):*

+ Hồ Chí Minh (lúc nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung), sinh ngày 19 - 5 - 1890 tại quê ngoại ở làng Hoàng Trù. Trước 5 tuổi, Nguyễn Sinh Cung có tuổi thơ gắn bó với quê nội - làng Sen (Kim Liên - Nam Đàn - Nghệ An).

+ 1895, Nguyễn Sinh Cung theo cha mẹ vào Huế sinh sống.

+ 1901, Nguyễn Sinh Cung về quê, lấy tên mới là Nguyễn Tất Thành, học tại Trường Tiểu học Pháp - Việt (Vinh).

+ 1906, Nguyễn Tất Thành lại theo cha vào Huế, học Trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba rồi tiếp đó là Trường Quốc học Huế, ...

+ 1908, Nguyễn Tất Thành tham gia phong trào chống sưu thuế.

+ Từ năm 1909, Nguyễn Tất Thành đến nhiều tỉnh phía Nam như Bình Định (hoàn thành bậc Tiểu học Trường Pháp - Việt Quy Nhơn), Phan Thiết (dạy học ở trường Dục Thanh) sau đó đến Sài Gòn.

+ 05 - 06 - 1911, Nguyễn Tất Thành lấy tên Văn Ba, rời bến cảng Nhà Rồng, bắt đầu hành trình tìm đường cứu nước.

- *Những năm tháng hoạt động ở nước ngoài (1911 - 1941):*

+ 1911 - 1917, Nguyễn Tất Thành đi qua nhiều quốc gia ở nhiều châu lục trên thế giới để tìm hiểu về cuộc sống của nhân dân lao động.

+ 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại hoạt động tại Pháp.

+ 1919, Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, gửi đến Hội nghị Véc-xai bản Yêu sách của nhân dân An Nam. Đây là đòn đánh trực diện của Nguyễn Ái Quốc vào chủ nghĩa đế quốc, gây tiếng vang lớn.

+ 7 - 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin. Sự kiện này đánh dấu mốc kết thúc hành trình cứu nước, xác định con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản.

+ 12 - 1920, tại Đại hội Tua, Người đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Nguyễn Ái Quốc đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản.

+ 1921 - 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động Pháp. Người tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa, làm chủ bút tờ Người cùng khổ,... góp phần gắn kết cách mạng Việt Nam với cách mạng ở các nước thuộc địa Pháp.

+ 1923 - 1923: Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Liên Xô. Tại đây Người tham dự nhiều Đại hội, Hội nghị quốc tế, viết bài đăng cho nhiều tờ báo,... Những hoạt động đó góp phần xây dựng và truyền bá lý luận cách mạng giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản.

+ 11 - 1924 đến giữa năm 1927, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô sang Quảng Châu (Trung Quốc), thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (1925), xuất bản báo Thanh niên là cơ quan ngôn luận của tổ chức, góp phần truyền bá lý luận giải phóng dân tộc và chuẩn bị chức tiến tới thành lập

Đảng Cộng sản.

+ Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam . Soạn thảo ra Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Sự ra đời của Đảng chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam.

+ 1 - 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- *Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941 - 1969):*

+ 5 - 1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ VIII, tham gia sáng lập Việt Nam Độc lập đồng minh - một hình thức mặt trận của riêng dân tộc Việt Nam.

+ 8 - 1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh, sang Trung Quốc tìm kiếm sự liên minh quốc tế. 9 - 1944, Người về nước tiếp tục lãnh đạo cách mạng; ra chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (12 - 1944).

+ 8 - 1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi..

+ 2 - 9 - 1945, Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Cộng hòa + 9 - 1945 đến 12 - 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chính quyền, chống thù trong giặc ngoài.

+ 12 - 1946 đến 7 - 1954, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2 - 195)

+ 7 - 1954 đến 9 - 1969, Hồ Chí Minh Đại hội đại biểu lần **thứ III** của Đảng Lao động Việt Nam (9 - 1960), lãnh đạo công cuộc xây dựng cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cuộc kháng chiến chống Mỹ tiến tới thống nhất nước nhà.

+ 2 - 9 - 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời tại Hà Nội.

2. Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc

2.1. Hành trình tìm đường cứu nước (1911 - 1920)

- 1911, Nguyễn Tất Thành (Văn Ba), rời Sài Gòn bắt đầu hành trình tìm đường cứu nước Người đi qua nhiều châu lục, ghé thăm nhiều quốc gia, vừa lao động kiếm sống, vừa học tập tìm hiểu. Thực tiễn đó giúp Người rút ra kết luận quan trọng: “Ở đâu chủ nghĩa thực dân đ quốc cũng tàn bạo, ở đâu nhân dân lao động cũng bị áp bức cùng cực”.

- Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp, tích cực hoạt động trong tổ chức Hội những người Việt Nam yêu nước.

- 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Véc-xai bản Yêu sách của nhân dân An Nam đòi các quyền lợi cho dân tộc nhưng không được chấp nhận. Sự kiện này giúp Nguyễn Ái Quốc rút ra một kết luận khác: “Muốn giải phóng dân tộc phải đem sức ta mà tự giải phóng ta”.

- 7 - 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin . Luận cương giúp người tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn. Muốn giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản, gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp , độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội

- 12 - 1920, tại Đại hội lần thứ VIII của Đảng Xã hội Pháp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu Nguyễn Ái Quốc đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản, trở thành người *cộng sản* đầu tiên của Việt Nam.

- Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước năm 1920 đã bước đầu giải quyết cuộc khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc; mở đầu quá trình chuẩn bị vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đồng thời tiến tới gần phong trào cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

2.2. Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam

- Chuẩn bị về tư tưởng chính trị:

+ Trong thập niên 20 của XX, Nguyễn Ái Quốc tích cực truyền bá “Lý luận cách mạng giải phóng dân tộc” về nước để chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng. Nội dung đó được thể hiện các bài viết đăng trên các báo như: báo Người cùng khổ, báo Nhân đạo, báo Đời sống công nhân, báo Sự thật, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí thư tín quốc tế, báo Thanh niên,... Ngoài ra, Người còn trình bày nhiều bản tham luận tại Hội nghị quốc tế nông dân hay Đại hội của Quốc tế Cộng sản. Đặc biệt, Nguyễn Ái Quốc còn xuất bản tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp (1925) và Đường Kách Mịch (1927). Qua đó, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, thức tỉnh tinh thần yêu nước của nhân dân.

+ Những tài liệu trên là ngọn đuốc soi đường cho lớp thanh niên yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX, là ngọn cờ hướng đạo cho phong trào cách mạng Việt Nam trong thời kì thành lập Đảng, cũng là sự chuẩn bị về mặt tư tưởng chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này.

- Chuẩn bị về tổ chức:

+ 21 - 6 - 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu, Trung Quốc, ra báo Thanh niên là cơ quan ngôn luận Hội. Đây là tổ chức cách mạng đi theo khuynh hướng vô sản đầu tiên của Việt Nam.

+ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp mở các lớp đào tạo huấn luyện cán bộ cách mạng. Họ được học làm cách mạng, học hoạt động bí mật sau đó về nước truyền bá sâu rộng lí luận giải phóng dân tộc đến các tổ chức và nhân dân.

+ Hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã thúc đẩy phong trào công nhân, phong trào yêu nước, đưa đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929 lần lượt là: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Đó là sự chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- Năm 1929, ba tổ chức cộng sản ra đời nhưng hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, đưa đến nguy cơ chia rẽ của cách mạng Việt Nam.

- Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản từ ngày 6 - 1 - 1930 đến ngày 7 - 2 - 1930 tại Cửu Long, Hương Cảng, Trung Quốc.

- Hội nghị đã thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Thông qua các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo (Chính Cương văn tắt, Sách lược văn tắt,...). Đây được xem là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng - một cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn sáng tạo với tư tưởng cốt lõi là độc lập và tự do.

c) Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp mấy thập kỉ; là sản phẩm kết hợp của ba nhân tố cấu thành bao gồm: chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

- Đảng ra đời chấm dứt hoàn toàn cuộc khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt

Nam, chứng tỏ giai cấp công nhân đã trưởng thành, phong trào công nhân thực sự trở thành một phong trào tự giác.

+ Từ đây, cách mạng Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Đảng ra đời là bước ngoặt vĩ đại, là sự chuẩn bị tất yếu có tính quyết định cho những thắng lợi sau này của cách mạng Việt Nam.

2.3. Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (1941)

- Hoàn cảnh:

+ Thế giới: Đến năm 1941, chiến tranh thế giới thứ hai đã bước sang năm thứ ba, cục diện chiến tranh đang diễn ra quyết liệt ở cả châu Âu và châu Á.

+ Trong nước: Đảng Cộng sản Đông Dương kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Phong trào cách mạng đã bùng nổ và phát triển mạnh mẽ tiêu biểu như khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ và binh biến Đô Lương nhưng nhanh chóng thất bại.

+ Cục diện thế giới và trong nước đòi hỏi sự chỉ đạo sát sao và nhạy bén hơn nữa của Đảng. Trước yêu cầu cấp bách, 28 - 01 - 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

+ Người ở tại Pác Pó, Cao Bằng, triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8.

Nội dung: Hội nghị nhất trí với các nội dung sau

+ Xác định nhiệm vụ trước mắt và chủ yếu là giải phóng dân tộc.

+ Xác định hình thái và phương pháp giành chính quyền là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa, nhận mạnh chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân

+ Chủ trương thành lập mỗi nước Đông Dương một hình thức mặt trận riêng, ở Việt Nam lấy tên là Việt Nam Độc lập Đồng minh (Việt Minh).

+ Vấn đề chính quyền, chủ trương thành lập chính phủ Dân chủ Cộng hòa

- Ý nghĩa: Hội nghị lần thứ 8 của Đảng đã hoàn chỉnh đường lối chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng, khắc phục hạn chế của Luận cương, ghi nhận sự trở về với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

b) Chuẩn bị về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cho Cách mạng tháng Tám năm 1945

- Lực lượng chính trị: Thành lập mặt trận Việt Minh (5 - 1941), nhằm tập hợp và đoàn kết nhân dân thực hiện hai điều mà đồng bào mong ước đó là độc lập và hưởng sung sướng tự do. Mặt trận Việt Minh đã xây dựng được lực lượng chính trị hùng hậu thông qua các Hội cứu quốc, đây là lực lượng đóng vai trò nòng cốt, quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Lực lượng vũ trang: 22 - 12 - 1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập theo chỉ thị của Hồ Chí Minh. Đến tháng 5 - 1945 hợp nhất với Việt Nam Cứu quốc quân thành Việt Nam Giải phóng quân. Đây là lực lượng xung kích, hỗ trợ cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công năm 1945.

- Căn cứ địa cách mạng: Chọn Cao Bằng làm thí điểm xây dựng căn cứ địa cách mạng đầu tiên. Tháng 6 - 1945, Hồ Chí Minh ra chỉ thị thành lập Khu giải phóng Việt Bắc, chọn Tân Trào làm thủ đô của Khu giải phóng.

c) Trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

- Trước những thay đổi nhanh chóng của tình hình thế giới và trong nước, Hồ Chí Minh đã dự báo đúng tình hình và nắm bắt thời cơ ngàn năm có một để cùng Trung ương Đảng lãnh đạo Cách

mạng tháng Tám năm 1945.

- Ngày 14 và 15 - 8 - 1945, Hồ Chí Minh triệu tập và chủ trì Hội nghị toàn quốc của Đảng, thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.

- Ngày 16 và 17 - 8 - 1945, Hồ Chí Minh triệu tập và chủ trì Đại hội Quốc dân tại Tân Trào, tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, quyết định Quốc kì và Quốc ca Việt Nam, thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

- Hồ Chí Minh chính tay soạn thảo và đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

2.4. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ năm 1954 đến năm 1969

a) Hồ Chí Minh lãnh đạo kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)

* Giai đoạn 1945 - 1946:

- Ngay sau này Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam đứng trước tình thế hiểm nghèo “ngàn cân treo sợi tóc” (giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm). Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động chào lái đưa cách mạng Việt Nam vượt qua nhiều khó khăn, thử thách.

- + Giải quyết nạn đói: Kêu gọi “Nhường cơm sẻ áo” và “Tăng gia sản xuất”.

- + Giải quyết nạn dốt: Kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ.

- + Giải quyết khó khăn tài chính: Thành lập Quỹ Độc lập, gửi thư kêu gọi nhân dân hưởng ứng Tuần lễ vàng.

Đối phó với các thế lực ngoại xâm: Trước 6 - 3 - 1946, chủ trương hòa hoãn với Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc để tập trung chống thực dân Pháp ở miền Nam. Sau khi Hiệp ước Hoa - Pháp được kí kết, Người chủ trương khởi xướng và thực hiện sách lược “hòa để tiến”, kí kết với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và bản Tạm ước (14 - 9 - 1946) để có thêm thời gian hòa hoãn chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

* Giai đoạn 1946 - 1954:

- 19 - 12 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, chính thức ở - Người góp phần hoạch định đường lối, phương châm kháng chiến: toàn dân, toàn diện, phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

- Người góp phần hoạch định đường lối, phương châm kháng chiến: toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế

- Chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Lao động Việt Nam (2 - 1951) - Đại hội kháng chiến thắng lợi.

- Chỉ đạo nhiều chiến dịch quân sự quan trọng như: chiến dịch Việt Bắc năm 1947, chiến - Mở rộng hoạt động đối ngoại để tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế. dịch Biên giới năm 1950, chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954,...

b) Hồ Chí Minh lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chủ tịch Hồ Chí Minh có những đóng góp to lớn như:

- Lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc: Người chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ III (9 - 1960), đề ra đường lối đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất

nước nhà.

- Chỉ đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, xác định đường lối và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược:

+ Tháng 1 - 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, xác định phương hướng cho cách mạng miền Nam.

+ Người cùng Trung ương Đảng hoạch định đường lối chiến lược và sách lược cho cách mạng hai miền Nam - Bắc.

+ Người khẳng định và củng cố quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ thông qua những lá thư, gửi điện, đọc thơ chúc Tết đồng bào ta,...

- Là biểu tượng đoàn kết và có vai trò to lớn trong đấu tranh ngoại giao: Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện cho tiếng nói của nhân dân Việt Nam. Những hoạt động đối ngoại của Người góp phần tăng cường sự đoàn kết giữa các nước xã hội chủ nghĩa và tranh thủ được sự ủng hộ giúp đỡ của bạn bè quốc tế,...

3. Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam

3.1. Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới

- 1987, tổ chức UNESCO tôn vinh Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc và là nhà ghi nhận năm 1990 sẽ đánh dấu kỷ niệm 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Nghị quyết của UNESCO cũng kêu gọi các quốc gia tổ chức các hoạt động để tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh; thế giới: Lào, Phi-lip-pin, Ấn Độ, Pháp, Chi-le, Cu-ba,...

+ Tượng và đài tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh có mặt tại nhiều quốc gia thế giới trên thế giới: Lào, Phi-lip-pin, Ấn Độ, Pháp, Chi-le, Cu-ba,...

+ Tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt cho nhiều quảng trường, trường học, đường phố tại nhiều quốc gia đến từ nhiều châu lục.

+ Tại nhiều quốc gia nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh từng hoạt động đều có những công trình di tích tưởng niệm: Khách sạn Ca-tơn (Anh) - nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc và hoạt động năm 1913, Khu di tích Hồ Chí Minh tại Quảng Tây (Trung Quốc)...

- Thế giới vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh vì những lí do sau đây:

+ Công hiến trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

+ Đóng góp to lớn trên nhiều lĩnh vực khác như văn hóa, giáo dục, nghệ thuật.

Những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh là kết tinh của truyền thống văn hóa dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại.

3.2. Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam

- Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Anh hùng giải phóng dân tộc, là nhà văn hóa kiệt xuất. Mỗi người Việt Nam đều yêu quý, kính trọng và biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bảo tàng Hồ Chí Minh được xây dựng theo nguyện vọng của nhân dân, do Nhà nước quản lý. Ở các địa phương, nhân dân cũng lập đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh ở nhiều nơi.

- Năm 1976, đổi tên thành phố Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh xuất phát từ tình yêu

thương vô hạn của nhân dân Sài Gòn - Gia Định với Người.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh là nguồn cảm hứng sáng tác nghệ thuật ở cả trong nước và thế giới.
- Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành tấm gương sáng cho toàn Đảng, toàn dân học tập và noi theo. Nhằm phát huy những giá trị to lớn đó, Đảng đã ban hành chỉ thị phát động cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” vào năm 2006.

II. CÂU HỎI VẬN DỤNG • Tra ID đề - [433206]

HSA 01 [559260]: Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời Câu hỏi sau đây:

“Kể từ khi thực dân Pháp xâm lược, các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam đã diễn ra liên tục và anh dũng, sử dụng nhiều con đường cứu nước khác nhau, nhưng không giành được thắng lợi. Sự nghiệp giải phóng dân tộc lâm vào tình hình đen tối tưởng như không có đường ra.”

(Vũ Quang Hiến, Tuyên ngôn Độc lập: Những khát vọng về quyền dân tộc và quyền con người, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013, tr.108)

Nội dung đoạn thông trên phản ánh yếu tố nào ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp Hồ Chí Minh

- A. Hoàn cảnh gia đình.
- B. Hoàn cảnh đất nước.
- C. Hoàn cảnh cá nhân.
- D. Hoàn cảnh quê hương.

HSA 02 [559261]: Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, phong trào yêu nước Việt Nam đã đi theo những con đường cứu nước nào?

- A. Con đường cứu nước theo ngọn cờ phong kiến và cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
- B. Con đường cứu nước theo ngọn cờ phong kiến và cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng vô sản.
- C. Con đường cứu nước theo cách mạng vô sản và cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
- D. Con đường cứu nước theo ngọn cờ phong kiến và tiến hành cách mạng tư sản.

HSA03 [559262]: Nhận xét nào **không** đúng về quê hương Nghệ An của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

- A. Nghệ An là vùng đất sơn thủy hữu tình.
- B. Nghệ An có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời.
- C. Nghệ An sản sinh ra nhiều anh hùng dân tộc.
- D. Nghệ An có điều kiện tự nhiên thuận lợi.

HSA 04 [559263]: Chủ tịch Hồ Chí Minh có hoàn cảnh gia đình như thế nào?

- A. Xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo yêu nước.
- B. Xuất thân trong một gia đình nhà nho yêu nước.
- C. Xuất thân trong một gia đình quyền quý, giàu có.
- D. Xuất thân trong gia đình có bố mẹ mất rất sớm.

HSA 05 [559264]: Điểm khác nhau trong hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc so với các vị tiền bối là gì?

- A. Nguyễn Ái Quốc chú trọng cầu viện bên ngoài còn các vị tiền bối chú trọng xây dựng lực lượng bên trong.
- B. Nguyễn Ái Quốc xác định đồng minh là Liên Xô còn các vị tiền bối xác định đồng minh là chủ nghĩa đế quốc.

- C. Nguyễn Ái Quốc đi sang phương Tây còn các vị tiền bối chủ yếu sang phương Đông.
D. Nguyễn Ái Quốc chú trọng lí luận còn các vị tiền bối chú trọng trang bị trải nghiệm thực tiễn.
HSA 06 [559265]: Nội dung nào **không phải** là hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài.

- A. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
B. Gửi bản Yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Véc - xai.
C. Thành lập Việt Nam Độc lập đồng minh.
D. Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

HSA 07 [559266]: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (5 - 1941) do ai triệu tập và chủ trì?

- A. Nguyễn Ái Quốc. B. Lê Hồng Phong
C. Trường Chinh. D. Võ Nguyên Giáp.

HSA 08 [559267]: Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời Câu hỏi sau đây:

... đã trở thành tuyên ngôn chính trị báo hiệu sự mở đầu của giai đoạn mới trong việc phát triển phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam,... Người Pháp coi cuộc đấu tranh đó là một “quả bom” làm chấn động dư luận nước Pháp. Còn người Việt Nam cho đó là tiếng sấm mùa xuân.”

(E. Cô-bê-lép, *Đường chỉ Hồ Chí Minh*, NXB Tiến bộ, Mát-xcô-va, 1985, tr.53)

Nội dung đoạn thông tin trên đang nhắc đến sự kiện lịch sử nào?

- A. Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa năm 1920.
B. Nguyễn Ái Quốc gửi bản Yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Véc-xai năm 1919.
C. Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên năm 1925.
D. Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam năm 1941.

HSA 09 [559268]: Từ năm 1945 đến năm 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến chống

- A. đế quốc Mỹ. B. phát xít Nhật.
C. thực dân Pháp. D. quân Trung Hoa Dân quốc.

HSA 10 [559269]: Văn kiện nào được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930?

- A. Luận cương chính trị. B. Cương lĩnh chính trị.
C. Hiệp định Sơ bộ. D. Hiệp định Giơ-ne-vơ.

HSA 11 [559270]: Nội dung nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa của sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước năm 1920?

- A. Bước đầu giải quyết khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc Việt Nam.
B. Mở đầu quá trình chuẩn bị các điều kiện cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
C. Giải quyết hoàn toàn cuộc khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
D. Mở ra một giai đoạn phát triển mới cho phong trào cách mạng Việt Nam.

HSA 12 [559271]: Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời Câu hỏi sau đây:

“...Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ. Đây là cái cần thiết cho chúng ta,

đây là con đường giải phóng chúng ta!”.

(*Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 12, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2011, tr:562*)

Nội dung đoạn trích trên phản ánh sự kiện lịch sử nào trong hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc?

- A. Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước ngày 5 - 6 - 1911.
- B. Nguyễn Ái Quốc gửi bản Yêu sách của nhân dân An Nam năm 1919.
- C. Nguyễn Ái Quốc đọc được Luận cương của Lê-nin năm 1920.
- D. Nguyễn Ái Quốc sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

HSA 13 [559272]: Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1921 - 1929 có ý nghĩa như thế nào?

- A. Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của công nhân và nông dân.
- C. Tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam - cách mạng vô sản.
- D. Chuẩn bị và lãnh đạo cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

HSA 14 [559273]: Nguyễn Ái Quốc có vai trò gì trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930?

- A. Triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng.
- B. Đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Đông Dương.
- C. Thông qua Luận cương chính trị của Đảng.
- D. Bảo vệ an toàn cho đại biểu của các tổ chức cộng sản.

HSA 15 [559274]: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam có điểm gì khác so với các Đảng Cộng sản trên thế giới?

- A. Có thêm yếu tố phong trào công nhân.
- B. Có thêm yếu tố phong trào yêu nước.
- C. Có thêm yếu tố chủ nghĩa Mác - Lê-nin.
- D. Có thêm yếu tố chỉ đạo của Quốc tế cộng sản.

HSA 16 [559275]: Nhận xét nào đúng về Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (5 - 1941)?

- A. Hội nghị xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là giải phóng giai cấp.
- B. Hội nghị đánh dấu quá trình bước đầu chuyển hướng đấu tranh của Đảng.
- C. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh của ba dân tộc Đông Dương.
- D. Hội nghị hoàn chỉnh đường lối chuyển hướng đấu tranh của Đảng.

HSA 17 [559276]: Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời Câu hỏi sau đây:

“Trung ương Đảng đã quyết định cần tích cực chuẩn bị cho cuộc họp Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân đại hội đại biểu. Bác giục chuẩn bị cho kịp họp hai hội nghị quan trọng này từ giữa tháng 7... Giữa lúc bộn bề việc như thế, Bác bỗng bị mệt... Lúc nào tỉnh, Bác d nói chuyện tình hình: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù phải hi sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”.

(*Theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng tập hồi k NXB Quân đội nhân dân, 2011, tr. 129 -*

Nội dung đoạn thông tin trên là bối cảnh lịch sử của

- A. cách mạng tháng Tám năm 1945.
- B. chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- C. hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954.
- D. chiến dịch Việt Bắc năm 1947.

HSA 18 [559277]: Tổ chức cách mạng đầu tiên đi theo khuynh hướng vô sản do Nguyễn Ái Quốc thành lập là

- A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- B. Tân Việt Cách mạng Đảng.
- C. Việt Nam Quốc dân Đảng.
- D. Đông Dương Cộng sản Đảng.

HSA 19 [559278]: Đường lối và phương châm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) của nhân dân Việt Nam là gì?

- A. Toàn dân, toàn diện, thần tốc, bất ngờ, chắc thắng, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.
- B. Toàn dân, toàn diện, đánh nhanh thắng nhanh, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.
- C. Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.
- D. Toàn dân, toàn quân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

HSA 20 [559279]: Nội dung nào **không** phản ánh đúng vai trò của chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969?

- A. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
- B. Chỉ đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam.
- C. Trực tiếp kí kết Hiệp định Pa - ri.
- D. Biểu tượng đoàn kết của dân tộc Việt Nam.

HSA 21 [559280]: Hai căn cứ địa đầu tiên của cách mạng Việt Nam là

- A. Việt Bắc và Liên khu V.
- B. Bắc Sơn - Võ Nhai và Cao Bằng.
- C. Cao - Bắc - Lạng và Tuyên Quang.
- D. Đồng Khởi và Quảng Trị.

HSA 22 [559281]: Nghị quyết 24C/18.6.5 của tổ chức UNESCO ghi nhận năm 1990

- A. đánh dấu kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B. đánh dấu tường nhớ 100 năm ngày mất của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- C. đánh dấu kỉ niệm ngày ra đi tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- D. đánh dấu kỉ niệm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập.

HSA 23 [559282]: Những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự kết tinh của truyền thống văn hóa Việt Nam và

- A. truyền thống gia đình.

- B. tinh hoa văn hóa Trung Quốc.
- C. tinh hoa văn hóa nhân loại.
- D. nền văn hóa ngoại lai du nhập.

HSA 24 [559283]: Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời Câu hỏi sau đây:

“Trong nửa sau thế kỉ XX, có một từ đã xuất hiện trong tiếng nói của những người bảo vệ và kiến tạo hòa bình trên thế giới, một từ mà cùng một lúc mang rất nhiều ý nghĩa: đấu tranh, dũng cảm, anh hùng; và nó còn có ý nghĩa là chiến thắng, độc lập, tự do.... Và có một cái tên đã luôn gắn liền với từ này - từ chỉ tên một đất nước...”

(Ro - mét Cham - đờ - ra, Việt Nam và cuộc đấu tranh vì hòa bình, tự do và độc lập,
trích trong: Việt Nam trong thế kỉ XX, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.48)

“Một từ” được nhắc đến trong đoạn thông tin trên là từ gì?

- A. Việt Nam.
- B. Đông Dương.
- C. Liên Xô.
- D. Hồ Chí Minh.

HSA 25 [559284]: Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời câu hỏi sau đây:

“Trong nửa sau thế kỉ XX, có một từ đã xuất hiện trong tiếng nói của những người bảo vệ và kiến tạo hòa bình trên thế giới, một từ mà cùng một lúc mang rất nhiều ý nghĩa: đấu tranh, dũng cảm, anh hùng; và nó còn có ý nghĩa là chiến thắng, độc lập, tự do.... Và có một cái tên đã luôn gắn liền với từ này - từ chỉ tên một đất nước...”

(Ro - mét Cham - đờ - ra, Việt Nam và cuộc đấu tranh vì hòa bình, tự do và độc lập,
trích trong: Việt Nam trong thế kỉ XX, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.48)

“Một cái tên” được nhắc đến trong đoạn thông tin trên là tên của nhân vật nào?

- A. Trần Phú.
- B. Võ Nguyên Giáp.
- C. Lê - nin.
- D. Hồ Chí Minh.

HSA 26 [559285]: Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị sau Cách mạng tháng Tám thành công?

- A. Kêu gọi “Nhường cơm sẻ áo”.
- B. Thành lập Nha bình dân học vụ.
- C. Thành lập Quỹ Độc lập.
- D. Phát động Tuần lễ vàng.

HSA 27 [559286]: Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời câu hỏi sau đây:

“Cuộc đời 79 mùa Xuân của Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp nhất của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Người là kết tinh rạng ngời của đạo đức, trí tuệ, khí phách, lương tri của dân tộc và thời đại.”

(Diễn văn của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại
lễ kỉ niệm 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh) |

Nội dung đoạn trích trên lí giải cho vấn đề nào sau đây?

- A. Chủ tịch Hồ Chí Minh được nhân dân Việt Nam và bạn bè thế giới trân trọng, tưởng nhớ.
- B. Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại của tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới.
- C. Chủ tịch Hồ Chí Minh không lập gia đình như những vị lãnh tụ vĩ đại khác trên thế giới.
- D. Chủ tịch Hồ Chí Minh đi sang phương Tây tìm đường cho cách mạng Việt Nam.

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 28 đến 30

“Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã được Người và những học trò của Người truyền bá vào Đông

Dương, nơi nhân dân có truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm, có giai cấp công nhân tuy số lượng không đông; nhưng là giai cấp tiên tiến nhất trong xã hội, lại bị ba tầng áp bức, bóc lột của đế quốc phong kiến và tư sản trong nước, cho nên có tinh thần cách mạng triệt để. Đông Dương cũng là nơi có phong trào đấu tranh của nông dân và phong trào yêu nước của các tầng lớp nhân dân khác rất sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chân lý cách mạng của thời đại, khi đã thấm sâu vào trái tim, khối óc của những người cách mạng Việt Nam thì sẽ trở thành một sức mạnh to lớn và không có một kẻ thù nào có thể ngăn cản nổi. Trên mặt trận chính trị và tư tưởng, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã đánh lui tư tưởng cải lương, tư tưởng dân tộc hẹp hòi và đã chiếm ưu thế trong phong trào cách mạng Việt Nam. Phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân ta đang đòi hỏi sự lãnh đạo của một đảng của giai cấp công nhân. Những điều kiện để thành lập một đảng như thế đã chín muồi. Nhưng khi vấn đề ấy được đặt ra, thì trong nội bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, nhất là ở cơ quan lãnh đạo của nó không nhất trí. Đó là cuộc đấu tranh giữa quan điểm vô sản và quan điểm tiểu tư sản trong Thanh niên cách mạng đồng chí Hội để thành lập đảng kiểu mới của giai cấp công nhân Việt Nam. Cuộc đấu tranh ấy đã dẫn đến thắng lợi của tư tưởng vô sản và sự ra đời của Đông Dương cộng sản đảng và An Nam cộng sản đảng. Trong tình hình ấy Tân Việt cách mạng Đảng cũng không thể duy trì tổ chức cũ, cho nên đã được cải tổ thành Đông Dương cộng sản liên đoàn. Trong vòng nửa năm, ba tổ chức cộng sản đã liên tiếp ra đời. Sự kiện đó chứng tỏ việc thành lập Đảng cộng sản là một tất yếu của sự phát triển phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam năm 1929.”

(<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/ho-chi-minh/tieu-su-cuoc-doi-va-su-nghiep/chu-tich-ho-chi-minh-nguoi-sang-lap-dang-cong-san-viet-nam-3180>)

HSA 28 [559287]: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm kết hợp của những nhân tố nào?

- A. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
- B. Chủ nghĩa Tam dân, phong trào công nhân và phong trào cộng sản.
- C. Chủ nghĩa dân tộc, phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
- D. Chủ nghĩa tư bản, phong trào công nhân và phong trào cộng sản.

HSA 29 [559288]: Hội Việt Nam cách mạng thanh niên chuyển hóa thành tổ chức cộng sản nào?

- A. Việt Nam Quốc dân đảng.
- B. Đông Dương cộng sản đảng.
- C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- D. Tân Việt cách mạng đảng.

HSA 30 [559289]: Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc là

- A. sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. sáng lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
- C. tìm ra con đường cứu nước cho cách mạng Việt Nam.
- D. soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

CHỦ ĐỀ 7:

MỘT SỐ CHUYÊN ĐỀ LỊCH SỬ LỚP 11

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước cách mạng tháng Tám năm 1945)

1.1. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

- Vị trí địa chiến lược của Việt Nam:

+ Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á - khu vực được coi là ngã tư đường giao thông quan trọng kết nối lục địa Á - Âu và châu Đại Dương, giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

+ Việt Nam là cầu nối giữa Trung Quốc với Đông Nam Á, giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo.

+ Việt Nam có tài nguyên thiên nhiên phong phú, dân cư đông đúc.

Với vị trí chiến lược này, Việt Nam trở thành đối tượng xâm lược của các thế lực ngoại xâm và là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng của các cường quốc trong khu vực và trên thế giới.

- Vai trò của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc:

+ Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

+ Quyết định sự tồn vong của quốc gia, dân tộc.

+ Ảnh hưởng đến sự phát triển của quốc gia, dân tộc: tính chất xã hội, phát triển kinh tế văn hóa....

- Ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

+ Hình thành và phát triển các truyền thống tốt đẹp của dân tộc: yêu nước, đoàn kết, kiên cường, bất khuất,...

+ Hình thành và nâng cao tinh thần tự hào, ý thức tự lực, tự cường của dân tộc.

+ Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

1.2. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu.

Tên cuộc kháng chiến	Người chỉ huy	Những trận đánh lớn	Kết quả
Kháng chiến chống quân Nam Hán (938)	Ngô Quyền	- Năm 938, Ngô Quyền tổ chức địa cọc trên sông Bạch Đằng, tiêu diệt lực lượng thủy binh của tướng giặc Hoảng Tháo	- Quân Nam Hán thất bại - Mở đầu thời kì độc lập, tự chủ lâu dài trong lịch sử dân tộc
Kháng chiến chống quân Tống (981)	Lê Hoàn	- Trận Lục Đầu giang: Lê Hoàn chủ động chặn đánh giặc khi chúng vừa đưa quân xâm phạm lãnh thổ - Trận Bình Lỗ - sông Bạch Đằng: Lê Hoàn cho xây thành Bình Lỗ, đóng cọc chặn giặc trên sông Bạch Đằng	- Tướng Hầu Nhân Bảo tử trận, quân Tống bỏ chạy về nước - Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc của Đại Cồ Việt
Kháng chiến	Lý Thường Kiệt	Thực hiện kế sách "Tiên	- Quân Tống bại trận

chống quân Tống (1075-1077)		phát chế nhân ” , tấn công châu Ung , châu Khâm , châu Liêm (Trung Quốc) rồi rút về nước - Tổ chức trận quyết chiến chiến lược trên phòng tuyến sông Như Nguyệt , tiêu diệt quân Tống - Chủ động giảng hòa kết thúc chiến tranh	- Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc của Đại Việt
Kháng chiến chống quân Mông Cổ (1258)	Trần Thái Tông Trần Thủ Độ	- Tại Bình Lệ Nguyên : Quân đội nhà Trần dàn quân đánh đội quân của Ngột Lương Hợp Thai nhưng không thành công , phải rút về Thiên Trường để bảo toàn lực lượng - Tại Đông Bộ Đầu : Quân Trần phản công giành thắng lợi	- Quân Mông Cổ thua trận , tháo chạy về nước - Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc của Đại Việt
Kháng chiến chống quân Nguyên (1285)	Trần Thánh Tông Trần Quốc Tuấn	-Tại Thăng Long quân Nguyên tấn công Đại Việt . Nhà Trần sử dụng kế” thanh dã” , chặn đánh giặc sau đó rút về phòng tuyến Vạn Kiếp - Bình Than -Tại Tây Kết , Hàm Tử , Chương Dương : Quân nhà Trần phản công , giành thắng lợi lớn	-Quân Nguyên thiệt hại nặng nề, Thoát Hoan trốn chạy về nước - Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc của Đại Việt
Kháng chiến chống quân Nguyên (1287-1288)	Trần Nhân Tông Trần Quốc Tuấn	Trận Bạch Đằng : Trần Hưng Đạo bố trí trận địa cọc ngầm , khiêu chiến nhử quân Nguyên rơi vào trận địa mai phục và giành được thắng lợi	-Ô Mã Nhi bị bắt sống , toàn bộ thủy binh giặc bị giết - Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc của Đại Việt
Kháng chiến chống quân Xiêm (1785)	Nguyễn Huệ	-Trận Rạch Gầm - Xoài Mút : Nguyễn Huệ chọn khúc sông Tiền từ Rạch Gầm đến Xoài Mút bố trí mai phục , cho quân giả thua để dụ địch vào trận địa . Sau đó quân của	-Quân Xiêm bị tiêu diệt - Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc của Đại Việt

		Nguyễn Huệ đồng loạt phản công tiêu diệt quân Xiêm	
Kháng chiến chống quân Thanh (1789)	Quang Trung(Nguyễn Huệ)	-Hạ đồn Hà Hồi vào đêm mùng 3 tết Kỷ Dậu -Tiêu diệt đồn Ngọc Hồi - Đổng Đa vào ngày mùng 5 tết Kỷ Dậu	-Quân Thanh đại bại , Tôn Sĩ Nghị hốt hoảng bỏ chạy về nước - Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc của Đại Việt

* Nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến :

-Nguyên nhân chủ quan :

+ Các cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đều là các cuộc chiến tranh chính nghĩa nhằm bảo vệ độc lập dân tộc . Đây là cơ sở để tập hợp và phát huy sức mạnh toàn dân .

+Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước nồng nàn . Đây là nhân tố quyết định đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến

+Lãnh đạo các cuộc kháng chiến là các vị tướng lĩnh tài năng , mưu lược với đường lối, kế sách , nghệ thuật quân sự đúng đắn , sáng tạo là nguyên nhân quan trọng đưa đến thắng lợi

- Nguyên nhân khách quan:

+Chiến tranh xâm lược của các thế lực ngoại bang là các cuộc chiến tranh phi nghĩa nên tất yếu dẫn đến thất bại

+Quân xâm lược gặp phải một số khó khăn như: hành quân xa, thiếu lương thực , không quen khí hậu , thời tiết của Việt Nam ...

1.3 Một số cuộc kháng chiến không thành công

Tên cuộc kháng chiến	Nội dung chính	Nguyên nhân kháng chiến không thành công
Kháng chiến chống quân Triệu (thế kỉ II TCN)	-Triệu Đà lập nước Nam Việt , nhiều lần đưa quân tấn công chinh phục Âu Lạc nhưng thất bại -Triệu Đà dùng kế giảng hòa , đưa con là Trọng Thủy sang ở rể ở triều đình Âu Lạc , dùng kế li gián , gây mâu thuẫn nội bộ . An Dương Vương mất cảnh giác , xa rời những người chính trực , tài giỏi -179 TCN , Triệu Đà tiếp tục tấn công Âu Lạc , An Dương Vương và triều đình Âu Lạc nhưng thất bại nhanh chóng , rơi vào ách thống trị của Nam Việt	-Triều đình Âu Lạc đứng đầu là An Dương Vương chủ quan , mất cảnh giác trước những âm mưu , thủ đoạn của kẻ thù -So sánh tương quan lực lượng chênh lệch , bất lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam
Kháng chiến	-Cuối XIV , nhân cơ hội nhà Trần	-Nhà Hồ không có đường lối kháng

chống quân Minh (đầu thế kỉ XV)	suy yếu , Hồ Quý Ly lập ra triều Hồ (1400) -Cuối 1406, lấy cớ “ phù Trần diệt Hồ ” nhà Minh xâm lược Đại Ngu -Quân Minh nhanh chóng hạ được thành Đa Bang và Đông Đô. Nhà Hồ buộc phải rút chạy về Tây Đô -5/1407 , quân Minh tấn công vào Tây Đô -6/1407 , Hồ Quý Ly và các con bị bắt . Cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược của nhà Hồ thất bại	chiến đúng đắn , nặng nề về phòng thủ bị động -Nhà Hồ không nhận được sự ủng hộ của nhân dân , không đoàn kết được nhân dân -So sánh tương quan lực lượng chênh lệch , bất lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam
Kháng chiến chống thực dân Pháp (nửa sau thế kỉ XIX)	1/9/1858 , liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng tấn công Đà Nẵng , mở đầu quá trình xâm lược Việt Nam . Quân dân Đà Nẵng thực hiện kế sách “ vườn không nhà trống “ , kiên quyết đánh trả Pháp bị cầm chân 5 tháng ở bán đảo Sơn Trà -1859-1862 , thực dân Pháp tấn công Gia Định và 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ . Triều đình Nguyễn chống cự yếu ớt trong khi phong trào kháng chiến của nhân dân vẫn diễn ra quyết liệt . Năm 1862, triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất thừa nhận 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ thuộc Pháp -1867 , thực dân Pháp đánh chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ nhanh chóng . Triều đình Huế bắt lức . Trái ngược , phong trào kháng chiến của nhân dân vẫn sôi sục mạnh mẽ -1873, thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần I , thành Hà Nội thất thủ . Nhân dân lập lên chiến thắng Cầu Giấy lần I khiến Pháp hoang mang , dao động . Năm 1874 , triều đình kí hiệp ước Giáp Tuất , thừa nhận lục tỉnh Nam Kỳ hoàn toàn thuộc Pháp -1882 , Pháp đánh Bắc Kỳ lần II , thành Hà Nội tiếp tục thất thủ .	-Nhà Nguyễn không có đường lối đúng đắn , thiếu quyết đoán , thiên về chủ hòa , không đoàn kết được nhân dân -Phong trào kháng chiến của nhân dân quyết liệt nhưng diễn ra lẻ tẻ , thiếu thống nhất -So sánh tương quan lực lượng chênh lệch , bất lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam

	Chiến thắng Cầu Giấy II một lần nữa khiến Pháp lo sợ -1883-1884 , thực dân Pháp tấn công vào cửa Thuận An (Huế) . Triều đình Nguyễn liên tiếp kí Hiệp ước Hắc-măng (1883) và Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884) đánh dấu Việt Nam chính thức trở thành thuộc địa của Pháp	
--	--	--

1.4. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Tên cuộc khởi nghĩa	Người lãnh đạo	Chính quyền thống trị	Diễn biến chính	Kết quả - Ý nghĩa
Hai Bà Trưng (40)	Trưng Trắc , Trưng Nhị	Nhà Đông Hán	-Năm 40 , khởi nghĩa nổ ra ở Hát Môn , sau đó nhanh chóng lan rộng khắp các quận huyện Thái Thú Tô Định bỏ trốn -Năm 40-42: Trưng Trắc xưng vương đóng đô ở Mê Linh , xây dựng chính quyền tự chủ -4/42 , Mã Viện đưa quân sang đàn áp . Hai Bà Trưng kháng cự quyết liệt nhưng thất bại (43)	-Cuộc đấu tranh vũ trang lớn đầu tiên , xây dựng được chính quyền tự chủ trong vài năm -Mở đầu quá trình đấu tranh giành độc lập , tự chủ lâu dài của người Việt trong thời kì Bắc thuộc -Thể hiện sức mạnh của người phụ nữ Việt Nam
Bà Triệu (248)	Triệu Thị Trinh	Nhà Ngô	-248 , khởi nghĩa nổ ra ở vùng núi Nưa (Thanh Hóa) sau đó nhanh chóng lan rộng ra các khu vực khác -Nhà Ngô huy động một lực lượng lớn sang mới đàn áp cuộc khởi nghĩa	-Thể hiện tinh thần quật khởi của người Việt Nam trước sự đô hộ của chính quyền phương Bắc -Tiếp tục khẳng định sức mạnh và ý chí của phụ nữ Việt
Lý Bí (542)	Lý Bí , Triệu	Nhà Lương và	-542 , Lý Bí khởi nghĩa	-Khẳng định được

	Quang Phục	nhà Tùy	chống lại nhà Lương -544 , khởi nghĩa thắng lợi . Lý Bí lên ngôi vua , lập ra nước Vạn Xuân -545 , nhà Lương xâm lược Vạn Xuân . Triệu Quang Phục chỉ huy cuộc kháng chiến giành thắng lợi -602 , nhà Tùy đem quân sang đàn áp , cuộc khởi nghĩa thất bại	ý chí và sức mạnh của người Việt trong cuộc đấu tranh chống lại chính quyền phương Bắc -Đề lại nhiều bài kinh nghiệm cho hậu thế
Phùng Hưng (776)	Phùng Hưng	Nhà Đường	-776 , Phùng Hưng khởi nghĩa ở Đường Lâm , làm chủ được thành Tống Bình , quản lí đất nước trong một thời gian -791, nhà Đường đem quân sang đàn áp	-Khẳng định được ý chí và quyết tâm giành độc lập , tự chủ của người Việt -Cổ vũ tinh thần và góp phần cho cuộc đấu tranh giành lại độc lập , tự chủ hoàn toàn vào thế kỉ X

1.5. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427)

a) Bối cảnh lịch sử

- Năm 1407, nhà Hồ kháng chiến chống quân Minh xâm lược thất bại. Đại Ngu bước vào ở thời kì bị nhà Minh đô hộ.
- Nhà Minh thi hành chính sách cai trị và bóc lột nặng nề khiến mâu thuẫn dân tộc phát gay gắt:
 - + Về hành chính: đặt Đại Ngu thành quận Giao Chỉ xác nhập vào lãnh thổ Trung Quốc.
 - + Về kinh tế - xã hội: chế độ thuế khóa nặng nề, đời sống nhân dân khổ
 - + Về văn hóa: âm mưu thủ tiêu nền văn hóa Việt.
- Nhân dân nổi dậy chống lại nhà Minh ở nhiều nơi song đều bị đàn áp dã man.
- Trước tình cảnh nước mất, nhân dân lầm than, năm 1418 Lê Lợi phát cờ khởi nghĩa, chọn Lam Sơn làm căn cứ của cuộc đấu tranh.

b. Diễn biến chính

- 1774, nghĩa quân kiểm soát vùng đất rộng lớn từ Quảng Nam đến Bình Thuận.
- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn kéo dài 10 năm (1418 - 1427), trải qua 4 giai đoạn chính:
 - Căn cứ Lam Sơn liên tục bị quân Minh bao vây, nghĩa quân gặp nhiều khó khăn, ba lần
 - + 1418 - 1423: Những năm đầu của cuộc khởi nghĩa: phải rút lên vùng rừng núi Chí Linh (Thanh

Hóa).

+ 1423 - 1424: Tạm thời hòa hoãn:

- Lê Lợi đề nghị tạm hòa với quân Minh để có thêm thời gian củng cố lực lượng.
- + 1424 - 1426: Mở rộng hoạt động và giành được thắng lợi đầu tiên:
- Nguyễn Chích gợi ý chuyển quân ra Nghệ An, mở rộng địa bàn hoạt động. Nghĩa quân nhanh chóng làm chủ được một vùng rộng lớn từ Thanh Hóa đến đèo Hải Vân.

+ 1426 - 1428: Tiến quân ra Bắc, khởi nghĩa thắng lợi:

- Cuối 1426, nghĩa quân giành chiến thắng trong trận Tốt Động - Chúc Động.
- 10 - 1427, nghĩa quân giành chiến thắng trong trận Chi Lăng - Xương Giang.
- 12 - 1427, tại hội thề Đông Quan, Vương Thông chấp nhận nghị hòa.
- 1 - 1428, quân Minh rút hết quân về nước, đất nước giải phóng.

c. Ý nghĩa lịch sử

- Khởi nghĩa Lam Sơn phát triển thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, có tính chất nhân dân rộng rãi.

- Cuộc khởi nghĩa thắng lợi chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục nền độc lập tự chủ, đập tan âm mưu thủ tiêu nền văn hóa Đại Việt.

- Mở ra một thời kì phát triển mới cho đất nước.

1.6. Phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII)

a. Bối cảnh lịch sử

Giữa thế kỉ XVIII, Đàng Trong lâm vào tình trạng khủng hoảng:

+ Về chính trị: chúa Nguyễn còn trẻ, quyền hành rơi vào tay tên quyền thần Trương Phúc Loan. Tình trạng mua quan bán tước, tham nhũng diễn ra phổ biến.

+ Về kinh tế: chế độ sưu thuế nặng nề, ngoại thương suy tàn.

+ Về xã hội: đời sống nhân dân cực khổ, mâu thuẫn xã hội gay gắt làm bùng nổ nhiều cuộc khởi nghĩa song đều bị dập tắt.

Trong bối cảnh đó, phong trào Tây Sơn bùng nổ, thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân ủng hộ.

b. Diễn biến chính

nhì năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ phát cờ khởi nghĩa ở vùng Tây Sơn thượng đạo nhằm chống lại chính quyền chúa Nguyễn.

- 1773, chiếm được phủ thành Quy Nhơn.

- 1777, lật đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong nhưng để Nguyễn Ánh chạy thoát. -

1785, Nguyễn Huệ chỉ huy nghĩa quân lập chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút đánh tan 5 vạn quân Xiêm xâm lược.

- 1786, hạ thành Phú Xuân, giải phóng toàn bộ vùng đất Đàng Trong. Sau đó Nguyễn Huệ đưa quân ra Bắc lật đổ chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

- 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung.

- 1789, Quang Trung đại phá 20 vạn quân Thanh sau trận Ngọc Hồi - Đống Đa.

c. Ý nghĩa lịch sử

- Lật đổ các chính quyền chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vua Lê, xóa bỏ ranh giới chia cắt đất nước và đặt nền móng cho sự nghiệp thống nhất quốc gia.

- Đánh tan các cuộc chiến tranh xâm lược của các thế lực Xiêm, Thanh, giữ vững độc lập và chủ quyền lãnh thổ.

→ Đây là một phong trào dân tộc rộng lớn.

1.7. Một số bài học lịch sử

- Bài học về tập hợp và xây dựng lực lượng. Đây là nhân tố quyết định đến thắng lợi của công cuộc chống ngoại xâm.

- Bài học về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Đây là yếu tố đóng vai trò nền tảng, then chốt giúp nhân dân Việt Nam vượt qua khó khăn, thử thách.

- Bài học về nghệ thuật quân sự. Nổi bật là nghệ thuật chiến tranh nhân dân, tiên phát chế nhân, tâm công, vu hồi, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh,...

2. Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)

2.1. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV)

a. Bối cảnh lịch sử

Cuối thế kỉ XIV, nhà Trần lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng:

+ Về chính trị:

Vua Trần ăn chơi, hưởng lạc, không quan tâm triều chính.

- Triều đình bị gian thần lũng đoạn.
- Nhà Trần lúng túng đối phó với những đợt tấn công của Chiêm Thành. Quan hệ Đại Việt và nhà Minh ngày càng xấu đi.

Hồ Quý Ly từng bước thu tóm quyền lực, ép vua Trần nhường ngôi.

+ Về kinh tế:

- Thiên tai, mất mùa, đói kém xảy ra liên miên.

* Ruộng đất công ngày càng thu hẹp do ruộng đất bị quan lại, địa chủ chấp chiếm.

+ Về xã hội:

- Đời sống nhân dân khó khăn, mâu thuẫn xã hội gia tăng, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân chống lại triều đình bùng nổ.

b. Nội dung cải cách

- Công cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ được thực hiện từ những năm 70 của thế kỉ XIV đến trước khi quân Minh xâm lược.

Lĩnh vực	Nội dung chính
Chính Trị	- Sửa đổi chế độ hành chính; thành lập nhiều cơ quan, đặt ra nhiều chức mới; bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan cũ. - Đổi tên gọi thành Thăng Long là Đông Đô, xây dựng kinh thành mới Tây Đô.

Quân sự	- Thực hiện một số biện pháp nhằm tăng cường lực lượng quân đội chính và phòng thủ ở những nơi hiểm yếu. - Cải tiến vũ khí, xây dựng hệ thống thành lũy phòng thủ.
Kinh tế- Xã hội	- Cải tiến vũ khí, xây dựng hệ thống thành lũy phòng thủ. - Phát hành tiền giấy “Thông bảo hội sao” thay thế tiền đồng. - Thực hiện chính sách hạn điền nhằm hạn chế sở hữu ruộng đất tư. - Cải cách chế độ thuế khóa, thống nhất đơn vị đo lường trong cả nước. - Ban hành phép hạn nô, giới quý tộc bị hạn chế số nô tì. - Đặt Quảng tế để chữa bệnh cho dân.
Văn hoá- Giáo dục	- Đề cao Nho giáo, hạn chế sự phát triển của Phật giáo và Đạo giáo. - Khuyến khích sử dụng chữ Nôm để chấn hưng văn hóa dân tộc. - Chấn chỉnh chế độ thi cử, mở rộng việc học, đặt học quan đến cấp phủ

c. Kết quả - Ý nghĩa

- Kết quả:

+ Cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ có nhiều điểm tiến bộ và đạt được những kết quả bước đầu: củng cố tiềm lực quốc phòng; làm suy giảm thế lực của quý tộc, tôn thất Trần; ổn định đời sống của nhân dân; tăng cường quyền lực của vua và Nhà nước; góp phần xây dựng một nền văn hóa - giáo dục mang đậm bản sắc dân tộc.

+ Bước đầu xác lập thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối pháp trị.

- Ý nghĩa: Bước đầu ổn định tình hình xã hội, củng cố tiềm lực đất nước để chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm đồng thời bước đầu xác lập mô hình phát triển mới của Đại Việt. Qua đó thể hiện được tinh thần dân tộc và ý thức tự lực tự cường.

-Hạn chế: Còn chủ quan, nóng vội, không triệt để.

2.2. Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)

a. Bối cảnh lịch sử

- Năm 1460, Lê Thánh Tông lên ngôi hoàng đế trong bối cảnh đất nước từng bước ổn định. Tuy vậy, một số vấn đề về chính trị và kinh tế - xã hội vẫn còn bộc lộ hạn chế như:

+ Về chính trị: Ở trung ương, tình trạng phe cánh và lộng quyền của một bộ phận công thần khiến nội bộ triều đình Lê sơ mâu thuẫn. Ở địa phương, cả nước chỉ chia thành 5 đạo khiến quyền lực của người đứng đầu mỗi đạo rất lớn, là mầm mống của xu hướng cát cứ phân quyền.

+ Về kinh tế - xã hội: Một bộ phận nông dân thiếu ruộng đất, nguồn thu nhà nước bị ảnh

hưởng.

. Sau khi lên ngôi, Lê Thánh Tông từng bước tiến hành những cải cách quan trọng, đặc biệt là cải cách đối với hệ thống chính trị - hành chính từ năm 1466.

b. Nội dung cải cách

Lĩnh vực	Nội dung chính
Hành chính	Ở trung ương: + Bãi bỏ nhiều chức quan, cơ quan đặc biệt là các chức quan đại thần + Vua nắm mọi quyền hành và trực tiếp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn. + Hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục bộ - đây là cơ quan chủ chốt trong bộ máy triều đình. + Tổ chức và hoàn thiện Lục khoa để theo dõi, giám sát hoạt động của Lục bộ. + Đặt ra Lục tự để giúp việc cho Lục bộ và phụ trách một số nhiệm vụ cụ thể. - Ở địa phương: + 1466, chia cả nước thành 12 đạo và 1 phủ Trung Đô (Thăng Long). + 1471, lập thêm thừa tuyên thứ 13 - Quảng Nam. + Đứng đầu các đạo thừa tuyên là Tuyên phủ sứ. Hệ thống cơ quan chuyên môn gồm: Thừa ty (dân sự), Đô ty (Quân sự), Hiến ty (tư pháp). Tam ty có quyền lực ngang nhau. + Dưới đạo là phủ, huyện - châu và cuối cùng là xã. - Quan lại được tuyển chọn chủ yếu thông qua khoa cử.
Pháp luật	- 1483, ban hành bộ Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức). - Đây là bộ luật mang tính dân tộc sâu sắc và có nhiều điểm mới, tiến bộ: bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, người già trẻ nhỏ .. giữ gìn truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của nhân dân
Quân đội và quốc phòng	- Năm 1466, vua Lê Thánh Tông cải tổ hệ thống quân đội, chia thành: + Cấm binh: quân thường trực bảo vệ kinh thành. + Ngoại binh: quân các đạo đóng ở các địa phương. - Quân đội thường xuyên được luyện tập, rèn luyện, tổ chức kì thi võ để tuyển chọn tướng sĩ.
Kinh tế	- Ban hành và thực hiện chế độ lộc điền và quân điền. + Lộc điền: ban cấp ruộng đất là bổng lộc cho quý tộc, quan lại từ tứ phẩm trở lên. + Quân điền: ban cấp ruộng đất cho quan tâm phẩm trở xuống đến các tầng lớp nhân dân, trong đó có cả trẻ em mồ côi, đàn bà góa, người tàn tật,...

Văn hóa , giáo dục	- Đề cao Nho giáo, đưa Nho giáo trở thành hệ tư tưởng độc tôn, chính thống - -Coi trọng biên soạn quốc sử. - Chú trọng giáo dục, khoa cử để đào tạo và tuyển chọn nhân tài cho đất nước: trùng tu và mở rộng Quốc Tử Giám, Nhà Thái học, xây dựng trường học công ở nhiều địa phương, dựng bia Tiến sĩ để tôn vinh những người đỗ đạt.
--------------------	--

> Nhận xét:

- + Cải cách của Lê Thánh Tông có tính đồng bộ từ trung ương đến địa phương.
- + Nội dung cải cách toàn diện trên nhiều lĩnh vực, trọng tâm là cải cách hành chính.
- + Mục đích chính của cuộc cải cách nhằm tăng cường quyền lực vào tay vua và triều đình trung ương đồng thời tăng cường sự ràng buộc, kiểm soát lẫn nhau giữa các chức và cơ quan để nâng cao hiệu quả của bộ máy nhà nước.

c. Kết quả - Ý nghĩa

-Kết quả:

- + Cải cách Lê Thánh Tông được tiến hành thành công.
- + Xác lập được thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền mang tính quan liêu theo đường lối pháp trị.
- + Bộ máy nhà nước và nền hành chính từ trung ương đến địa phương trở nên quy củ, tinh gọn, có sự ràng buộc, giám sát lẫn nhau.
- + Các hoạt động kinh tế, văn hóa, giáo dục đều đạt được những thành tựu tiên bộ.

- Ý nghĩa:

- + Đưa nhà Lê sơ bước vào giai đoạn phát triển đỉnh cao, đồng thời đặt cơ sở cho hệ thống hành chính Đại Việt nhiều thế kỉ sau.

2.3. Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)

a. Bối cảnh lịch sử

Năm 1802, triều Nguyễn được thành lập, cai quản lãnh thổ đất nước rộng lớn từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau.

- Dưới triều vua Gia Long, bộ máy nhà nước bộc lộ nhiều hạn chế, thiếu đi tính thống nhất
- + Ở trung ương: nhiều cơ quan chưa được hoàn thiện.
- + Ở địa phương:
- Tính phân quyền thể hiện ở sự tồn tại của Bắc thành và Gia Định thành, đứng đầu là một viên quan Tổng trấn. Nhà nước chỉ trực tiếp quản lí 7 trấn,
- Các cấp hành chính ở địa phương thiếu thống nhất.
- Võ quan chủ yếu nắm quyền trong bộ máy nhà nước.
- Để khắc phục những hạn chế trên, sau khi lên ngôi (1820), vua Minh Mạng từng bước tiến hành

những chính sách cải cách lớn, trọng tâm là cải cách hành chính.

b. Nội dung cải cách

Lĩnh vực	Nội dung chính
Bộ máy chính quyền	Hệ thống cơ quan chủ chốt của triều đình gồm: Nội các, Đô sát viện, Cơ mật viện, Lục bộ, Lục khoa, Lục tự và các cơ quan chuyên môn +Các cơ quan cũ như Lục bộ, Lục khoa, Lục tự,... được hoàn thiện về cơ cấu và chức năng. +Các cơ quan mới có vai trò quan trọng đặc biệt: Nội các có nhiệm vụ khởi thảo văn bản hành chính, tiếp nhận xử lý công văn, coi giữ ấn tín,...; Đô sát viện làm nhiệm vụ can gián vua và giám sát các cơ quan, quan lại; Cơ mật viện tham mưu, tư vấn cho vua các vấn đề chiến lược...
Bộ máy chính quyền địa phương	- Xóa bỏ Bắc thành và Gia định thành cùng chức quan Tổng trấn. - Chia đất nước thành 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên. - Dưới tỉnh là cấp phủ, huyện/châu, tổng, xã cùng các cơ quan, chức quan và cơ chế làm việc được hoàn thiện. - Đối với vùng dân tộc thiểu số: thực hiện chế độ lưu quan thay thế chế độ thổ quan

c. Kết quả - Ý nghĩa

- Kết quả:
 - +Cải cách Minh Mạng được tiến hành thành công.
 - + Hệ thống hành chính trên cả nước được thống nhất, hoàn thiện.
 - + Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước được phân định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, có sự giám sát, ràng buộc lẫn nhau.
 - + Chế độ quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền cao độ mang tính quan liêu

- Ý nghĩa:

- + Góp phần ổn định tình hình đất nước Đại Nam.
- + Bộ máy nhà nước và nền hành chính được thống nhất và hoạt động hiệu quả, đồng thời đặt nền móng cho thể chế chính trị triều Nguyễn giai đoạn sau.
- + Để lại nhiều bài học kinh nghiệm và những di sản quan trọng cho thế hệ sau này.

CÂU HỎI VẬN DỤNG • Tra ID đề – [4332071]

HSA 01 [559290]: Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quan trọng

- A. trong việc hình thành và phát triển lòng yêu nước.
- B. góp phần khơi dậy tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc.
- C. để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc cho hậu thế.
- D. đối với sự sinh tồn và phát triển của quốc gia, dân tộc.

HSA 02 [559291]: Trận quyết chiến chiến lược trong cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược thời Lý (1075 - 1077) diễn ra tại

- A. sông Bạch Đằng.
- B. ải Chi Lăng.
- C. sông Như Nguyệt.
- D. cửa ải Hàm Tử.

HSA 03 [559292]: Một trong những cuộc kháng chiến **không** thành công của nhân dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. kháng chiến chống quân Nam Hán thế kỉ X.
- B. kháng chiến chống quân Tống thế kỉ XI.
- C. kháng chiến chống quân Minh đầu thế kỉ XV.
- D. kháng chiến chống quân Thanh thế kỉ XVIII.

HSA 04 [559293]: **Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời câu hỏi sau đây:**

“Tiền Ngô vương có thể lấy quân mới họp của nước Việt ta mà đánh tan được trăm quân của Lưu Hoàng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể nói là một lần nổi giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy. Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi đế, đời niên hiệu nhưng chính thống của nước Việt ta, ngô hầu đã nổi lại được”

(Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 204, 20

)

Cuộc kháng chiến chống ngoại xâm nào được nhắc đến trong đoạn thông tin trên?

- A. Kháng chiến chống quân Nam Hán thế kỉ X.
- B. Kháng chiến chống quân Xiêm thế kỉ XVIII.
- C. Kháng chiến chống quân Mông Cổ thế kỉ XIII.
- D. Kháng chiến chống quân Thanh thế kỉ XVIII.

HSA 05 [559294]: **Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời câu hỏi sau đây:**

“Năm 1637, Giang Văn Minh được vua Lê cử đi sứ sang triều Minh. Trong buổi triều kiến vua Minh ra về đối: *Đồng trụ chí kim đài dĩ lục* (Cột đồng đến giờ rêu đã mọc xanh) nhắc đến sự tích cột đồng Mã Viện và thất bại của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Giang Văn Minh đi đối lại: *Đằng Giang tự cổ huyết do hồng*

(Sông Bạch Đằng xưa máu vẫn còn loang đỏ) *gợi lại* việc ba lần đánh bại quân xâm lược phương Bắc trên sông Bạch Đằng của dân tộc ta.”

Những cuộc kháng chiến nào của nhân dân Việt Nam đã ghi chiến công lừng lẫy trên sông Bạch Đằng?

- A. Kháng chiến chống quân Nam Hán (938), kháng chiến chống quân Tống (1075), kháng chiến chống quân Xiêm (1785).
- B. Kháng chiến chống quân Nam Hán (938), kháng chiến chống quân Tống (981), kháng chiến chống quân Nguyên (1287 - 1288).
- C. Kháng chiến chống quân Nam Hán (938), kháng chiến chống quân Nguyên (1285), *kháng* chiến chống quân Thanh (1789).
- D. Kháng chiến chống quân Nam Hán (938), kháng chiến chống quân Tống (981), kháng chiến chống quân Xiêm (1785).

HSA 06 [559295]: Tính chất chính nghĩa của một cuộc chiến tranh được thể hiện chủ yếu thông qua

- A. giai cấp lãnh đạo.
- C. phương pháp đấu tranh.
- B. lực lượng tham gia.
- D. mục đích chiến tranh.

HSA 07 [559296]: Nội dung nào **không** phản ánh đúng đặc điểm chung của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV?

- A. Đều chống lại các thế lực ngoại xâm đến từ phương Bắc.
- B. Đều kết thúc chiến tranh bằng biện pháp ngoại giao.
- C. Đều là các cuộc đấu tranh có tính chất chính nghĩa.
- D. Đều thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia.

HSA 08 [559297]: Trong thời kì Bắc thuộc, mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam là

- A. mâu thuẫn giữa nhân dân với chính quyền đô hộ phương Bắc.
- B. mâu thuẫn giữa hào trưởng địa phương với chính quyền đô hộ.
- C. Mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.
- D. mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp quý tộc.

HSA 09 [559298]: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40 đã đánh bại quân xâm lược nào?

- A. Quân Nam Hán.
- C. Quân Tùy.
- B. Quân Đông Hán.
- D. Quân Đường.

HSA 10 [559299]: **Dựa vào thông tin được cung cấp để trả lời câu hỏi sau đây:**

“Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc nông dân khởi nghĩa duy nhất trong thời phong kiến Việt Nam đã đánh bại kẻ thù trong và ngoài nước (...). Phong trào đã lật đổ nền thống trị của các tập đoàn phong kiến phản động, kết thúc tình trạng phân chia đất nước kéo dài trên hai thế kỉ, đánh tan quân xâm lược Xiêm và Thanh, đặt cơ sở cho công cuộc khôi phục quốc gia thống nhất sau này”.

(Phan Huy Lê, *Tìm hiểu thêm về phong trào nông dân Tây Sơn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 961, tr.37)

Phong trào Tây Sơn đã lật đổ các tập đoàn phong kiến nào?

- A. Chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

- B. Chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Trong, chúa Nguyễn ở Đàng Ngoài.
- C. Chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, chúa Hồ ở Đàng Trong.
- D. Chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Trong, chúa Hồ ở Đàng Ngoài.

HSA 11 [559300]: Một trong những đặc điểm nổi bật về nghệ thuật quân sự trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) là

- A. tiên phát chế nhân.
- C. thủy chiến.
- B. thanh dã
- D. vừa đánh vừa đàm.

HSA 12 [559301]: Nghệ thuật quân sự nào trong cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược (1075 - 1077) được kế thừa và phát huy trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?

- A. Kế sách “vườn không nhà trống”.
- C. Kế sách nghi binh chiến lược.
- B. Kế sách “tiên phát chế nhân”.
- D. Kết thúc chiến tranh bằng giảng hòa.

HSA 13 [559302]: Năm 544, khởi nghĩa Lý Bí thắng lợi đã thành lập ra nhà nước

- A. Vạn Xuân.
- B. Đại Việt.
- C. Đại Cồ Việt.
- D. Âu Lạc.

HSA 14 [559303]: Chiến thắng nào của vua Quang Trung đã đánh bại quân xâm lược Thanh năm 1789?

- A. Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa.
- B. Chiến thắng Đông Bộ Đầu.
- C. Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút.
- D. Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang.

HSA 15 [559304]: Cuộc cải cách Hồ Quý Ly và triều Hồ đã đề cao tư tưởng, tôn giáo nào?

- A. Phật giáo.
- B. Đạo giáo.
- C. Hồi giáo.
- D. Nho giáo.

HSA 16 [559305]: Về văn hóa - giáo dục, cuộc cải cách của Hồ Quý Ly **không** đề cập đến nội dung nào **sau** đây?

- A. Đề cao Nho giáo, hạn chế Phật giáo.
- C. Khuyến khích sử dụng chữ Nôm.
- B. **Bắt** tất cả các nhà sư phải hoàn tục.
- D. Mở rộng hệ thống các trường học.

HSA 17 [559306]: Tính dân tộc trong cải cách của Hồ Quý Ly được thể hiện rõ nhất ở nội dung nào sau đây?

- A. Đưa Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong đời sống chính trị.
- B. Hạn chế sự phát triển của Phật giáo và các tín ngưỡng dân gian.
- C. Đề cao và khuyến khích sử dụng chữ Nôm, biên soạn sách chữ Nôm.

D. Ban hành Quốc triều hình luật có nội dung tiến bộ.

HSA 18 [559307]: Công cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông được tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào?

- A. Nội bộ triều đình Lê sơ có nhiều mâu thuẫn, biến động.
- B. Chế độ quân chủ khủng hoảng nghiêm trọng, toàn diện.
- C. Đất nước đứng trước nguy cơ bị nhà Minh xâm lược.
- D. Thiên tai, mất mùa, đói kém xảy ra liên miên.

HSA 19 [559308]: Dưới thời vua Lê Thánh Tông, hệ thống quan lại được tuyển chọn chủ yếu thông qua con đường nào?

- A. Tiến cử.
- B. Giáo dục - khoa cử.
- C. Tôn thất, quý tộc.
- D. Công thần triều đại trước.

HSA 20 [559309]: Một trong những điểm mới và tiến bộ của Quốc triều hình luật là

- A. đề cao vai trò và quyền lực của vua.
- B. bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị.
- C. bảo vệ quyền lợi và địa vị của phụ nữ.
- D. đề cao quyền tự do, dân chủ của nhân dân

HSA 21 [559310]: Vì sao vua Lê Thánh Tông bãi bỏ một số chức quan đại thần?

- A. Để giảm bớt công việc cho nhà vua
- B. Để tập trung cao độ quyền lực vào tay vua
- C. Để học tập mô hình bộ máy nhà Minh.
- D. Để giảm bớt gánh nặng kinh tế.

HSA 22 [559311]: Cuộc cải cách hành chính lớn nhất của vương triều Nguyễn được tiến hành dưới thời vua

- A. Gia Long.
- B. Minh Mạng.
- C. Tự Đức.
- D. Bảo Đại.

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 23 đến 25,

“Năm 1075, trước những hành động chuẩn bị xâm lược Đại Việt của nhà Tống, nhà Lý là thực hiện kế sách “tiên phát chế nhân”, bất ngờ tấn công vào vùng tập kết của quân địch ở Quảng Đông và Quảng Tây (Trung Quốc), sau đó nhanh chóng rút quân về nước, chuẩn bị kháng chiến. Năm 1076, quân Tống tiến vào Đại Việt nhưng bị chặn lại ở phòng tuyến sông Như Nguyệt (Bắc Ninh ngày nay). Năm 1077, Lý Thường Kiệt bất ngờ cho quân vượt sông, tấn công vào doanh trại địch. Quân Tống thiệt hại nặng.”

HSA 23 [559312]: Đoạn thông tin trên phản ánh nội dung nào sau đây?

- A. Kết quả, ý nghĩa cuộc kháng chiến chống Tống của vương triều nhà Lý.
- B. Diễn biến, kết quả cuộc kháng chiến chống Tống của vương triều nhà Lý.
- C. Nguyên nhân thắng lợi cuộc kháng chiến chống Tống của vương triều nhà Lý.
- D. Thuận lợi, khó khăn của cuộc kháng chiến chống Tống của vương triều nhà Lý.

HSA 24 [559313]: Kế sách “tiên phát chế nhân” được hiểu là

- A.** đem quân đánh giặc trước để giành thế chủ động sau đó rút về phòng thủ.
- B.** huy động toàn bộ lực lượng dân tộc tham gia cuộc chiến tranh nhân dân.
- C.** sử dụng đòn đánh tâm lý đánh vào ý chí chiến đấu của kẻ thù.
- D.** xây dựng hệ thống thành lũy kiên cố để phòng thủ trước kẻ thù.

HSA 25 [559314]: Cuộc kháng chiến chống Tống của quân dân nhà Lý đặt dưới sự lãnh đạo của

- A.** Lê Hoàn.
- B.** Lý Thường Kiệt.
- C.** Lê Lợi.
- D.** Nguyễn Huệ.

Hoctot365.edu.vn